BỘ Y TẾ **TRUNG TÂM MUA SẮM TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA** Số: 46 /QĐ-TTMS	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2024*

cdt.tmt_Dau Thanh Duc_15/08/2024 17:27:...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp thuốc ARV năm 2024-2025 đợt 3

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM MUA SẮM TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị quyết số 112/NQ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ về việc thành lập Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược;

Căn cứ Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch Đầu tư Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch Đầu tư quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu ;

Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BYT ngày 17/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 1650/QĐ-BYT ngày 27/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1679/QĐ-BYT ngày 17/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ thực hiện mua sắm thuốc có hoạt chất Tenofovir disoproxil fumarate, Lamivudine, Dolutegravir;

Căn cứ Quyết định số 2087/QĐ-BYT ngày 16 /7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp thuốc ARV năm 2024-2025 đợt 3;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-TTMS ngày 19/7/2024 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu qua mạng Gói thầu cung cấp thuốc ARV năm 2024-2025 đợt 3.

Căn cứ biên bản mở thầu gói thầu Cung cấp thuốc ARV năm 2024-2025 đợt 3 ngày 06/8/2024;

Căn cứ Báo cáo đánh giá E-HSDT số 01/BC-TCG34 ngày 08/8/2024 của Tổ chuyên gia đấu thầu gói thầu Cung cấp thuốc ARV năm 2024-2025 đợt 3;

Căn cứ Tờ trình số 48/TTr-NVĐT ngày 12/8/2024 của Phòng Nghiệp vụ Đấu thầu về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp thuốc ARV năm 2024-2025 đợt 3;

Căn cứ Báo cáo Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu số 02/BC-ARV35 ngày 13/8/2024 của Tổ Thẩm định đấu thầu;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Đấu thầu.

dvcdvms.Dau Thanh Du 15/8/2024 7:25

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp thuốc ARV năm 2024-2025 đợt 3 thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt tại Quyết định số 2087/QĐ-BYT ngày 16/7/2024, cụ thể:

- Tên đơn vị trúng thầu: Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức.
- Giá trúng thầu: chi tiết tại phụ lục kèm theo.
- Nguồn vốn: ngân sách nhà nước và bảo hiểm y tế.
- Cách thức thực hiện: Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia ký thỏa thuận khung; cơ sở y tế ký hợp đồng trực tiếp với nhà thầu.
- Thời gian thực hiện thỏa thuận khung: 19 tháng.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 18 tháng.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 18 tháng.
- Loại hợp đồng: theo đơn giá cố định.

Điều 2. Giá trúng thầu đã nêu tại Điều 1 là giá đã bao gồm toàn bộ các chi phí liên quan để thực hiện gói thầu như chi phí bao bì, đóng gói, bảo quản, vận chuyển giao hàng đến kho các cơ sở y tế và các loại thuế, phí, lệ phí theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng Nghiệp vụ thuộc Trung tâm và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT. Lê Đức Luận (để b/c);
- Cục Phòng, chống HIV/AIDS;
- Trung tâm GĐBHYT và TTĐT;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Các Phó Giám đốc;
- Lưu: VT, NVĐT.

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM MUA SẮM TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

Lê Thành Công

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẮM TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRUNG TÂM MUA SẮM TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

ducdt.ttms Đào Thanh Duc 15/08/2024 17:27:55

PHỤ LỤC 1: KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

GÓI THẦU CUNG CẤP THUỐC ARV NĂM 2024-2025 ĐỢT 3

(Ban hành kèm theo Quyết định số 46/QĐ-TTMS ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia)

Stt	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm TCKT	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
I	**Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức**																
1	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	93.042.893	2.651	246.656.709.343
TỔNG CỘNG:																	**246.656.709.343**

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẮM TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2: PHẠM VI CUNG CẤP CHI TIẾT THEO TỪNG MẶT HÀNG
GÓI THẦU CUNG CẤP THUỐC ARV NĂM 2024-2025 ĐỢT 3
(Ban hành kèm theo Quyết định số 06/QĐ-TTMS ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia)

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GPLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
1	**1**	**AN5**	**Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg**	**Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg**	**50mg, 300mg, 300mg**	**Viên nén bao phim, uống**	**Hộp 1 lọ HDPE 30 viên**	**Nhóm 5**	**24 tháng**	**890110445523**	**Hetero Labs Limited**	**Ấn Độ**	**Viên**	2.651	2.297.420	353.360	371.090	422.275	368.055	385.075	397.565	6.090.460.420	**NSNN**	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức					
1	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.560	240	360	180	180	240	360	4.135.560	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	Trung tâm y tế thành phố Long Xuyên	89001	Trung tâm y tế thành phố Long Xuyên	89001
2	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	810	90	270	90	0	90	270	2.147.310	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	Trung tâm y tế huyện An Phú	89003	Trung tâm y tế huyện An Phú	89003
3	**1**	**AN5**	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.260	150	450	60	0	150	450	3.340.260	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	Bệnh viện đa khoa khu vực Tân Châu	89004	Bệnh viện đa khoa khu vực Tân Châu	89004
4	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	270	30	90	0	0	30	120	715.770	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	TTYT huyện Phú Tân	89005	TTYT huyện Phú Tân	89005
5	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.610	450	450	360	450	450	450	6.919.110	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	Trung tâm y tế thị xã Tịnh Biên	89006	Trung tâm y tế thị xã Tịnh Biên	89006
6	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	12.060	1.950	2.250	1.860	1.800	1.950	2.250	31.971.060	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	Trung tâm y tế huyện Châu Phú	89008	Trung tâm y tế huyện Châu Phú	89008
7	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	390	60	180	30	0	30	90	1.033.890	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	Trung tâm y tế huyện Chợ Mới	89009	Trung tâm y tế huyện Chợ Mới	89009
8	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	26.880	4.470	4.500	4.410	4.500	4.500	4.500	71.258.880	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	Trung tâm y tế huyện Thoại Sơn	89011	Trung tâm y tế huyện Thoại Sơn	89011
9	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	6.360	840	2.160	180	180	840	2.160	16.860.360	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	Bệnh viện Sản Nhi	89185	Bệnh viện Sản Nhi	89185
10	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	150	30	30	0	30	30	30	397.650	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bà Rịa - Vũng Tàu	Bệnh viện Vũng Tàu	77001	Bệnh viện Vũng Tàu	77001
11	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	3.960	540	720	540	720	720	720	10.497.960	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bà Rịa - Vũng Tàu	Bệnh viện Bà Rịa	77003	Bệnh viện Bà Rịa	77003

TRUNG TÂM MUA SẮM TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA
ducdt.tmss_Dau Thanh Duc 15/08/2024 17:07:55

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
12	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	3.360	600	900	690	270	360	540	8.907.360	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trung tâm y tế Thành phố Vũng Tàu	77004	Trung tâm y tế Thành phố Vũng Tàu	77004
13	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	6.390	810	1.440	870	630	1.020	1.620	16.939.890	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trung tâm Y tế huyện Long Điền	77005	Trung tâm Y tế huyện Long Điền	77005
14	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.530	270	270	450	180	180	180	4.056.030	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trung tâm y tế huyện Xuyên Mộc	77006	Trung tâm y tế huyện Xuyên Mộc	77006
15	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	22.770	3.450	3.600	3.900	3.930	3.930	3.960	60.363.270	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trung tâm y tế thị xã Phú Mỹ	77007	Trung tâm y tế thị xã Phú Mỹ	77007
16	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	45.330	8.040	6.300	6.000	6.660	11.580	6.750	120.169.830	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trại giam Xuyên Mộc	77008	Trại giam Xuyên Mộc	77008
17	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	60	0	30	0	0	0	30	159.060	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Ninh	Trung tâm y tế huyện Gia Bình	27006	TTYT Huyện Gia Bình	27006
18	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	6.120	900	900	1.080	1.080	1.080	1.080	16.224.120	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Ninh	Trung tâm y tế Thị Xã Quế Võ	27008	TTYT Thị Xã Quế Võ	27008
19	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	150	0	0	150	0	0	0	397.650	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Ninh	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Ninh	27009	BVĐK Tỉnh Bắc Ninh	27009
20	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	90	0	0	0	90	0	0	238.590	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Ninh	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Ninh	27025	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Ninh	27025
21	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	3.240	540	540	540	540	540	540	8.589.240	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bến Tre	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	83009	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	83009
22	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	27.690	4.290	4.500	7.920	3.750	3.630	3.600	73.406.190	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bến Tre	Trại Giam Châu Bình		Trại Giam Châu Bình	
23	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	840	90	180	150	60	90	270	2.226.840	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương	74001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương	74001
24	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	30	0	0	30	0	0	0	79.530	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	Trung tâm y tế TP. Thủ Dầu Một	74008	Phòng khám đa khoa - Nhà hộ sinh thuộc Trung tâm y tế thành phố Thủ Dầu Một	74008

ducdt.tms_Dau Thanh Duc 15/08/2025 17:27:55

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
25	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	240	0	0	0	0	60	180	636.240	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Dĩ An	74028	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Dĩ An	74028
26	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	300	0	0	150	150	0	0	795.300	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	Trung tâm Y tế Thành Phố Thuận An	74039	Trung tâm Y tế Thành Phố Thuận An	74039
27	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	150	0	0	150	0	0	0	397.650	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	Trung Tâm Y Tế Thị Xã Bến Cát	74050	Trung tâm y tế thị xã Bến Cát	74050
28	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	90	0	0	90	0	0	0	238.590	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	Trung Tâm Y Tế Thành phố Tân Uyên	74066	Trung tâm Y tế thành phố Tân Uyên	74066
29	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	5.250	1.050	1.080	600	750	870	900	13.912.750	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	Trung tâm y tế Huyện Phú Giáo	74089	Trung Tâm Y Tế Huyện Phú Giáo	74089
30	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	30	0	0	30	0	0	0	79.530	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	TTYT Huyện Dầu Tiếng	74102	TTYT Huyện Dầu Tiếng	74102
31	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	60	0	0	0	60	0	0	159.060	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	Trung tâm Y tế huyện Bắc Tân Uyên	74201	Trung tâm Y tế huyện Bắc Tân Uyên	74201
32	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	180	30	90	0	60	0	0	477.180	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	Trung tâm y tế huyện Bàu Bàng	74202	Trung tâm y tế huyện Bàu Bàng	74202
33	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	36.360	6.300	6.300	6.030	6.000	5.880	5.850	96.390.360	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	Trại giam An Phước		Trại giam An Phước	
34	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	20.190	3.000	3.150	3.300	3.450	3.600	3.690	53.523.690	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	Trại giam Phú Hòa		Trại giam Phú Hòa	
35	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	9.270	1.440	1.440	1.800	1.530	1.530	1.530	24.574.770	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Định	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định	52001	BVĐK tỉnh Bình Định	52001
36	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	3.180	540	540	240	600	630	630	8.430.180	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cao Bằng	TTYT Thành Phố Cao Bằng	04001	TTYT Thành Phố Cao Bằng	04001
37	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	12.310	2.150	2.420	1.290	2.010	2.170	2.270	32.633.810	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cao Bằng	Bệnh viện đa khoa tỉnh Cao Bằng	04014	BVĐK tỉnh Cao Bằng	04014

ducdt.tms_Dau Thanh 15/08/2025 17:27:55

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
38	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120	30	30	30	0	0	30	318.120	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cần Thơ	Bệnh viện Quân Y 121	92002	Bệnh viện Quân Y 121	92002
39	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	150	30	30	0	30	30	30	397.650	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cần Thơ	Bệnh viện Nhi Đồng thành phố Cần Thơ	92003	Bệnh viện Nhi Đồng thành phố Cần Thơ	92003
40	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	3.240	540	540	540	540	540	540	8.589.240	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cần Thơ	Bệnh Viện Đa Khoa Thành Phố Cần Thơ	92004	Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ	92004
41	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	210	30	60	0	30	30	60	556.710	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cần Thơ	TTYT Quận Bình Thủy	92005	Trung tâm Y tế quận Bình Thủy	92005
42	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	9.240	1.290	1.350	1.470	1.590	1.740	1.800	24.495.240	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cần Thơ	Trung tâm Y tế quận Cái Răng	92006	Trung tâm Y tế quận Cái Răng	92006
43	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	180	30	30	30	30	30	30	477.180	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cần Thơ	Bệnh viện đa khoa quận Ô Môn	92007	Bệnh viện đa khoa quận Ô Môn	92007
44	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	450	90	90	30	60	60	120	1.192.950	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cần Thơ	Bệnh Viện Đa Khoa Quận Thốt Nốt	92010	Bệnh viện Đa Khoa quận Thốt Nốt	92010
45	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	540	90	180	0	0	90	180	1.431.540	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đà Nẵng	Trung tâm Y tế quận Thanh Khê	48004	Trung tâm Y tế quận Thanh Khê	48004
46	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.080	360	360	90	90	90	90	2.863.080	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đà Nẵng	Bệnh viện Da Liễu thành phố Đà Nẵng	48013	Bệnh viện Da Liễu thành phố Đà Nẵng	48013
47	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.740	90	90	480	360	360	360	4.612.740	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đà Nẵng	Bệnh viện Da Liễu thành phố Đà Nẵng	48013	Bệnh viện Da Liễu thành phố Đà Nẵng	48013
48	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.610	300	900	60	90	360	900	6.919.110	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đà Nẵng	BV Phụ sản - Nhi Đà Nẵng	48124	BV Phụ sản - Nhi Đà Nẵng	48124
49	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	480	60	180	0	0	60	180	1.272.480	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đà Nẵng	Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang	48128	Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang	48128
50	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	660	90	150	90	120	60	150	1.749.660	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đà Nẵng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đà Nẵng	48492	Trung tâm kiểm soát bệnh tật Tp. Đà Nẵng	48492

ducdttms_Dau Thanh 15/08/2024 17:27:55

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
51	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	82.770	12.300	12.870	13.950	14.370	14.610	14.670	219.423.270	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đắk Lắk	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Lắk	66242	Phòng khám chuyên khoa HIV/AIDS	66242
52	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.620	360	360	360	180	180	180	4.294.620	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đắk Nông	Trung tâm Y tế huyện Đắk Glong	67001	Trung tâm Y tế H.Đắk Glong	67001
53	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.320	210	270	180	180	210	270	3.499.320	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đắk Nông	Trung tâm Y tế huyện Krông Nô	67009	Trung tâm Y tế H.Krông Nô	67009
54	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.230	210	270	90	180	210	270	3.260.730	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đắk Nông	Trung tâm Y tế huyện Cư Jút	67011	Trung tâm Y tế H.Cư Jút	67011
55	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	9.180	900	900	2.160	1.620	1.800	1.800	24.336.180	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đắk Nông	Trung tâm y tế huyện Đắk Mil	67012	Trung tâm Y tế H.Đắk Mil	67012
56	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.220	360	360	420	360	360	360	5.885.220	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đắk Nông	Trung tâm Y tế huyện Đắk R'lấp	67014	Trung tâm Y tế H.Đắk R'Lấp	67014
57	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.440	180	180	270	270	270	270	3.817.440	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đắk Nông	Trung tâm Y tế huyện Tuy Đức	67074	Trung tâm Y tế H.Tuy Đức	67074
58	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	4.380	720	720	870	630	720	720	11.611.380	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đắk Nông	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông	67093	Phòng khám Đa Khoa - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông	67093
59	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	12.870	1.710	1.800	3.540	1.890	1.950	1.980	34.118.370	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đắk Nông	Trại giam Đắk Plao		Trại giam Đắk Plao	
60	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	540	90	90	90	90	90	90	1.431.540	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Nai	Bệnh Viện Đa Khoa Đồng Nai	75001	Bệnh Viện Đa Khoa Đồng Nai	75001
61	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	540	90	90	90	90	90	90	1.431.540	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Nai	Bệnh Viện Đa Khoa Thống Nhất	75002	Bệnh Viện Đa Khoa Thống Nhất	75002
62	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	360	60	90	30	60	30	90	954.360	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Nai	Trung Tâm Y Tế Huyện Xuân Lộc	75013	Trung tâm y tế Huyện Xuân Lộc	75013
63	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	480	90	90	60	60	90	90	1.272.480	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Nai	Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai	75022	Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai	75022

ducdt.tms_Dau Thanh 15/08/2024 17:27:55

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
64	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	540	90	90	90	90	90	90	1.431.540	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Nai	Bệnh Viện Da Liễu Tỉnh Đồng Nai	75234	Bệnh Viện Da Liễu Tỉnh Đồng Nai	75234
65	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	3.510	540	630	570	570	570	630	9.305.010	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Nai	Trung tâm Y tế huyện Long Thành	75299	Phòng khám đa khoa - Trung tâm y tế huyện Long Thành	75299
66	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	330	60	30	60	30	60	90	874.830	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Nai	Trung Tâm Y Tế Thành phố Long Khánh	75303	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS thuộc Trung Tâm Y Tế Thành phố Long Khánh	75303
67	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	540	90	90	90	90	90	90	1.431.540	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Nai	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai	75308	Phòng khám chuyên khoa HIV/AIDS thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai	75308
68	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	70.200	11.700	11.700	11.700	11.700	11.700	11.700	186.100.200	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Nai	Trại Giam Xuân Lộc		Trại Giam Xuân Lộc	
69	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.530	360	450	180	180	180	180	4.056.030	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Tháp	Trung tâm y tế huyện Tam Nông	87004	Trung tâm y tế huyện Tam Nông	87004
70	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.340	270	270	720	360	360	360	6.203.340	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Tháp	Trung tâm y tế huyện Lấp Vò	87005	Trung tâm y tế huyện Lấp Vò	87005
71	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	900	180	180	0	180	180	180	2.385.900	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Tháp	Trung tâm Y tế tế huyện Thanh Bình	87010	Trung tâm y tế Huyện Thanh Bình	87010
72	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	23.220	3.600	4.320	3.330	3.330	3.870	4.770	61.556.220	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Tháp	Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	87012	Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	87012
73	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	3.270	720	900	390	360	450	450	8.668.770	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Tháp	BVĐK Sa Đéc	87014	BVĐK Sa Đéc	87014
74	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	3.390	900	900	330	360	450	450	8.986.890	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Tháp	Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự	87015	Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự	87015
75	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	5.220	270	270	1.590	960	1.050	1.080	13.838.220	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Tháp	Trung tâm y tế huyện Tháp Mười	87183	Trung tâm y tế huyện Tháp Mười	87183
76	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	9.210	1.170	1.170	2.550	1.440	1.440	1.440	24.415.710	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Giang	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Giang	02001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Giang	02001

ducdtms Dau Thanh Duc 15/08/2024 17:27:55

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
77	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	6.510	720	720	1.830	1.080	1.080	1.080	17.258.010	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Giang	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	02004	Bệnh Viện đa khoa khu vực Bắc Quang	02004
78	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	540	90	90	90	90	90	90	1.431.540	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Giang	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	02005	BVĐK Vị Xuyên	02005
79	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	180	90	90	0	0	0	0	477.180	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Giang	Bệnh viện đa khoa huyện bắc mê	02008	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Bắc Mê	02008
80	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	540	90	90	90	90	90	90	1.431.540	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Giang	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	02010	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	02010
81	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	90	0	30	30	0	0	30	238.590	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Giang	BVĐK huyện Mèo Vạc	02012	BVĐK huyện Mèo Vạc	02012
82	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.080	180	180	180	180	180	180	2.863.080	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Giang	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Quang Bình	02013	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Quang Bình	02013
83	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	94.470	14.850	15.120	15.870	15.900	16.260	16.470	250.439.970	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nam	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	35155	Khoa PC HIV - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	
84	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	27.510	4.680	4.530	4.560	4.530	4.680	4.530	72.929.010	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Tĩnh	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Tĩnh	42315	Phòng khám, Điều trị HIV/AIDS CDC Hà Tĩnh	42315
85	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	28.500	4.560	4.590	4.530	4.800	4.980	5.040	75.553.500	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Dương	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới tỉnh Hải Dương	30341	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới tỉnh Hải Dương	30341
86	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	86.670	12.570	12.600	21.450	13.140	13.410	13.500	229.762.170	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Dương	Trại giam Hoàng Tiến		Trại giam Hoàng Tiến	
87	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	17.100	2.610	3.330	1.770	2.550	3.060	3.780	45.332.100	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hòa Bình	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hòa Bình	17001	Bệnh Viện đa khoa tỉnh Hòa Bình	17001
88	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	6.240	870	900	1.770	900	900	900	16.542.240	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hòa Bình	Trung tâm Y tế huyện Mai Châu	17008	Trung tâm Y tế huyện Mai Châu	17008
89	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	11.010	1.530	1.530	3.090	1.620	1.620	1.620	29.187.510	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hòa Bình	Trung tâm y tế huyện Lạc sơn	17010	Trung tâm y tế huyện Lạc Sơn	17010

ducdt.tms_Dau Thanh 15/08/2025 17:27:55

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
90	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	870	180	180	180	90	90	150	2.306.370	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hòa Bình	Trung tâm y tế huyện Kim Bôi	17012	Trung tâm y tế huyện Kim Bôi	17012
91	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.080	180	180	180	180	180	180	2.863.080	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Nhân dân Gia Định	79030	BVND Gia Định	79030
92	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.890	270	270	270	360	360	360	5.010.390	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Quân y 175	79034	Bệnh viện Quân y 175	79034
93	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	5.820	810	810	1.500	900	900	900	15.428.820	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	BỆNH VIỆN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC	79037	BỆNH VIỆN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC	79037
94	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	630	90	90	180	90	90	90	1.670.130	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Bệnh Viện ĐKKV Củ Chi	79039	BVĐKKV Củ Chi	79039
95	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	18.000	2.700	2.700	4.500	2.700	2.700	2.700	47.718.000	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	79394	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	79394
96	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.010	360	330	300	330	360	330	5.328.510	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Hùng Vương	79400	BV Hùng Vương	79400
97	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	240	30	60	30	30	30	60	636.240	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Nhi đồng 1	79405	Bệnh viện Nhi đồng 1	79405
98	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	180	0	0	30	30	60	60	477.180	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Nhi Đồng 2	79408	Bệnh viện Nhi Đồng 2	79408
99	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.800	360	360	90	270	360	360	4.771.400	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	BV Từ Dũ	79414	BV Từ Dũ	79414
100	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	540	90	90	90	90	90	90	1.431.540	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	79499	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	79499
101	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	9.930	1.530	1.530	2.550	1.440	1.440	1.440	26.324.430	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN 8	79582	PHÒNG KHÁM ĐA KHOA THUỘC TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN 8	79581
102	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.850	450	630	240	390	510	630	7.555.350	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Thành Phố Thủ Đức	79583	Trung tâm Y tế Thành Phố Thủ Đức	79583

ducdhtms_Dau Thanh_15/08/2024 17:27:55

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
103	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	600	300	300	0	0	0	0	1.590.600	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Quận 7	79590	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Y tế Quận 7	79584
104	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	5.460	780	1.800	180	180	720	1.800	14.474.460	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y Tế quận Bình Tân	79996	Trung tâm Y Tế quận Bình Tân - Cơ sở 3	79586
105	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	3.660	690	720	630	540	540	540	9.702.660	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế quận 10	79027	Trung tâm Y tế Quận 10 - Cơ sở 2	79591
106	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	6.210	1.200	570	1.200	1.200	1.200	840	16.462.710	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y tế Quận 11	79596	Phòng khám Đa khoa (Thuộc Trung Tâm Y Tế Quận 11)	79594
107	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	6.150	900	900	1.080	1.080	1.080	1.110	16.303.650	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN 3	79009	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN 3 - CƠ SỞ 4	79600
108	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.710	270	270	150	150	330	540	4.533.210	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Huyện Bình Chánh	79604	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Y tế Huyện Bình Chánh	79603
109	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	6.270	870	900	1.800	900	900	900	16.621.770	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Thành Phố Thủ Đức	79583	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Thủ Đức	79607
110	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	6.270	960	990	1.440	900	990	990	16.621.770	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế huyện Hóc Môn	79640	Trung tâm Y tế huyện Hóc Môn - Cơ sở 2	79609
111	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	570	90	90	120	90	90	90	1.511.070	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Quận 12	79612	Trung tâm Y tế Quận 12	79612
112	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	12.000	1.860	2.250	1.950	1.950	1.950	2.040	31.812.000	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Quận 5	79015	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm Y tế Quận 5	79613
113	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	3.000	450	450	750	450	450	450	7.953.000	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế huyện Củ Chi	79728	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS (Thuộc Trung Tâm Y tế huyện Củ Chi)	79617
114	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	3.930	720	810	960	540	450	450	10.418.430	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Quận 1	79610	Trung tâm Y tế Quận 1 - Cơ sở 2	79651
115	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.020	120	150	180	180	180	210	2.704.020	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Thành Phố Thủ Đức	79583	Trung tâm Y tế Thành Phố Thủ Đức - Cơ sở 2	79652

ducdtdms_Dau Thanh 15/08/2024 17:27:55

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
116	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	3.030	870	900	570	300	210	180	8.032.530	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Quận Gò Vấp	79580	Trung tâm Y tế Quận Gò Vấp - Cơ sở 2 (Phòng khám chuyên khoa Nội tổng hợp)	79653
117	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	6.690	1.230	1.440	1.350	900	870	900	17.735.190	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y tế Quận Bình Thạnh	79579	Trung Tâm Y Tế quận Bình Thạnh - Cơ sở 2	79655
118	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.820	360	360	750	450	450	450	7.475.820	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y Tế Quận Phú Nhuận	79587	Trung tâm y tế Quận Phú Nhuận - Cơ sở 2	79656
119	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	4.500	900	0	900	900	900	900	11.929.500	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Quận 6	79599	Trung tâm Y tế Quận 6 - Cơ Sở 2	79657
120	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.080	90	90	225	225	225	225	2.863.080	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y tế Quận 4	79602	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN 4-CƠ SỞ 3	79662
121	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	8.280	1.200	1.350	1.350	1.350	1.350	1.680	21.950.280	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Quận Tân Bình	79574	Trung tâm y tế Quận Tân Bình - Cơ sở 2	79663
122	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	6.840	960	1.080	1.830	930	960	1.080	18.132.840	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Quận Tân Phú	79577	Trung tâm Y tế Quận Tân Phú- Cơ sở 2	79664
123	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	9.870	1.470	1.530	1.920	1.440	1.710	1.800	26.165.370	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Công an Thành phố Hồ Chí Minh		Trại tạm giam Chí Hòa	
124	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	263.370	36.210	36.270	47.700	47.700	47.700	47.790	698.193.870	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	BV Nhân Ái		BV Nhân Ái	
125	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	600	90	90	150	90	90	90	1.590.600	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang	91001	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang	91001
126	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	330	60	90	30	0	60	90	874.830	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên	91002	Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên	91002
127	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	300	30	90	30	30	30	90	795.300	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Trung tâm Y tế huyện Tân Hiệp	91004	Trung tâm Y tế huyện Tân Hiệp	91004
128	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120	0	30	30	30	0	30	318.120	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng	91006	Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng	91006

ducdtvtms_Dau Thanh 15/08/2024 17:27:55

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
129	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	390	60	90	90	0	60	90	1.033.890	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Trung Tâm Y Tế Huyện Gò Quao	91007	Trung Tâm Y Tế Huyện Gò Quao	91007
130	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	330	60	90	30	0	60	90	874.830	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Trung Tâm Y Tế Huyện An Minh	91009	Trung Tâm Y tế huyện An Minh	91009
131	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	600	60	180	120	0	60	180	1.590.600	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thuận	91010	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thuận	91010
132	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	360	0	0	90	90	90	90	954.360	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Trung tâm Y tế Thành phố Phú Quốc	91011	Trung tâm Y tế Thành phố Phú Quốc	91011
133	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	270	0	0	90	30	60	90	715.770	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Trung tâm Y Tế Kiên Lương	91013	Trung tâm y tế huyện Kiên Lương	91013
134	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	27.570	4.470	4.680	4.650	4.590	4.590	4.590	73.088.070	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Trung tâm y tế Tp. Rạch Giá Kiên Giang	91101	Trung tâm Y tế Tp. Rạch Giá Kiên Giang	91101
135	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.740	330	270	270	270	330	270	4.612.740	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Bệnh viện Sản Nhi Kiên Giang	91917	Bệnh viện Sản Nhi Kiên Giang	91917
136	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.320	180	450	60	0	180	450	3.499.320	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lai Châu	Trung tâm Y tế huyện Tam Đường	12001	Trung tâm Y tế huyện Tam Đường	12001
137	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.350	150	450	150	0	150	450	3.578.850	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lai Châu	TTYT huyện Phong Thổ	12013	TTYT huyện Phong Thổ	12013
138	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.890	210	630	210	0	210	630	5.010.390	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lai Châu	TTYT huyện Sin Hồ	12014	TTYT huyện Sin Hồ	12014
139	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.200	150	450	120	0	120	360	3.181.200	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lai Châu	TTYT huyện Mường Tè	12015	TTYT huyện Mường Tè	12015
140	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	570	60	180	30	30	90	180	1.511.070	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lai Châu	TTYT huyện Than Uyên	12016	TTYT huyện Than Uyên	12016
141	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	420	30	90	60	0	60	180	1.113.420	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lai Châu	Trung tâm y tế huyện Tân Uyên	26065	TTYT huyện Tân Uyên	12101

ducdt-tms_Dau Thanh 15/08/2025 17:27:55

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
142	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	690	60	180	90	0	90	270	1.829.190	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lai Châu	TTYT huyện Nậm Nhùn		TTYT huyện Nậm Nhùn	
143	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.100	150	450	300	0	300	900	5.567.100	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lai Châu	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lai Châu	12143	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Lai Châu	12143
144	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	7.290	1.170	1.800	600	750	1.170	1.800	19.325.790	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lào Cai	Bệnh viện đa khoa huyện Bảo Thắng	10003	Bệnh viện đa khoa huyện Bảo Thắng	10003
145	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	3.720	600	900	360	360	600	900	9.861.720	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lào Cai	Bệnh viện đa khoa huyện Bảo Yên	10004	Bệnh viện đa khoa huyện Bảo Yên	10004
146	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	3.180	510	810	270	270	510	810	8.430.180	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lào Cai	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Bát Xát - Tỉnh Lào Cai	10007	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Bát Xát - Tỉnh Lào Cai	10007
147	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	8.550	1.440	1.800	960	1.110	1.440	1.800	22.666.050	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lào Cai	Bệnh viện đa khoa huyện Văn Bàn	10008	Bệnh viện đa khoa huyện Văn Bàn	10008
148	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.490	420	720	180	270	360	540	6.600.990	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lào Cai	Bệnh Viện Đa Khoa Thị xã Sa Pa	10009	Bệnh Viện Đa Khoa Thị xã Sa Pa	10009
149	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	6.600	1.200	1.200	900	900	1.200	1.200	17.496.600	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lào Cai	Bệnh viện ĐK tỉnh Lào Cai	10061	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lào Cai	10061
150	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	3.840	510	540	630	720	720	720	10.179.840	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lâm Đồng	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng	68001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng	68001
151	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	5.280	870	900	810	900	900	900	13.997.280	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lâm Đồng	Trung tâm y tế huyện Đức Trọng	68440	Trung Tâm Y Tế Huyện Đức Trọng	68440
152	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	4.560	600	630	720	810	900	900	12.088.560	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lâm Đồng	BV II Lâm Đồng	68650	BV II Lâm Đồng	68650
153	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	19.110	3.000	3.150	3.090	3.240	3.300	3.330	50.660.610	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lâm Đồng	Trại Giam Đại Bình		Trại giam Đại Bình	
154	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	540	90	90	90	90	90	90	1.431.540	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nam Định	Trung tâm y tế huyện Trực Ninh	36011	Trung tâm y tế huyện Trực Ninh	36011

ducdtums_Dau Thanh Duc 15/08/2025 17:27:55

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
155	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.740	300	360	180	270	270	360	4.612.740	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nam Định	Bệnh viện đa khoa huyện Hải Hậu	36017	Bệnh viện đa khoa huyện Hải Hậu	36017
156	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	4.800	750	810	810	810	810	810	12.724.800	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nam Định	Trung tâm y tế huyện Xuân Trường	36022	Trung tâm y tế huyện Xuân Trường	36022
157	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.230	210	270	120	180	180	270	3.260.730	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nam Định	Trung tâm y tế huyện Giao Thủy	36025	Trung tâm y tế huyện Giao Thủy	36025
158	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.800	330	450	270	270	270	210	4.771.800	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nam Định	Trung tâm y tế huyện Nghĩa Hưng	36028	Trung tâm y tế huyện Nghĩa Hưng	36028
159	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.200	180	300	60	180	180	300	3.181.200	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nam Định	Trung tâm Y tế huyện Ý Yên	36032	Trung tâm Y tế huyện Ý Yên	36032
160	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	210	0	0	120	90	0	0	556.710	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nam Định	Bệnh viện Phụ sản tỉnh	36044	Bệnh viện Phụ sản tỉnh	36044
161	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	5.220	780	1.320	450	750	750	1.170	13.838.220	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nam Định	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nam Định	36060	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nam Định	36060
162	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	133.350	19.500	20.700	26.520	21.780	22.350	22.500	353.510.850	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Ninh Bình	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	37094	Phòng khám Chuyên khoa HIV/AIDS và điều trị nghiện chất	37094
163	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	15.060	2.220	2.280	2.400	2.550	2.730	2.880	39.924.060	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Ninh Bình	Trung tâm y tế thành phố Tam Điệp	37201	Trung tâm y tế Thành phố Tam Điệp	37201
164	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	30	0	0	0	30	0	0	79.530	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Ninh Bình	Trung tâm y tế huyện Gia Viễn	37401	Trung tâm y tế huyện Gia Viễn	37401
165	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	60	0	0	0	60	0	0	159.060	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Ninh Bình	Trung tâm y tế huyện Hoa Lư	37501	Trung tâm y tế huyện Hoa Lư	37501
166	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120	30	0	0	60	30	0	318.120	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Ninh Bình	Bệnh viện đa khoa huyện Kim Sơn	37701	Bệnh viện đa khoa huyện Kim Sơn	37701
167	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	30	0	0	0	30	0	0	79.530	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Ninh Bình	Trung tâm y tế huyện Yên Khánh	37801	Trung tâm y tế huyện Yên Khánh	37801

ducdhtms_Dau Thanh 15/08/2025 17:27:55

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
168	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	23.700	3.690	3.960	3.810	3.930	4.080	4.230	62.828.700	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Phú Yên	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Phú Yên	54117	Trại giam Xuân Phước	
169	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	3.480	270	270	1.350	900	420	270	9.225.480	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Quảng Ngãi	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi	51224	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS	51224
170	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	22.560	3.810	3.870	3.540	3.660	3.810	3.870	59.806.560	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Quảng Trị	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Trị	45092	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Trị	45092
171	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.700	450	450	450	450	450	450	7.157.700	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng	94001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng	94001
172	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.700	450	450	450	450	450	450	7.157.700	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm Y tế huyện Mỹ Xuyên	94002	Trung tâm Y tế huyện Mỹ Xuyên	94002
173	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.700	450	450	450	450	450	450	7.157.700	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm Y tế huyện Mỹ Tú	94003	Trung tâm Y tế huyện Mỹ Tú	94003
174	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	300	0	0	180	90	30	0	795.300	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm Y tế huyện Long Phú	94004	Trung tâm Y tế huyện Long Phú	94004
175	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.080	180	180	180	180	180	180	2.863.080	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm y tế huyện Kế Sách	94005	Trung tâm Y tế huyện Kế Sách	94005
176	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.080	180	180	180	180	180	180	2.863.080	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm Y tế huyện Thạnh Trị	94006	Trung tâm Y tế huyện Thạnh Trị	94006
177	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.700	450	450	450	450	450	450	7.157.700	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm Y tế thị xã Vĩnh Châu	94007	Trung tâm Y tế thị xã Vĩnh Châu	94007
178	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.700	450	450	450	450	450	450	7.157.700	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm Y tế huyện Cù Lao Dung	94008	Trung tâm Y tế huyện Cù Lao Dung	94008
179	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.700	450	450	450	450	450	450	7.157.700	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm Y tế Thị xã Ngã Năm	94010	Trung tâm Y tế Thị xã Ngã Năm	94010
180	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.700	450	450	450	450	450	450	7.157.700	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	TTYT Châu Thành	94018	Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	94018

ducdtums_Dau Thanh 15/08/2025 17:27:55

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
181	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.700	450	450	450	450	450	450	7.157.700	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm Y tế huyện Trần Đề	94020	Trung tâm Y tế huyện Trần Đề	94020
182	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.080	180	180	180	180	180	180	2.863.080	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	BV Chuyên khoa Sản Nhi tỉnh Sóc Trăng	94029	BV Chuyên khoa Sản Nhi tỉnh Sóc Trăng	94029
183	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.700	450	450	450	450	450	450	7.157.700	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm Y tế thành phố Sóc Trăng	94030	Trung tâm Y tế thành phố Sóc Trăng	94030
184	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	8.580	1.290	1.350	1.980	1.260	1.350	1.350	22.745.580	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Sóc Trăng	94941	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Sóc Trăng	94941
185	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.620	450	450	370	450	450	450	6.945.620	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Tiền Giang	TTKSBT tỉnh Tiền Giang	82215	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Tiền Giang	82215
186	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	21.030	3.510	3.600	3.300	3.450	3.570	3.600	55.750.530	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Tiền Giang	Trại giam Mỹ Phước (thuộc Tổng cục 8 - Bộ Công an)		Trại giam Mỹ Phước (thuộc Tổng cục 8 - Bộ Công an)	
187	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	26.460	4.440	4.500	4.200	4.350	4.470	4.500	70.145.460	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Tiền Giang	Trại giam Phước Hòa (thuộc Tổng cục 8 – Bộ Công an)		Trại giam Phước Hòa (thuộc Tổng cục 8 – Bộ Công an)	
188	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.770	240	540	0	210	240	540	4.692.270	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình	34001	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình	34001
189	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.760	450	450	600	360	450	450	7.316.760	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện đa khoa Thành phố Thái bình	34002	Bệnh viện Đa khoa Thành Phố Thái Bình	34002
190	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.340	450	450	420	210	360	450	6.203.340	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện Đa khoa huyện vũ thư	34003	Bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Thư	34003
191	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	990	180	180	90	180	180	180	2.624.490	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện Đa khoa huyện kiến xương	34004	Bệnh viện Đa khoa huyện Kiến Xương	34004
192	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.920	390	450	180	150	300	450	5.089.920	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện Đa khoa huyện Tiền Hải	34005	Bệnh viện Đa khoa huyện Tiền Hải	34005
193	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	4.200	810	810	630	570	630	750	11.134.200	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện đa khoa huyện Đông Hưng	34006	Bệnh viện Đa khoa huyện Đông Hưng	34006

ducdt.tms_Dau Thanh 15/08/2024 17:27:55

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
194	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.710	210	270	150	120	420	540	4.533.210	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Phụ	34007	Bệnh viện Đa khoa huyện Quỳnh Phụ	34007
195	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.230	180	180	330	180	180	180	3.260.730	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện Đa khoa Hưng Hà	34008	Bệnh viện Đa khoa Hưng Hà	34008
196	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	540	90	90	90	90	90	90	1.431.540	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện Đa khoa Thái Thụy	34009	Bệnh viện Đa khoa Thái Thụy	34009
197	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	240	30	60	0	60	30	60	636.240	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện Phụ sản Thái Bình	34017	BV Phụ sản tỉnh	34017
198	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	960	180	270	30	0	210	270	2.544.960	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện Nhi tỉnh	34321	Bệnh viện Nhi tỉnh	34321
199	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	16.080	2.580	2.700	2.700	2.700	2.700	2.700	42.628.080	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Nguyên	Trung tâm y tế thành phố Thái Nguyên	19001	Trung tâm y tế thành phố Thái Nguyên	19001
200	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120	30	30	0	0	30	30	318.120	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Nguyên	Trung tâm Y tế Thành phố Sông Công	19002	Trung tâm Y tế Thành phố Sông Công	19002
201	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	330	120	30	30	60	60	30	874.830	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Nguyên	Bệnh viện đa khoa huyện Định Hóa	19003	Bệnh viện đa khoa huyện Định Hóa	19003
202	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	137.610	23.010	23.040	21.780	22.920	23.370	23.490	364.804.110	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Nguyên	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN PHÚ LƯƠNG	19004	TTYT Phú Lương	19004
203	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	9.990	1.740	1.890	780	1.830	1.860	1.890	26.483.490	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Nguyên	Trung tâm Y tế huyện Đồng Hỷ	19005	Trung tâm Y tế huyện Đồng Hỷ	19005
204	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	150	30	30	0	30	30	30	397.650	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Nguyên	Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai	19006	Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai	19006
205	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	5.610	990	1.080	390	900	1.080	1.170	14.872.110	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Nguyên	Bệnh viện Đa khoa huyện Đại Từ	19007	Bệnh viện Đa khoa huyện Đại Từ	19007
206	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	600	0	90	90	180	150	90	1.590.600	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Nguyên	Trung Tâm Y tế thành phố Phổ Yên	19008	Trung tâm Y tế Thành phố Phổ Yên	19008

ducdtums_Dau Thanh 15/08/2024 17:27:55

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
207	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	360	0	90	0	90	90	90	954.360	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Nguyên	Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Bình	19009	Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Bình	19009
208	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	3.630	390	540	540	720	720	720	9.623.130	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Nguyên	Bệnh viện A Thái Nguyên	19012	Bệnh viện A Thái Nguyên	19012
209	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	240	0	90	90	0	0	60	636.240	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện Đa khoa thành phố Thanh Hoá	38010	Bệnh viện Đa khoa thành phố Thanh Hoá	38010
210	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	180	0	90	60	0	0	30	477.180	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa Thị Xã Bỉm Sơn	38020	Bệnh viện đa khoa Thị Xã Bỉm Sơn	38020
211	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	150	0	60	30	0	0	60	397.650	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa thành phố Sầm Sơn	38030	Bệnh viện đa khoa thành phố Sầm Sơn	38030
212	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	150	0	30	90	0	0	30	397.650	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN QUAN HÓA	38040	BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN QUAN HÓA	38040
213	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120	0	30	60	0	0	30	318.120	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa Huyện Bá Thước	38050	Bệnh viện đa khoa Huyện Bá Thước	38050
214	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	180	0	60	60	0	0	60	477.180	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa huyện Thường Xuân	38060	Bệnh viện đa khoa huyện Thường Xuân	38060
215	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120	0	30	60	0	0	30	318.120	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện Đa khoa Huyện Như Xuân	38070	Bệnh viện Đa khoa Huyện Như Xuân	38070
216	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120	0	30	60	0	0	30	318.120	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Lang Chánh	38080	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Lang Chánh	38080
217	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	150	0	30	90	0	0	30	397.650	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc	38090	Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc	38090
218	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120	0	30	60	0	0	30	318.120	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Thủy	38100	Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Thủy	38100
219	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	150	0	60	30	0	0	60	397.650	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành	38110	Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành	38110

ducdt.tms_Dau Thanh 15/08/2025 11:27:55

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
220	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120	0	30	60	0	0	30	318.120	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa Huyện Thọ Xuân	38120	Bệnh viện đa khoa Huyện Thọ Xuân	38120
221	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120	0	30	60	0	0	30	318.120	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn	38150	Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn	38150
222	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120	0	30	60	0	0	30	318.120	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa Huyện Nông cống tỉnh Thanh Hóa	38160	Bệnh viện đa khoa Huyện Nông Cống	38160
223	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120	0	30	60	0	0	30	318.120	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa Huyện Đông Sơn	38170	Bệnh viện đa khoa Huyện Đông Sơn	38170
224	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120	0	30	60	0	0	30	318.120	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện Đa khoa huyện Hà Trung	38180	Bệnh viện Đa khoa huyện Hà Trung	38180
225	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120	0	30	60	0	0	30	318.120	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa Huyện Hoằng Hóa	38190	Bệnh viện đa khoa Huyện Hoằng Hóa	38190
226	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120	0	30	60	0	0	30	318.120	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa huyện Nga Sơn	38200	Bệnh viện đa khoa huyện Nga Sơn	38200
227	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120	0	30	60	0	0	30	318.120	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa huyện Hậu Lộc	38210	Bệnh viện đa khoa huyện Hậu Lộc	38210
228	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120	0	30	60	0	0	30	318.120	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Quảng Xương	38220	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Quảng Xương	38220
229	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120	0	30	60	0	0	30	318.120	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa khu vực Nghi Sơn	38230	Bệnh viện đa khoa khu vực Nghi Sơn	38230
230	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120	0	30	60	0	0	30	318.120	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện Đa khoa huyện Như Thanh	38250	Bệnh viện Đa khoa huyện Như Thanh	38250
231	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	150	0	30	90	0	0	30	397.650	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa huyện Mường Lát	38270	Bệnh viện đa khoa huyện Mường Lát	38270
232	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	44.160	6.450	6.750	9.450	7.110	7.200	7.200	117.068.160	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa	38741	Phòng khám và điều trị HIV/AIDS thuộc trung tâm kiểm soát bệnh tật Thanh Hoá	38741

ducdt.tms_Dau Thanh Duc 15/08/2024 17:27:55

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
233	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	92.250	14.100	14.400	19.380	14.700	14.820	14.850	244.554.750	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Trại giam số 5		Trại giam số 5	
234	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	69.750	10.800	10.800	14.580	11.100	11.220	11.250	184.907.250	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Trại giam Thanh Cẩm		Trại giam Thanh Cẩm	
235	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	126.150	19.650	19.800	26.250	20.250	19.950	20.250	334.423.650	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Trại giam Thanh Lâm		Trại giam Thanh Lâm, thuộc Cục C10	
236	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	128.070	19.800	19.800	26.820	20.340	20.610	20.700	339.513.570	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Trại Giam Thanh Phong		Trại Giam Thanh Phong	
237	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	8.280	1.020	1.080	2.100	1.200	1.260	1.620	21.950.280	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Vĩnh Long	Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Long	86001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Long	86001
238	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	4.650	690	720	1.260	600	660	720	12.327.150	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Vĩnh Long	TTYT TX. Bình Minh	86032	TTYT TX. Bình Minh	86032
239	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.640	600	630	210	300	270	630	6.998.640	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Vĩnh Long	Trung tâm Y tế huyện Tam Bình	86049	Trung tâm Y tế huyện Tam Bình	86049
240	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.770	240	360	360	210	240	360	4.692.270	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Vĩnh Long	Trung Tâm Y Tế huyện Trà Ôn	86066	TTYT H. Trà Ôn	86066
II			**Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg**	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	**50mg, 300mg, 300mg**	Viên nén bao phim, uống	**Hộp 1 lọ HDPE 30 viên**	**Nhóm 5**	**24 tháng**	**890110445523**	**Hetero Labs Limited**	**Ấn Độ**	**Viên**	**2.651**	**90.745.473**	**14.755.883**	**14.990.787**	**15.506.815**	**14.926.262**	**15.644.122**	**15.521.684**	**240.566.248.923**	BHYT	**Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức**					
1	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	149.430	20.520	21.510	33.780	22.980	24.990	25.650	396.138.930	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Bệnh viện 09	01243	Bệnh viện 09	01243
2	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	336.990	69.090	70.260	45.660	49.890	50.880	51.210	893.360.490	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bà Rịa - Vũng Tàu	Bệnh viện Bà Rịa	77003	Bệnh viện Bà Rịa	77003
3	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	22.500	4.500	4.500	2.460	3.060	3.690	4.290	59.647.500	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Bệnh viện Bạch Mai	01929	Bệnh viện Bạch Mai	01929
4	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	336.900	51.390	51.660	70.500	53.820	54.630	54.900	893.121.900	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	79394	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	79394

dacdt.tims_Dau Thanh Dat 15/08/2024 17:27:55

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
5	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	738.810	111.210	111.600	154.560	119.070	120.870	121.500	1.958.585.310	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Dương	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới tỉnh Hải Dương	30341	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới tỉnh Hải Dương	30341
6	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	436.630	51.630	108.150	69.030	68.730	23.190	115.950	1.157.638.680	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hưng Yên	Bệnh viện bệnh nhiệt đới tỉnh Hưng Yên	33913	BV Bệnh nhiệt đới tỉnh Hưng Yên	33913
7	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	234.750	36.000	36.000	48.450	34.740	39.060	40.500	622.322.250	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung Ương	01924	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung Ương	01924
8	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	206.290	39.450	39.780	30.580	30.060	33.120	33.300	546.874.790	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cà Mau	bệnh viện đa khoa cà mau	96001	BVĐK tỉnh Cà Mau	96001
9	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	73.800	11.700	11.700	12.780	12.450	12.570	12.600	195.643.800	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cà Mau	Bệnh viện đa khoa Cái Nước	96019	BVĐK Cái Nước	96019
10	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	18.180	2.970	2.970	3.060	3.060	3.060	3.060	48.195.180	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Phòng	Bệnh viện đa khoa Đôn Lương	31014	Bệnh viện đa khoa Đôn Lương	31014
11	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	383.670	74.970	60.300	62.550	61.740	62.010	62.100	1.017.109.170	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Đống Đa	01004	Bệnh viện đa khoa Đống Đa	01004
12	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	144.540	23.310	23.400	24.030	24.390	24.660	24.750	383.175.540	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Nai	Bệnh Viện Đa Khoa Đồng Nai	75001	Bệnh Viện Đa Khoa Đồng Nai	75001
13	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	463.140	63.570	63.810	132.240	67.320	67.980	68.220	1.227.784.140	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Bệnh Viện Đa Khoa Hà Đông	01816	Bệnh viện đa khoa Hà Đông	01816
14	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	32.580	4.050	4.500	5.580	5.940	6.210	6.300	86.369.580	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	Bệnh viện Đa khoa Hạnh Phúc	89339	BVĐK Hạnh Phúc	89339
15	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	11.880	1.980	1.980	1.980	1.980	1.980	1.980	31.493.880	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Giang	bệnh viện đa khoa hoàng su phì	02006	BVĐK KV. Hoàng Su Phì	02006
16	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	107.820	17.460	17.550	17.910	18.090	18.360	18.450	285.830.820	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Phòng	Bệnh viện đa khoa huyện An Lão	31008	Bệnh viện đa khoa huyện An Lão	31008
17	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	223.200	36.780	36.900	36.900	37.170	37.650	37.800	591.703.200	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì	01822	Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì	01822

dacdt.tms_Dau Thanh Dat 05/08/2026 17:27:55

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
18	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	10.590	2.070	2.070	240	2.070	2.070	2.070	28.074.090	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Giang	Bệnh viện đa khoa huyện bắc mê	02008	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Bắc Mê	02008
19	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	140.730	22.500	22.500	23.430	23.820	24.180	24.300	373.075.230	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lào Cai	Bệnh viện đa khoa huyện Bảo Thắng	10003	Bệnh viện đa khoa huyện Bảo Thắng	10003
20	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	19.890	3.150	3.150	3.330	3.420	3.420	3.420	52.728.390	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lào Cai	bệnh viện đa khoa huyện bảo yên	10004	Bệnh viện đa khoa huyện Bảo Yên	10004
21	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	44.670	7.470	7.470	7.350	7.440	7.470	7.470	118.420.170	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lào Cai	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Bát Xát - Tỉnh Lào Cai	10007	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Bát Xát - Tỉnh Lào Cai	10007
22	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	7.830	1.260	1.260	1.260	1.350	1.350	1.350	20.757.330	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Giang	Bệnh Viện Đa khoa Huyện Đồng Văn	02011	BVĐK H. Đồng Văn	02011
23	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	4.950	720	720	810	900	900	900	13.122.450	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cao Bằng	Bệnh viện đa khoa huyện Hà Quảng	04004	Bệnh viện ĐK huyện Hà Quảng	04004
24	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	24.930	4.050	4.050	4.140	4.230	4.230	4.230	66.089.430	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Giang	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Quang Bình	02013	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Quang Bình	02013
25	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	9.180	1.440	1.440	1.530	1.530	1.620	1.620	24.336.180	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cao Bằng	Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Hòa	04009	Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Hòa	04009
26	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	330.060	53.820	54.000	55.230	55.500	55.710	55.800	874.989.060	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Phòng	Bệnh viện đa khoa huyện Thủy Nguyên	31006	Bệnh viện đa khoa huyện Thủy Nguyên	31006
27	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	138.900	21.570	21.600	23.430	23.820	24.180	24.300	368.223.900	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lào Cai	Bệnh viện đa khoa huyện Văn Bàn	10008	Bệnh viện đa khoa huyện Văn Bàn	10008
28	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	101.220	13.920	13.950	28.980	14.700	14.820	14.850	268.334.220	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Giang	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	02004	Bệnh Viện đa khoa khu vực Bắc Quang	02004
29	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.340	270	270	450	450	450	450	6.203.340	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bến Tre	Bệnh viện đa khoa khu vực Cù Lao Minh	83600	Bệnh viện đa khoa khu vực Cù Lao Minh	83600
30	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	189.960	26.610	27.000	31.830	33.210	35.310	36.000	503.583.960	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Long An	Bệnh Viện Đa Khoa Khu Vực Đồng Tháp Mười	80013	Bệnh Viện Đa Khoa Khu Vực Đồng Tháp Mười	80013

dacdt.tims_Dau Thanh Dat 05/08/2025 17:27:55

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
31	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	543.660	84.660	85.500	90.900	93.600	94.500	94.500	1.441.242.660	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Long An	BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC HẬU NGHĨA	80007	Bệnh viện đa khoa khu vực Hậu Nghĩa	80007
32	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	336.900	48.180	48.240	59.370	59.820	60.540	60.750	893.321.900	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Tháp	Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự	87015	Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự	87015
33	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	140.280	21.660	21.960	23.040	23.850	24.750	25.020	371.882.280	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	Bệnh viện đa khoa khu vực tân châu	89004	BVĐK Khu vực Tân Châu	89004
34	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	16.740	2.610	2.610	2.880	2.880	2.880	2.880	44.377.740	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Giang	Bệnh Viện Đa khoa khu vực yên minh	02010	Bệnh viện đa khoa khu vực yên minh	02010
35	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	470.640	73.980	74.700	77.460	79.680	82.020	82.800	1.247.666.640	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Long An	Bệnh viện đa khoa Long An	80001	Bệnh viện Đa khoa Long An	80001
36	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	384.450	62.550	63.000	63.240	64.530	65.430	65.700	1.019.176.950	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Phòng	Bệnh viện đa khoa Ngô Quyền	31003	Bệnh viện đa khoa Ngô Quyền	31003
37	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	370.110	59.490	60.120	60.570	62.100	63.660	64.170	981.161.610	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cần Thơ	Bệnh viện đa khoa quận Ô Môn	92007	Bệnh viện đa khoa quận Ô Môn	92007
38	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	440.460	54.630	54.660	79.560	81.840	84.450	85.320	1.167.659.460	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cần Thơ	Bệnh Viện Đa Khoa Quận Thốt Nốt	92010	Bệnh viện Đa Khoa quận Thốt Nốt	92010
39	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	97.710	18.600	15.300	15.660	15.840	16.110	16.200	259.029.210	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Bệnh Viện Đa Khoa Sơn Tây	01831	Bệnh Viện Đa Khoa Sơn Tây	01831
40	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	689.700	110.550	111.780	112.950	115.830	118.800	119.790	1.828.394.700	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cần Thơ	Bệnh Viện Đa Khoa Thành Phố Cần Thơ	92004	Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ	92004
41	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	14.130	2.250	2.250	2.340	2.430	2.430	2.430	37.458.630	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lào Cai	Bệnh Viện Đa Khoa Thị xã Sa Pa	10009	Bệnh Viện Đa Khoa Thị xã Sa Pa	10009
42	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	65.850	9.900	9.900	11.700	11.100	11.550	11.700	174.568.350	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Nai	Bệnh Viện Đa Khoa Thống Nhất	75002	Bệnh Viện Đa Khoa Thống Nhất	75002
43	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	4.320	720	720	720	720	720	720	11.452.320	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nam Định	Bệnh viện đa khoa tỉnh	36001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	36001

ducdt.tims_Dau Thanh Duc(15/08/2023 11:27:55

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
44	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	3.960	540	540	720	720	720	720	10.497.960	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Kạn	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn	06001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	06001
45	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	291.690	47.700	47.700	48.330	48.960	49.500	49.500	773.270.190	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Ninh	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Ninh	27009	BVĐK Tỉnh Bắc Ninh	27009
46	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	332.640	50.130	51.030	56.070	56.790	58.950	59.670	883.828.640	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Định	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định	52001	BVĐK tỉnh Bình Định	52001
47	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	375.150	63.000	63.180	62.100	62.280	62.310	62.280	994.522.650	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương	74001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương	74001
48	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	209.820	32.760	32.760	36.750	35.010	36.090	36.450	556.232.820	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Gia Lai	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Gia Lai	64001	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Gia Lai	64001
49	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	132.570	21.600	21.600	22.050	22.350	22.470	22.500	351.443.070	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Giang	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Giang	02001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Giang	02001
50	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	239.910	38.880	39.240	35.370	41.130	42.450	42.840	636.001.410	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hòa Bình	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hòa Bình	17001	Bệnh Viện đa khoa tỉnh Hòa Bình	17001
51	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	292.920	41.070	41.400	73.770	45.090	45.690	45.900	776.530.920	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang	91001	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang	91001
52	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	27.060	4.710	4.680	3.630	4.680	4.680	4.680	71.736.060	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kon Tum	Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum	62001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum	62001
53	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	216.870	39.900	40.410	4.980	43.140	44.070	44.370	574.922.370	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lâm Đồng	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng	68001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng	68001
54	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	6.480	1.080	1.080	1.080	1.080	1.080	1.080	17.178.480	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lạng Sơn	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn	20003	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn	20003
55	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	723.600	115.200	117.000	119.400	121.500	124.500	126.000	1.918.263.600	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cà Mau	Bệnh viện đa khoa TP Cà Mau	96002	BVĐK TP Cà Mau	96002
56	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	37.560	5.790	5.850	6.120	6.390	6.660	6.750	99.571.560	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cà Mau	Bệnh viện đa khoa Trần Văn Thời	96014	BVĐK Trần Văn Thời	96014

diedt.tuns_Dau Thanh Tu 15/08/2025 17:27:55

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
57	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	397.800	65.220	68.310	59.370	64.380	69.420	41.100	1.054.567.800	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	Bệnh Viện Đa Khoa TT An Giang	89012	BVĐK Trung tâm An Giang	89012
58	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120.480	18.900	19.350	19.980	20.250	20.850	21.150	319.392.480	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Vân Đình	01817	Bệnh viện đa khoa Vân Đình	01817
59	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	42.840	6.840	6.840	7.290	7.290	7.290	7.290	113.568.840	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Giang	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	02005	BVĐK Vị Xuyên	02005
60	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	423.240	63.090	63.990	71.190	72.690	75.690	76.590	1.122.009.240	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đà Nẵng	Bệnh viện Da Liễu thành phố Đà Nẵng	48013	Bệnh viện Da Liễu thành phố Đà Nẵng	48013
61	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	235.170	38.400	38.700	38.220	39.180	40.170	40.500	623.435.670	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Nai	Bệnh Viện Da Liễu Tỉnh Đồng Nai	75234	Bệnh Viện Da Liễu Đồng Nai	75234
62	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	19.530			5.100	4.740	4.830	4.860	51.774.030	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	1934	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	01934
63	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	178.200	28.800	28.800	30.150	30.150	30.150	30.150	472.408.200	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lào Cai	Bệnh viện ĐK tỉnh Lào Cai	10061	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lào Cai	10061
64	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	174.060	28.260	28.350	28.950	29.220	29.580	29.700	461.433.060	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Phòng	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	31153	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	31153
65	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	664.470	119.250	119.280	106.470	106.470	106.470	106.530	1.761.509.970	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế huyện Củ Chi	79728	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS (Thuộc Trung Tâm Y tế huyện Củ Chi)	79617
66	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	128.700	20.700	18.720	24.480	21.600	21.600	21.600	341.183.700	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Phòng	Bệnh viện Kiến An	31031	Bệnh viện Kiến An	31031
67	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	403.260	58.800	59.280	71.280	71.280	71.280	71.340	1.069.042.260	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bến Tre	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	83009	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	83009
68	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	86.960	16.000	16.000	13.740	13.740	13.740	13.740	230.530.960	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG 1	79405	BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG 1	79405
69	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	27.150	5.040	5.040	4.260	4.260	4.260	4.290	71.974.650	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Bệnh viện NHI ĐỒNG 2	79408	Bệnh viện NHI ĐỒNG 2	79408

ducdt.tms_Dau Thanh Duc 15/08/2025 17:27:55

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
70	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	60.870	9.750	9.900	10.260	10.260	10.350	10.350	161.366.370	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Nai	Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai	75022	Bệnh Viện Nhi Đồng Đồng Nai	75022
71	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	27.000	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	71.577.000	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cần Thơ	Bệnh viện Nhi Đồng thành phố Cần Thơ	92003	Bệnh viện Nhi Đồng thành phố Cần Thơ	92003
72	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	420.000	75.000	75.000	67.500	67.500	67.500	67.500	1.113.420.000	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	79499	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	79499
73	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	77.310	12.960	13.500	11.700	12.420	13.230	13.500	204.948.810	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Bệnh viện Phổi hà nội	01903	Bệnh viện Phổi Hà Nội	01903
74	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	11.250	1.530	1.530	3.150	1.620	1.710	1.710	29.823.750	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Bệnh viện Quân Y 103	01016	Bệnh viện Quân Y 103	01016
75	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	129.420	21.960	22.230	20.880	21.240	21.510	21.600	343.092.420	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cần Thơ	Bệnh viện Quân Y 121	92002	Bệnh viện Quân Y 121	92002
76	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	39.810	5.970	6.120	8.100	6.390	6.570	6.660	105.536.310	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Quân y 175	79034	Bệnh viện Quân y 175	79034
77	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	20.460	3.210	3.240	3.360	3.480	3.570	3.600	54.239.460	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	Bệnh viện Sản Nhi	89185	Bệnh viện Sản Nhi	89185
78	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	6.480	1.080	1.080	1.080	1.080	1.080	1.080	17.178.480	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Ninh	Bệnh viện Sản nhi Bắc ninh	27174	Bệnh Viện Sản Nhi Bắc Ninh	27174
79	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	10.260	1.710	1.710	1.530	1.710	1.800	1.800	27.199.260	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Bệnh viện Sản Nhi Kiên Giang	91917	Bệnh viện Sản Nhi Kiên Giang	91917
80	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.092.725	337.275	450.450	275.790	275.790	275.790	477.630	5.547.813.975	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	BỆNH VIỆN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC	79037	BỆNH VIỆN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC	79037
81	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	21.180	3.570	3.600	3.480	3.510	3.510	3.510	56.148.180	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Phòng	Bệnh viện Trẻ Em Hải Phòng	31032	Bệnh viện Trẻ Em Hải Phòng	31032
82	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	132.150	23.040	23.070	21.510	21.510	21.510	21.510	350.329.650	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bà Rịa - Vũng Tàu	Bệnh viện Vũng Tàu	77001	Bệnh Viện Vũng Tàu	77001

dicdt.tims_Dau Thanh Tu 05/08/2024 17:27:55

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
83	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	788.010	122.460	123.300	130.350	133.590	138.360	139.950	2.089.014.510	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Tháp	bv đa khoa đồng tháp	87012	Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	87012
84	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	102.660	15.990	16.380	16.890	17.520	17.880	18.000	272.151.660	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lâm Đồng	BV II Lâm Đồng	68650	BV II Lâm Đồng	68650
85	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	4.590	810	810	270	900	900	900	12.168.090	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Giang	BVĐK H. Xín Mần	02007	BVĐK H. Xín Mần	02007
86	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	7.470	1.170	1.170	1.350	1.260	1.260	1.260	19.102.970	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Giang	BVĐK huyện Mèo Vạc	02012	BVĐK H. Mèo Vạc	02012
87	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	573.780	78.120	78.750	142.500	89.730	91.980	92.700	1.521.990.780	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Tháp	BVĐK Sa Đéc	87014	BVĐK Sa Đéc	87014
88	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	353.010	45.120	45.360	90.540	56.340	57.600	58.050	935.829.510	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Phước	BVĐK tỉnh Bình Phước	70001	BVĐK tỉnh Bình Phước	70001
89	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	195.840	33.390	33.390	27.000	33.990	34.020	34.050	519.171.840	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cao Bằng	BVĐK tỉnh Cao Bằng	04014	BVĐK tỉnh Cao Bằng	04014
90	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	65.610	12.870	12.870	0	13.230	13.320	13.320	173.932.110	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đắk Lắk	BVĐK TP Buôn Ma Thuột	66003	BVĐK TP Buôn Ma Thuột	66003
91	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	43.230	7.140	7.380	10.980	5.730	5.970	6.030	114.602.730	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đắk Lắk	BVĐK vùng Tây Nguyên	66001	BVĐK Vùng Tây Nguyên	66001
92	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	111.300	18.000	18.000	18.600	18.900	18.900	18.900	295.056.300	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lai Châu	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lai Châu	12143	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Lai Châu	12143
93	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	907.980	155.370	156.210	173.850	136.440	142.110	144.000	2.407.054.980	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Phòng khám đa khoa (thuộc CN Công ty CP Greenbiz -PKĐK Galant)	79557	Phòng khám đa khoa (thuộc CN Công ty CP Greenbiz -PKĐK Galant)	79557
94	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	13.590	2.160	2.160	2.250	2.340	2.340	2.340	36.027.090	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cao Bằng	Sở Y tế	04007	TTYT huyện Nguyên Bình	04007
95	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	22.800	4.800	3.600	1.200	4.800	4.800	3.600	60.442.800	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Kạn	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Bắc Kạn	06207	TTKSBT tỉnh Bắc Kạn	06207

dacdt.tuns_Dau Thanh Dat 15/08/2025 19:27:55

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*) Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI	Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
96	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	131.130	20.220	20.610	21.600	22.320	23.070	23.310	347.625.630	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nam	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hà Nam	35155	TTKSBT tỉnh Hà Nam	35155
97	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	33.810	5.370	5.400	4.500	6.030	6.210	6.300	89.630.310	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kon Tum	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	62152	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	62152
98	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	292.680	47.340	47.340	48.000	49.200	50.400	50.400	775.894.680	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Giang	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang	24280	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang	24280
99	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	404.700	63.150	63.450	66.780	68.640	70.950	71.730	1.072.859.700	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bạc Liêu	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bạc Liêu	95079	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bạc Liêu	95079
100	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	72.240	10.590	10.800	14.100	11.760	12.390	12.600	191.508.240	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Ninh	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Ninh	27025	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Ninh	27025
101	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	151.440	22.530	23.400	25.140	26.220	26.970	27.180	401.467.440	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Thuận	Trung Tâm Kiểm soát Bệnh Tật tỉnh Bình Thuận	60167	Trung Tâm Kiểm soát Bệnh Tật tỉnh Bình Thuận	60167
102	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	254.400	38.400	38.700	42.450	44.250	45.150	45.450	674.414.400	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đắk Lắk	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Lắk	66242	Phòng khám chuyên khoa HIV/AIDS	66242
103	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	70.650	11.070	11.070	14.850	11.160	11.250	11.250	187.293.150	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đắk Nông	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông	67093	Phòng khám Đa Khoa - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông	67093
104	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	127.890	20.370	20.430	23.010	21.270	21.390	21.420	339.086.390	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Điện Biên	TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH ĐIỆN BIÊN	11102	TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH ĐIỆN BIÊN	11102
105	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.272.930	192.930	194.400	230.850	213.840	219.510	221.400	3.374.537.430	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Nai	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai	75308	Phòng khám chuyên khoa HIV/AIDS thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai	75308
106	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	*Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	268.440	43.200	43.470	44.610	45.090	45.900	46.170	711.634.440	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Tĩnh	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Tĩnh	42315	Phòng khám, Điều trị HIV/AIDS CDC Hà Tĩnh	42315
107	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	308.010	45.450	47.250	48.960	53.550	56.100	56.700	816.534.510	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hậu Giang	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Hậu Giang	93105	Phòng khám Điều trị HIV/AIDS thuộc Khoa phòng chống HIV/AIDS, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hậu Giang	93105
108	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	197.580			46.620	48.690	50.790	51.480	523.714.580	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Khánh Hòa	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Khánh Hòa	56195	Phòng khám Chuyên khoa HIV/AIDS	56195

daudtums_DaiThanh_15/08/2025 27:35

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GOKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
109	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	40.730	6.300	6.300	8.300	6.420	6.660	6.750	107.975.230	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nam	Trung tâm y tế huyện Lý Nhân	35064	Trung tâm y tế huyện Lý Nhân	35064
110	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	81.870	13.020	13.050	14.130	13.800	13.920	13.950	217.037.370	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lai Châu	Trung tâm Y tế huyện Tam Đường	12001	Trung tâm Y tế huyện Tam Đường	12001
111	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	542.400	104.100	104.100	83.550	83.550	83.550	83.550	1.437.902.400	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Thành Phố Thủ Đức	79583	Trung tâm Y tế Thành Phố Thủ Đức - Cơ sở 2	79652
112	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	19.800	2.430	2.430	3.330	3.600	3.960	4.050	52.489.800	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	Trung tâm Y tế huyện Bắc Tân Uyên	74201	Trung tâm Y tế huyện Bắc Tân Uyên	74201
113	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	329.250	51.300	52.200	53.400	55.950	57.900	58.500	872.841.750	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Long An	Trung Tâm Y Tế Cần Đước	80006	Trung tâm Y tế huyện Cần Đước	80006
114	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	172.560	28.260	28.260	28.710	29.040	29.130	29.160	457.456.560	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Điện Biên	trung tâm y tế điện biên đông	11032	Trung tâm y tế hyện Điện Biên Đông tỉnh Điện Biên	11032
115	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	268.290	44.610	44.820	44.760	44.280	44.820	45.000	711.236.790	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Trung tâm y tế Đông Anh	01811	Phòng khám đa khoa miền Đông (TTYT huyện Đông Anh)	01084
116	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	134.820	24.300	24.480	3.090	27.180	27.780	27.990	357.407.820	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lâm Đồng	Trung tâm y tế huyện Đức Trọng	68440	Trung Tâm Y Tế Huyện Đức Trọng	68440
117	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	20.160	2.400	2.400	4.650	3.510	3.600	3.600	53.444.160	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Thuận	Trung tâm Y tế Hàm Tân	60019	Trung tâm y tế Hàm Tân	60019
118	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	956.400	175.350	175.350	151.400	151.400	151.400	151.500	2.535.416.400	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế huyện Hóc Môn	79640	Trung tâm Y tế huyện Hóc Môn - Cơ sở 2	79609
119	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	133.710	19.350	19.440	33.900	20.340	20.340	20.340	354.465.210	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Phòng	Trung Tâm Y Tế Huyện An Dương	31007	Trung Tâm Y Tế Huyện An Dương	31007
120	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	262.500	32.550	36.900	43.860	47.340	49.650	52.200	695.887.500	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Trung Tâm Y Tế Huyện An Minh	91009	Trung Tâm Y tế huyện An Minh	91009
121	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	88.680	15.480	16.200	12.990	13.920	14.880	15.210	235.090.680	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	Trung Tâm Y Tế Huyện An Phú	89003	Trung Tâm Y tế huyện An Phú	89003

dicdd.tms_Dai Thanh_Dang 15/08/2025 07:27:55

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*) Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI	Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
122	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	64.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	171.784.800	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Kạn	Trung tâm Y tế Huyện Bạch Thông	06003	Trung Tâm Y tế Huyện Bạch Thông	06003
123	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	16.200	2.700	2.700	2.700	2.730	2.670	2.700	42.946.200	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cao Bằng	Trung Tâm Y Tế huyện Bảo Lạc	04002	TTYT huyện Bảo Lạc	04002
124	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	40.470	5.310	5.400	6.540	7.230	7.890	8.100	107.285.970	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	Trung tâm y tế huyện Bàu Bàng	74202	Trung tâm y tế huyện Bàu Bàng	74202
125	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	377.430	56.850	56.880	65.910	65.910	65.910	65.970	1.000.566.930	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Long An	Trung Tâm Y tế Huyện Bến Lức	80004	Trung tâm y tế huyện Bến Lức	80004
126	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	946.020	155.910	164.400	36.000	199.560	199.560	190.590	2.507.899.020	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN BÌNH CHÁNH	79604	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh	79603
127	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	22.680	3.330	3.330	3.930	3.990	4.050	4.050	60.124.680	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nam	Trung tâm Y tế huyện Bình Lục	35046	Trung tâm Y tế huyện Bình Lục	35046
128	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	40.040	6.690	6.750	6.480	6.660	6.750	6.750	106.252.080	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Dương	Trung tâm Y tế Huyện Cẩm Giàng	30012	Trung tâm Y tế Huyện Cẩm Giàng	30012
129	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	8.070	1.200	1.260	1.350	1.380	1.440	1.440	21.393.570	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế huyện Cam Lâm	56158	Trung tâm Y tế huyện Cam Lâm	56158
130	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	74.700	11.430	11.670	12.900	12.900	12.900	12.900	198.029.700	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế huyện Cần Giờ	79042	Trung tâm y tế huyện Cần Giờ	79042
131	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	327.720	48.420	50.400	56.250	56.220	57.930	58.500	868.785.720	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lạng Sơn	Trung tâm y tế huyện Cao Lộc	20011	Trung tâm y tế huyện Cao Lộc	20011
132	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	40.050	5.880	5.940	9.960	6.030	6.120	6.120	106.172.550	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Phòng	Trung tâm Y tế huyện Cát Hải	31013	Trung tâm Y tế huyện Cát Hải	31013
133	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	299.430	49.110	51.300	44.820	48.510	52.230	53.460	793.788.930	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	Trung Tâm Y tế huyện Châu Phú	89008	TTYT H. Châu Phú	89008
134	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	148.050	21.870	22.500	24.480	25.560	26.640	27.000	392.480.550	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Long An	Trung tâm y tế huyện Châu Thành	80010	Trung tâm y tế huyện Châu Thành	80010

daedt.tims_Dau Thanh Tu 15/08/2024 17:27:55

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
135	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	42.690	9.090	7.020	0	9.900	9.030	7.650	113.171.190	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Kạn	Trung Tâm Y Tế Huyện Chợ Đồn	06004	Trung Tâm Y Tế Huyện Chợ Đồn	06004
136	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	233.880	38.070	39.600	35.670	38.220	40.740	41.580	620.015.880	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	Trung Tâm Y Tế huyện Chợ Mới	89009	TTYT huyện Chợ Mới	89009
137	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	55.170	8.160	10.500	9.030	9.120	9.180	9.180	146.255.670	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Kạn	Trung tâm Y tế huyện Chợ Mới	06007	TTYT H Chợ Mới	06007
138	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	23.490	3.750	3.780	3.780	3.870	4.080	4.230	62.271.990	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đắk Nông	Trung tâm Y tế huyện Cư Jút	67011	Trung tâm Y tế H.Cư Jút	67011
139	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	3.330	360	360	810	540	630	630	8.827.830	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đắk Nông	Trung tâm Y tế huyện Đắk Glong	67001	Trung tâm Y tế H.Đắk Glong	67001
140	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	22.530	3.090	3.150	4.170	3.900	4.080	4.140	59.727.030	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đắk Nông	Trung tâm y tế huyện Đắk Mil	67012	Trung tâm Y tế H.Đắk Mil	67012
141	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	26.340	3.840	3.870	5.910	4.110	4.290	4.320	69.827.340	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đắk Nông	Trung tâm Y tế huyện Đắk R'lấp	67014	Trung tâm Y tế H.Đắk RLấp	67014
142	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	349.800	57.780	57.780	58.350	58.560	58.650	58.680	927.319.800	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Điện Biên	Trung tâm y tế huyện Điện Biên	11011	Trung tâm y tế huyện Điện Biên	11011
143	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	37.410	5.550	5.850	6.210	6.390	6.660	6.750	99.173.910	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế huyện Diên Khánh	56004	Trung tâm y tế huyện Diên Khánh	56004
144	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	44.400	7.050	7.200	5.730	7.560	8.310	8.550	117.704.400	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bạc Liêu	Trung tâm Y tế huyện Đông Hải	95007	Trung tâm Y tế huyện Đông Hải	95007
145	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	20.760	3.120	3.150	3.780	3.510	3.600	3.600	55.034.760	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Thuận	Trung tâm Y tế Huyện Đức Linh	60214	Trung tâm y tế huyện Đức Linh	60214
146	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	35.700	5.580	5.670	5.880	6.030	6.240	6.300	94.640.700	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Ninh	Trung tâm y tế huyện Gia Bình	27006	TTYT Huyện Gia Bình	27006
147	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	142.410	18.810	18.900	40.500	21.120	21.480	21.600	377.528.910	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng	91006	Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng	91006

dtcdt.tims_Dau Thanh Dat 05/08/2025 17:27:55

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
148	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	83.370	12.990	13.050	14.160	14.250	14.430	14.490	221.013.870	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Trung Tâm Y Tế Huyện Gò Quao	91007	Trung Tâm Y Tế Huyện Gò Quao	91007
149	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	11.250	1.800	1.800	1.980	1.890	1.890	1.890	29.823.750	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cao Bằng	Trung tâm y tế huyện Hà Quảng	04003	Trung tâm y tế huyện Hà Quảng	04003
150	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	16.470	2.700	2.700	2.550	2.790	2.850	2.880	43.663.970	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cao Bằng	Trung tâm y tế huyện Hòa An	04008	Trung tâm y tế huyện Hòa An	04008
151	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	25.470	2.520	2.610	5.910	4.590	4.890	4.950	67.520.970	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bạc Liêu	Trung tâm Y tế huyện Hòa Bình	95003	Trung tâm Y tế huyện Hòa Bình	95003
152	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120.300	16.890	17.550	17.190	21.300	23.340	24.030	318.915.300	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đà Nẵng	Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang	48128	Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang	48128
153	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	27.810	5.220	5.310	2.880	4.590	4.860	4.950	73.724.310	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bạc Liêu	Trung tâm y tế Huyện Hồng Dân	95005	Trung tâm y tế Huyện Hồng Dân	95005
154	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg, Lamivudine 300mg, Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	39.030	6.000	6.120	6.660	6.750	6.750	6.750	103.468.530	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lạng Sơn	Trung tâm Y tế huyện Hữu Lũng	20016	Trung tâm Y tế huyện Hữu Lũng	20016
155	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	37.920	5.820	5.850	6.300	6.480	6.720	6.750	100.525.920	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Phòng	Trung tâm y tế Huyện Kiến Thụy thành phố Hải Phòng	31011	Trung tâm y tế huyện Kiến Thụy Thành Phố Hải Phòng	31011
156	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	29.340	5.850	5.850	1.440	4.770	5.580	5.850	77.780.340	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nam	Trung tâm y tế huyện Kim Bảng	35004	Trung tâm y tế huyện Kim Bảng	35004
157	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	29.610	5.580	5.850	1.830	4.890	5.610	5.850	78.496.110	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hòa Bình	Trung tâm y tế huyện Kim Bôi	17012	Trung tâm y tế huyện Kim Bôi	17012
158	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg, Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	57.150	8.910	9.000	9.840	9.660	9.840	9.900	151.504.650	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Dương	Trung tâm Y tế Huyện Kim Thành	30010	Trung tâm Y tế Huyện Kim Thành	30010
159	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	11.370	1.530	1.530	2.910	1.800	1.800	1.800	30.141.870	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đắk Nông	Trung tâm Y tế huyện Krông Nô	67009	Trung tâm Y tế H.Krông Nô	67009
160	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	135.820	17.400	18.000	34.840	20.970	22.110	22.500	360.058.820	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hòa Bình	Trung tâm y tế huyện Lạc sơn	17010	Trung tâm y tế huyện Lạc Sơn	17010

ducdt.tms_Dau Thanh Duc 15/08/2025 17:27:55

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
161	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.790			630	720	720	720	7.396.290	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Giang	Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang	24008	Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang	24008
162	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	28.230	4.290	4.500	4.680	4.860	4.950	4.950	74.837.730	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Tháp	Trung tâm y tế huyện Lấp Vò	87005	Trung tâm y tế huyện Lấp Vò	87005
163	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	23.640	2.760	2.880	4.860	4.230	4.410	4.500	62.669.640	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lạng Sơn	Trung tâm y tế huyện Lộc Bình	20012	Trung tâm y tế huyện Lộc Bình	20012
164	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	58.730	8.730	9.000	1.520	12.690	13.290	13.500	155.693.230	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trung tâm Y tế huyện Long Điền	77005	Trung tâm Y tế huyện Long Điền	77005
165	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	440.160	71.820	72.000	73.260	73.890	74.490	74.700	1.166.864.160	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Nai	Trung tâm Y tế huyện Long Thành	75299	Phòng khám đa khoa - Trung tâm y tế huyện Long Thành	75299
166	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	31.770	5.580	5.850	3.870	4.980	5.640	5.850	84.222.270	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hòa Bình	Trung Tâm Y Tế Huyện Lương Sơn	17005	Trung tâm y tế huyện Lương Sơn	17005
167	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	35.820	5.940	6.210	5.310	5.850	6.210	6.300	94.958.820	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hòa Bình	Trung tâm Y tế huyện Mai Châu	17008	Trung tâm Y tế huyện Mai Châu	17008
168	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	201.660	33.030	33.030	33.720	33.870	33.990	34.020	534.600.660	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Điện Biên	Trung tâm y tế Huyện Mường Ảng Tỉnh Điện Biên	11082	Trung tâm y tế huyện Mường Ảng	11082
169	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	58.500	9.450	9.450	9.900	9.900	9.900	9.900	155.083.500	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Điện Biên	Trung tâm y tế Huyện Mường Chà	11048	Trung tâm y tế Huyện Mường Chà	11048
170	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	30.780	5.130	5.130	5.130	5.130	5.130	5.130	81.597.780	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Điện Biên	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN MƯỜNG NHÉ	11073	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN MƯỜNG NHÉ	11073
171	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	17.010	2.700	2.790	2.880	2.880	2.880	2.880	45.093.510	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Kạn	Trung tâm y tế Huyện Na Rì	06006	Trung tâm y tế Huyện Na Rì	06006
172	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	6.360	1.050	990	1.080	1.080	1.080	1.080	16.860.360	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Điện Biên	Trung tâm y tế huyện Nậm Pồ	11061	Trung tâm y tế huyện Nậm Pồ	11061
173	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	15.660	2.430	2.430	0	4.050	4.050	2.700	41.514.660	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Kạn	Trung tâm y tế huyện Ngân sơn	06002	TTYT Huyện Ngân Sơn	06002

duoc.tms_Dau Thanh Dung 15/08/2024 17:55

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc CPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
174	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	235.670	41.080	41.080	38.377	38.377	38.377	38.379	624.761.170	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Huyện Nhà Bè	79729	Trung tâm Y tế Huyện Nhà Bè	79729
175	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	67.380	9.210	9.360	11.640	12.090	12.480	12.600	178.624.380	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	Trung tâm y tế Huyện Phú Giáo	74089	Trung Tâm Y Tế Huyện Phú Giáo	74089
176	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	40.650	6.090	6.210	7.080	6.930	7.140	7.200	107.763.150	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bạc Liêu	Trung tâm Y tế huyện Phước Long	95006	Trung tâm Y tế huyện Phước Long	95006
177	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	7.290	1.170	1.170	1.170	1.260	1.260	1.260	19.325.790	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cao Bằng	Trung tâm y tế huyện Quảng Hòa	04013	TTYT huyện Quảng Hòa	04013
178	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	71.100	11.250	11.250	12.150	12.150	12.150	12.150	188.486.100	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Ninh	Trung tâm y tế huyện Quế Võ	27008	TTYT huyện Quế Võ	27008
179	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	103.500	12.930	13.230	24.870	16.530	17.760	18.180	274.378.500	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Tháp	Trung tâm y tế huyện Tam Nông	87004	Trung tâm y tế huyện Tam Nông	87004
180	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	221.460	29.430	29.700	56.040	34.740	35.640	35.910	587.090.460	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	trung tâm Y tế huyện Tân Hiệp Kiên Giang	91004	Trung tâm Y tế Huyện Tân Hiệp	91004
181	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	83.910	13.620	13.680	13.860	14.040	14.310	14.400	222.445.410	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lai Châu	Trung tâm y tế huyện Tân Uyên	26065	TTYT huyện Tân Uyên	12101
182	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	75.180	12.540	12.600	12.330	12.510	12.600	12.600	199.302.180	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Giang	Trung tâm Y tế huyện Tân Yên	24006	Trung tâm Y tế huyện Tân Yên	24006
183	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	11.520	1.800	1.800	1.980	1.980	1.980	1.980	30.539.520	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cao Bằng	Trung tâm Y tế huyện Thạch An	04010	Trung tâm Y tế huyện Thạch An	04010
184	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	20.250	3.150	3.150	3.330	3.450	3.570	3.600	53.682.750	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nam	Trung tâm y tế huyện Thanh Liêm	35022	Trung tâm y tế huyện Thanh Liêm	35022
185	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	20.940	2.400	2.520	5.310	3.270	3.660	3.780	55.511.940	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Tháp	Trung tâm y tế huyện Tháp Mười	87183	Trung tâm y tế huyện Tháp Mười	87183
186	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	182.220	29.040	30.420	27.450	29.880	32.310	33.120	483.065.220	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	Trung tâm y tế huyện Thoại Sơn	89011	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN THOẠI SƠN	89011

duoc.tms_Dau Thanh Du 05/08/2024 17:55

STT	STT trong TSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
187	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	112.530	16.740	17.100	18.120	19.470	20.400	20.700	298.317.030	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Long An	Trung tâm y tế huyện Thủ Thừa	80003	Trung tâm y tế huyện Thủ Thừa	80003
188	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	17.130	3.270	3.420	930	2.820	3.270	3.420	45.411.630	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lang Sơn	Trung Tâm Y tế huyện Tràng Định	20006	Trung tâm y tế huyện Tràng Định	20006
189	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	24.390	3.780	3.780	4.140	4.230	4.230	4.230	64.657.890	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Điện Biên	Trung tâm Y tế huyện Tủa Chùa	11060	Trung tâm Y tế huyện Tủa Chùa	11060
190	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	248.250	40.590	40.590	41.550	41.700	41.880	41.940	658.110.750	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Điện Biên	Trung tâm y tế huyện Tuần Giáo	11080	Trung tâm y tế huyện Tuần Giáo tỉnh Điện Biên	11080
191	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	8.460	1.260	1.260	1.620	1.440	1.440	1.440	22.422.460	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đắk Nông	Trung tâm Y tế huyện Tuy Đức	67074	Trung tâm Y tế H.Tuy Đức	67074
192	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	17.280	2.880	2.880	2.880	2.880	2.880	2.880	45.809.280	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lạng Sơn	Trung tâm y tế huyện Văn Lãng	20008	Trung tâm y tế huyện Văn Lãng	20008
193	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	24.300	3.840	3.870	3.150	4.230	4.530	4.680	64.419.300	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bạc Liêu	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Lợi	95035	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Lợi	95035
194	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	24.600	3.540	3.600	4.140	4.350	4.470	4.500	65.214.600	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thuận	91010	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thuận	91010
195	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	140.850	22.500	22.590	23.400	23.760	24.210	24.390	373.393.350	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Nai	Trung Tâm Y Tế Huyện Xuân Lộc	75013	Trung tâm y tế Huyện Xuân Lộc	75013
196	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	68.850	15.990	10.350	8.610	10.110	11.640	12.150	182.521.350	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trung tâm y tế huyện Xuyên Mộc	77006	Trung tâm y tế huyện Xuyên Mộc	77006
197	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	123.330	17.310	17.370	31.050	18.990	19.260	19.350	326.947.830	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Trung tâm Y Tế Kiên Lương	91013	Trung tâm y tế huyện Kiên Lương	91013
198	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	16.170	2.670	2.700	2.700	2.700	2.700	2.700	42.866.670	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Giang	Trung Tâm Y tế Lục Ngạn	24017	Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn	24017
199	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.173.644	212.196	212.198	251.550	156.480	160.620	180.000	3.109.739.644	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN 1	79610	Trung Tâm Y Tế Quận 1 - Cơ sở 2	79651

dudt.tums_Dau Thanh Du 08/2024 17:27:55

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
200	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.311.810	238.350	238.410	208.740	208.740	208.740	208.830	3.477.608.310	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế quận 10	79027	Trung tâm Y tế Quận 10 - Cơ sở 2	79591
201	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.842.000	345.000	345.000	300.000	300.000	300.000	252.000	4.883.342.000	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y tế Quận 11	79596	Phòng khám Đa khoa (Thuộc Trung Tâm Y Tế Quận 11)	79594
202	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.839.000	312.000	312.000	303.750	303.750	303.750	303.750	4.875.189.000	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN 3	79009	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN 3 - CƠ SỞ 4	79600
203	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.066.500	168.750	168.750	182.250	182.250	182.250	182.250	2.827.291.500	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y tế Quận 4	79602	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN 4-CƠ SỞ 3	79662
204	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	721.400	129.000	129.000	115.950	115.950	115.950	115.950	1.913.491.800	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Quận 5	79015	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung Tâm Y Tế Quận 5	79613
205	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	840.350	150.000	150.000	138.800	132.000	134.550	135.000	2.227.767.850	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Quận 6	79599	Trung tâm y tế Quận 6 - Cơ Sở 2	79657
206	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	627.000	103.500	103.500	105.000	105.000	105.000	105.000	1.662.177.000	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y Tế Quận 7	79590	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm y tế quận 7	79584
207	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.333.200	240.000	240.000	213.300	213.300	213.300	213.300	3.534.313.200	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Quận 8	79582	Phòng khám, Điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm Y tế Quận 8	79720
208	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	140.970	22.050	22.050	28.920	22.230	22.770	22.950	373.711.470	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Trung tâm y tế quận Ba Đình	01801	Phòng khám đa khoa 50 Hàng Bún (TTYT Quận Ba Đình)	01059
209	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	24.480	3.570	3.600	4.110	4.260	4.440	4.500	64.896.480	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Trung tâm Y tế quận Bắc Từ Liêm	01217	Phòng khám đa khoa Chèm - Trung tâm Y tế quận Bắc Từ Liêm	01083
210	1	AN5	Dolutegravir, , Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	659.870	148.880	99.090	102.150	102.780	103.380	103.590	1.749.315.370	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y Tế quận Bình Tân	79996	Trung tâm Y Tế quận Bình Tân - Cơ sở 3	79586
211	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.302.810	225.000	248.310	207.000	207.000	207.000	208.500	3.453.749.310	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung Tâm y tế Quận Bình Thạnh	79579	Trung Tâm Y Tế quận Bình Thạnh - Cơ sở 2	79655
212	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	778.740	124.920	126.000	127.890	130.950	133.980	135.000	2.064.439.740	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cần Thơ	Trung tâm Y tế quận Cái Răng	92006	Trung tâm Y tế quận Cái Răng	92006

duyet.tuns_Dau Thanh Duy 19/08/2024 17:27:55

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
213	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	188.610	27.810	27.900	46.950	28.440	28.710	28.800	500.005.110	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Phòng	Trung tâm Y tế quận Đồ Sơn	31012	Trung tâm Y tế quận Đồ Sơn	31012
214	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	46.770	7.260	5.850	12.180	7.110	7.170	7.200	123.987.270	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Trung tâm y tế quận Đống Đa	01806	Phòng khám đa khoa số 3 trực thuộc trung tâm y tế quận Đống Đa	01021
215	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.643.820	298.470	269.160	399.570	221.880	226.590	228.150	4.357.766.820	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN GÒ VẤP	79580	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN GÒ VẤP - CƠ SỞ 2	79653
216	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	310.410	38.970	39.150	91.440	46.530	47.070	47.250	822.896.910	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Trung tâm y tế quận Hai Bà Trưng	01807	Phòng khám đa khoa Mai Hương (TTYT Hai Bà Trưng)	01070
217	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	607.560	97.740	98.100	100.950	102.450	103.920	104.400	1.610.641.560	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Hoàng Mai	01808	Phòng khám đa khoa Linh Đàm trực thuộc Trung tâm y tế quận Hoàng Mai	01045
218	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	441.480	70.680	71.010	73.410	74.250	75.720	76.410	1.170.363.480	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Phòng	Trung tâm Y tế quận Hồng Bàng	31002	Trung tâm Y tế quận Hồng Bàng	31002
219	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	371.610	55.110	55.350	92.700	55.980	56.220	56.250	985.138.110	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Phòng	Trung Tâm Y tế quận Lê Chân	31004	Trung Tâm Y tế quận Lê Chân	31004
220	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	159.330	23.940	24.120	33.780	25.200	26.010	26.280	422.383.830	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Long Biên	01804	Phòng khám Đa khoa Trung tâm (TTYT quận Long Biên)	01092
221	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	958.680	152.700	148.500	215.490	150.600	142.890	148.500	2.541.460.680	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Trung tâm Y tế quận Nam Từ Liêm	01813	Phòng khám đa khoa Cầu Diễn trực thuộc Trung tâm Y tế quận Nam Từ Liêm	01091
222	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	752.460	142.110	142.110	117.060	117.060	117.060	117.060	1.994.771.460	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y Tế Quận Phú Nhuận	79587	Trung tâm y tế Quận Phú Nhuận - Cơ sở 2	79656
223	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.202.470	360.000	370.670	360.000	370.000	370.000	371.800	5.838.747.970	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Quận Tân Bình	79574	Trung tâm y tế Quận Tân Bình - Cơ sở 2	79663
224	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	751.680	152.520	108.360	145.320	112.590	115.890	117.000	1.992.703.680	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN TÂN PHÚ	79577	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN TÂN PHÚ- CƠ SỞ 2	79664
225	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	246.900	40.950	41.040	41.010	41.160	41.340	41.400	654.531.900	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Trung tâm y tế quận Tây Hồ	01066	Phòng khám 695 Lạc Long Quân	01066

duyet.tms_Dau Thanh Duy 15/08/2024 17:55

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Đường bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
226	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	231.900	35.430	36.900	27.810	40.140	45.000	46.620	614.766.900	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đà Nẵng	Trung tâm Y tế quận Thanh Khê	48004	Trung tâm Y tế quận Thanh Khê	48004
227	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	251.580	36.000	36.000	62.850	38.580	39.000	39.150	666.938.580	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Thanh Xuân	01074	Phòng khám đa khoa trực thuộc Trung tâm Y tế quận Thanh Xuân	01074
228	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	68.370	10.770	10.800	11.880	11.550	11.670	11.700	181.248.870	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Trung tâm y tế Sóc Sơn	01810	Phòng khám đa khoa Trung tâm (TTYT Sóc Sơn)	01033
229	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	4.050	840	870	240	780	540	780	10.736.550	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Thuận	Trung tâm Y tế Tánh Linh	60013	Trung tâm y tế Tánh linh	60013
230	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	52.560	7.380	7.560	8.730	9.270	9.720	9.900	139.336.560	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Tháp	Trung tâm Y tế tế huyện Thanh Bình	87010	Trung tâm y tế Huyện Thanh Bình	87010
231	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	123.960	20.160	20.160	20.460	20.790	21.150	21.240	328.612.960	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bạc Liêu	Trung tâm Y tế thành phố Bạc Liêu	95033	Trung tâm Y tế thành phố Bạc Liêu	95033
232	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	654.600	93.600	94.500	137.190	105.930	110.880	112.500	1.735.344.600	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Nai	Trung tâm Y tế thành phố Biên Hòa	75003	Trung tâm Y tế Thành phố Biên Hòa	75003
233	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	36.030	5.880	5.940	5.760	5.940	6.210	6.300	95.515.530	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế thành phố Cam Ranh	56005	Phòng khám ngoại trú - Trung tâm Y tế thành phố Cam Ranh	56192
234	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	193.410	30.420	30.690	31.950	32.760	33.660	33.930	512.729.910	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Châu Đốc	89002	TTYT TP. Châu Đốc	89002
235	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	127.800	19.800	19.800	23.850	21.240	21.510	21.600	338.792.800	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Dương	Trung tâm Y tế Thành phố Chí Linh	30003	Trung tâm Y tế Thành phố Chí Linh	30003
236	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	338.340	47.190	47.700	58.050	60.120	62.280	63.000	896.939.340	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Dĩ An	74028	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Dĩ An	74028
237	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	115.590	17.730	17.730	19.920	20.070	20.070	20.070	306.429.090	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Điện Biên	Trung tâm Y tế Thành phố Điện Biên Phủ	11002	Trung tâm Y tế Thành phố Điện Biên Phủ	11002
238	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	56.520	8.910	9.000	9.360	9.540	9.810	9.900	149.834.520	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên	91002	Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên	91002

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
239	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	296.670	48.690	48.780	49.320	49.830	50.010	50.040	786.472.170	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Nai	Trung Tâm Y Tế Thành phố Long Khánh	75303	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS thuộc Trung Tâm Y Tế Thành phố Long Khánh	75303
240	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	113.310	17.460	17.910	18.090	19.170	20.160	20.520	300.384.810	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Long Xuyên	89001	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Long Xuyên	89001
241	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	238.230	38.190	38.340	40.680	40.500	40.290	40.230	631.547.730	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế Thành phố Nha Trang	56162	Trung tâm Y tế Thành phố Nha Trang	56008
242	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	304.650	43.650	45.000	56.070	52.350	53.580	54.000	807.627.150	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Trung tâm Y tế Thành phố Phú Quốc	91011	Trung tâm Y tế Thành phố Phú Quốc	91011
243	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	671.940	113.970	113.970	111.000	111.000	111.000	111.000	1.781.312.940	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế thành phố thủ đức	79583	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Thủ Đức	79583
244	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.277.930	212.000	211.830	162.660	249.570	168.780	273.090	3.387.792.430	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC	79583	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Thủ Đức	79607
245	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	578.760	91.710	93.600	93.180	97.080	100.950	102.240	1.534.292.760	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	Trung tâm Y tế Thành Phố Thuận An	74039	Trung tâm Y tế Thành Phố Thuận An	74039
246	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	228.240	39.240	40.050	22.350	40.920	41.280	44.400	605.064.240	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trung tâm y tế Thành phố Vũng Tàu	77004	Trung tâm y tế Thành phố Vũng Tàu	77004
247	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	8.640	1.230	1.260	1.350	1.560	1.620	1.620	22.904.640	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Gia Lai	Trung tâm y tế thị xã An Khê	64250	TTYT TX An Khê	64250
248	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	333.600	49.050	51.300	55.350	57.900	59.700	60.300	884.373.600	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	Trung Tâm Y Tế Thị Xã Bến Cát	74050	Trung tâm y tế thị xã Bến Cát	74050
249	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	134.580	21.750	21.780	22.830	22.410	22.860	22.950	356.771.580	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Phước	Trung Tâm Y Tế Thị Xã Chơn Thành	70008	Trung Tâm Y Tế Thị Xã Chơn Thành	70008
250	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	13.500	2.070	2.070	2.340	2.340	2.340	2.340	35.788.500	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nam	Trung tâm y tế thị xã Duy Tiên	35036	TTYT thị xã Duy Tiên	35036
251	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	65.160	12.420	12.510	0	12.810	13.470	13.950	172.739.160	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bạc Liêu	Trung tâm Y tế thị xã Giá Rai	95004	Trung tâm Y tế thị xã Giá Rai	95004

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
252	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	80.640	12.990	13.050	14.280	13.350	13.470	13.500	213.776.640	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Dương	Trung tâm Y tế Thị xã Kinh Môn	30005	Trung tâm Y tế Thị xã Kinh Môn	30005
253	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	23.370	4.260	5.130	3.420	3.420	3.540	3.600	61.953.870	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Thuận	Trung tâm Y tế Thị xã La Gi	60170	Trung tâm y tế La Gi	60170
254	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	76.410	11.700	11.700	12.960	13.140	13.410	13.500	202.562.910	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Điện Biên	Trung tâm y tế thị xã Mường Lay	11045	Trung Tâm Y Tế Thị Xã Mường Lay	11045
255	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	89.580	13.950	14.040	14.790	15.390	15.660	15.750	237.476.580	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hòa	56003	Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hòa	56003
256	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	213.510	26.640	37.020	23.910	44.350	35.580	46.010	566.015.010	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trung tâm y tế thị xã Phú Mỹ	77007	Trung tâm y tế thị xã Phú Mỹ	77007
257	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	267.540	38.220	39.600	42.000	46.350	50.070	51.300	709.248.540	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	Trung Tâm Y Tế Thành phố Tân Uyên	74066	Trung tâm Y tế thành phố Tân Uyên	74066
258	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	573.900	88.260	88.740	100.710	97.590	99.060	99.540	1.521.408.900	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Trung tâm y tế Tp. Rạch Giá Kiên Giang	91101	Trung tâm Y tế Tp. Rạch Giá Kiên Giang	91101
259	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	280.440	35.820	36.000	49.680	51.570	53.370	54.000	743.446.440	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	Trung tâm y tế TP. Thủ Dầu Một	74008	Phòng khám đa khoa - Nhà hộ sinh thuộc Trung tâm y tế thành phố Thủ Dầu Một	74008
260	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	93.960	15.390	15.390	15.810	15.720	15.810	15.840	249.087.960	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lai Châu	TT huyện Sin Hồ	12014	TTYT huyện Sin Hồ	12014
261	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	52.620	8.640	8.640	8.970	8.730	8.820	8.820	139.495.620	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lai Châu	TT Mường Tè	12015	TTYT huyện Mường Tè	12015
262	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	68.990	10.860	10.980	11.690	11.730	11.850	11.880	182.892.490	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lai Châu	TT Than Uyên	12016	TTYT huyện Than Uyên	12016
263	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	29.150	5.620	5.620	0	5.970	5.970	5.970	77.276.650	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Kạn	TTYT H Ba Bể	06005	TTYT H Ba Bể	06005
264	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	17.390	3.340	3.340	0	3.570	3.570	3.570	46.100.890	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Kạn	TTYT H Pác Nặm	06031	TTYT H Pác Nặm	06031

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
265	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	64.200	9.570	9.900	10.170	10.890	11.700	11.970	170.194.200	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	Trung tâm y tế thị xã Tịnh Biên	89006	Trung tâm y tế thị xã Tịnh Biên	89006
266	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	12.720	1.980	1.980	2.070	2.190	2.250	2.250	33.720.720	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cao Bằng	TTYT huyện Bảo Lâm	04012	TTYT huyện Bảo Lâm	04012
267	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	63.690	9.660	9.900	10.530	10.980	11.280	11.340	168.842.190	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	TTYT Huyện Dầu Tiếng	74102	TTYT Huyện Dầu Tiếng	74102
268	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	66.870	11.070	11.070	11.100	11.160	11.220	11.250	177.272.370	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	TTYT huyện Gia Lâm	01812	Phòng khám đa khoa Trâu Quỳ (TTYT Gia Lâm)	01027
269	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	5.400	900	900	900	900	900	900	14.315.400	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cao Bằng	TTYT huyện Hạ Lang	04011	TTYT huyện Hạ Lang	04011
270	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	73.860	11.670	11.700	14.340	11.910	12.090	12.150	195.802.860	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lai Châu	TTYT huyện Nậm Nhùn	12135	TTYT huyện Nậm Nhùn	12135
271	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	49.100	7.200	7.200	13.100	7.200	7.200	7.200	130.164.100	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lai Châu	TTYT huyện Phong Thổ	12013	TTYT huyện Phong Thổ	12013
272	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	10.470	1.620	1.620	1.830	1.800	1.800	1.800	27.755.970	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cao Bằng	TTYT huyện Trùng Khánh	04005	TTYT huyện Trùng Khánh	04005
273	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	34.920	5.370	5.400	5.700	5.940	6.210	6.300	92.572.920	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cao Bằng	TTYT huyện Trùng Khánh	04005	BVĐK huyện Trùng Khánh	04006
274	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	7.110	810	810	1.590	1.230	1.320	1.350	18.848.610	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Gia Lai	TTYT Phú Thiện	64041	TTYT huyện Phú Thiện	64041
275	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	511.110	82.500	82.500	86.550	86.520	86.520	86.520	1.354.952.610	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	TTYT Quận 12	79612	TTYT Quận 12	79612
276	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	618.000	97.980	99.000	101.610	104.310	107.100	108.000	1.638.318.000	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cần Thơ	TTYT Quận Bình Thủy	92005	Trung tâm Y tế quận Bình Thủy	92005
277	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	801.680	49.140	49.410	50.130	50.670	51.120	51.210	799.753.680	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Phòng	TTYT Quận Hải An	31020	Trung tâm y tế quận Hải An	31020

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
278	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	49.620	8.370	8.100	7.680	8.370	8.550	8.550	131.542.620	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cao Bằng	TTYT Thành Phố Cao Bằng	04001	TTYT Tp. Cao Bằng	04001
279	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	147.810	21.780	22.770	23.760	25.290	26.850	27.360	391.844.310	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hậu Giang	TTYT Thành Phố Ngã Bảy	93108	TTYT Thành Phố Ngã Bảy	93108
280	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	89.100	14.850	14.850	4.950	19.800	19.800	14.850	236.204.100	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Kạn	TTYT TP Bắc Kạn	06033	TTYT TP Bắc Kạn	06033
281	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	148.200	22.620	22.950	24.360	25.320	26.310	26.640	392.878.200	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	TTYT huyện Phú Tân	89005	TTYT huyện Phú Tân	89005
282	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	8.100	1.350	1.350	1.350	1.350	1.350	1.350	21.473.100	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nam Định	Trung tâm y tế huyện Trực Ninh	36011	Trung tâm y tế huyện Trực Ninh	36011
283	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	6.270	990	990	1.050	1.080	1.080	1.080	16.621.770	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nam Định	Trung tâm Y tế huyện Nam Trực	36016	Trung tâm Y tế huyện Nam Trực	36016
284	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	54.720	9.000	9.000	9.180	9.180	9.180	9.180	145.062.720	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nam Định	Bệnh viện đa khoa huyện Hải Hậu	36017	Bệnh viện đa khoa huyện Hải Hậu	36017
285	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	54.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	143.154.000	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nam Định	Trung tâm y tế huyện Xuân Trường	36022	Trung tâm y tế huyện Xuân Trường	36022
286	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	69.780	11.610	11.790	11.550	11.610	11.610	11.610	184.986.780	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nam Định	Trung tâm y tế huyện Giao Thủy	36025	Trung tâm y tế huyện Giao Thủy	36025
287	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	45.900	7.650	7.650	7.650	7.650	7.650	7.650	121.680.900	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nam Định	Trung tâm y tế huyện Nghĩa Hưng	36028	Trung tâm y tế huyện Nghĩa Hưng	36028
288	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	38.460	6.300	6.300	6.420	6.480	6.480	6.480	101.957.460	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nam Định	Trung tâm Y tế huyện Ý Yên	36032	Trung tâm Y tế huyện Ý Yên	36032
289	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	394.080	65.700	65.700	65.580	65.700	65.700	65.700	1.044.706.080	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nam Định	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nam Định	36060	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nam Định	36060
290	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	199.170	29.760	30.060	33.150	34.440	35.670	36.090	527.999.670	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Ninh Bình	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	37094	Phòng khám Chuyên khoa HIV/AIDS và điều trị nghiện chất	37094

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
291	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	77.220	12.840	12.870	12.150	12.840	13.200	13.320	204.719.220	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Ninh Bình	Trung tâm Y tế Thành phố Ninh Bình	37103	Trung tâm y tế Thành phố Ninh Bình	37103
292	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	25.260	4.020	4.050	3.990	4.260	4.440	4.500	66.964.260	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Ninh Bình	Trung tâm y tế thành phố Tam Điệp	37201	Trung tâm y tế Thành phố Tam Điệp	37201
293	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	128.610	20.340	20.430	21.600	21.870	22.140	22.230	340.945.110	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Ninh Bình	Bệnh viện đa khoa huyện Nho Quan	37301	Bệnh viện đa khoa huyện Nho Quan	37301
294	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	66.540	8.970	9.000	19.050	9.750	9.870	9.900	176.397.540	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Ninh Bình	Trung tâm y tế huyện Gia Viễn	37401	Trung tâm y tế huyện Gia Viễn	37401
295	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	105.150	16.680	16.740	17.910	17.730	18.000	18.090	278.752.650	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Ninh Bình	Trung tâm y tế huyện Hoa Lư	37501	Trung tâm y tế huyện Hoa Lư	37501
296	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	20.130	2.850	2.880	5.580	2.880	2.970	2.970	53.364.630	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Ninh Bình	Trung tâm y tế huyện Yên Mô	37601	Trung tâm y tế Yên Mô	37601
297	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	176.940	28.950	29.070	29.550	29.670	29.820	29.880	469.067.940	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Ninh Bình	bệnh viện đa khoa huyện Kim Sơn	37701	Bệnh viện đa khoa Kim Sơn	37701
298	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	20.970	3.330	3.330	3.510	3.600	3.600	3.600	55.591.470	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Ninh Bình	Trung tâm y tế huyện Yên Khánh	37801	Trung tâm y tế huyện Yên Khánh	37801
299	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	17.460	3.300	3.330	1.590	2.730	3.180	3.330	46.286.460	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Ninh Thuận	Trung Tâm y tế Huyện Ninh Phước	58002	Trung Tâm y tế Huyện Ninh Phước	58002
300	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	34.613	4.860	4.860	6.353	5.940	6.300	6.300	91.759.063	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Ninh Thuận	Trung tâm Y tế huyện Ninh Hải	58004	Trung tâm Y tế huyện Ninh Hải	58004
301	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.520	450	450	270	450	450	450	6.680.520	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Ninh Thuận	Trung tâm Y tế huyện Thuận Bắc	58012	Trung tâm Y tế huyện Thuận Bắc	58012
302	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	10.920	1.290	1.350	2.700	1.710	1.890	1.980	28.948.920	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Ninh Thuận	Trung tâm Y tế huyện Ninh Sơn	58082	Trung tâm Y tế Ninh Sơn	58082
303	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	57.480	7.530	7.560	11.160	10.110	10.500	10.620	152.379.480	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Ninh Thuận	Trung tâm Y tế thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	58083	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Y tế thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	58083

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
304	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	299.130	49.410	49.500	49.590	49.950	50.280	50.400	792.993.630	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An	40001	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An	40001
305	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	28.260	4.440	4.500	4.650	4.800	4.920	4.950	74.917.260	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Trung tâm Y tế huyện Hưng Nguyên	40002	Trung tâm y tế huyện Hưng Nguyên	40002
306	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	18.180	2.970	2.970	3.060	3.060	3.060	3.060	48.195.180	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Trung tâm y tế huyện Nam Đàn	40003	Trung tâm y tế huyện Nam Đàn	40003
307	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	79.350	12.990	13.050	13.110	13.260	13.440	13.500	210.356.850	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Chương	40004	Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Chương	40004
308	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	68.100	10.530	10.620	10.770	10.920	11.100	11.160	172.580.100	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Bệnh viện đa khoa huyện Đô Lương	40005	Bệnh viện đa khoa huyện Đô Lương	40005
309	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	33.660	5.340	5.400	5.550	5.700	5.820	5.850	89.232.660	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành	40006	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành	40006
310	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	154.710	25.830	25.830	25.560	25.650	25.920	25.920	410.136.210	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Bệnh viện đa khoa Diễn Châu	40007	Bệnh viện đa khoa Diễn Châu	40007
311	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	31.050	4.950	4.950	5.130	5.250	5.370	5.400	82.313.550	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Lưu	40008	Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Lưu	40008
312	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	30.480	4.920	4.950	5.040	5.130	5.220	5.220	80.802.480	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Bệnh viện đa khoa huyện Nghi Lộc	40009	Bệnh viện đa khoa huyện Nghi Lộc	40009
313	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	26.250	4.110	4.140	4.410	4.440	4.560	4.590	69.588.750	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Trung tâm Y tế huyện Anh Sơn	40010	Trung tâm Y tế huyện Anh Sơn	40010
314	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	95.850	15.750	15.750	15.930	16.050	16.170	16.200	254.098.350	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Bệnh viện đa khoa Khu vực Tây Bắc Nghệ An	40011	Bệnh viện đa khoa Khu vực Tây Bắc Nghệ An	40011
315	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	57.480	8.940	9.000	9.840	9.780	9.930	9.990	152.379.480	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Trung tâm y tế huyện Tân Kỳ	40012	Trung tâm y tế huyện Tân Kỳ	40012
316	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	50.910	8.190	8.280	8.430	8.580	8.700	8.730	134.962.410	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nam Nghệ An	40013	Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nam Nghệ An	40013

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
317	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	160.620	26.580	26.640	26.730	26.760	26.910	27.000	425.803.620	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Trung Tâm Y Tế Huyện Tương Dương	40014	Trung Tâm Y Tế Huyện Tương Dương	40014
318	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	16.740	2.700	2.700	2.790	2.790	2.880	2.880	44.377.740	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Trung tâm Y tế huyện Kỳ Sơn	40015	Trung tâm Y tế huyện Kỳ Sơn	40015
319	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	94.200	15.630	15.750	15.480	15.690	15.810	15.840	249.724.200	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Trung tâm y tế huyện Quỳ Hợp	40016	Trung tâm Y tế huyện Quỳ Hợp	40016
320	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	308.910	49.050	50.400	51.390	52.110	52.860	53.100	818.920.410	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Trung tâm Y tế huyện Quỳ Châu	40017	Trung tâm Y tế huyện Quỳ Châu	40017
321	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	578.820	94.650	94.950	96.120	97.020	97.890	98.190	1.534.451.820	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Trung Tâm Y Tế Huyện Quế Phong	40018	Trung Tâm Y Tế Huyện Quế Phong	40018
322	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	221.190	37.620	37.800	39.570	35.190	35.460	35.550	586.374.690	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Bệnh Viện Đa Khoa Thành Phố Vinh	40019	Bệnh Viện Đa Khoa Thành Phố Vinh	40019
323	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	11.700	1.800	1.800	1.980	1.980	2.070	2.070	31.016.700	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Trung tâm Y tế Thị xã Cửa Lò - Nghệ An	40020	Trung tâm Y tế Thị xã Cửa Lò - Nghệ An	40020
324	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	6.450	900	900	900	1.110	1.290	1.350	17.098.950	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An	40021	Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An	40021
325	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	44.820	7.140	7.200	7.440	7.590	7.710	7.740	118.817.820	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Trung tâm Y tế huyện Nghĩa Đàn	40567	Trung tâm Y tế huyện Nghĩa Đàn	40567
326	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	14.940	2.430	2.430	2.520	2.520	2.520	2.520	39.605.940	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Trung tâm y tế thị xã Hoàng Mai	40572	Trung tâm y tế thị xã Hoàng Mai	40572
327	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương, Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	253.980	38.040	38.160	63.390	38.070	38.160	38.160	673.300.980	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Phú Thọ	BVĐK tỉnh Phú Thọ	25001	BVĐK tỉnh Phú Thọ	25001
328	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	286.050	45.600	46.800	48.150	48.300	48.600	48.600	758.318.550	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Phú Thọ	bệnh viện đa khoa thị xã phú thọ	25002	Bệnh viện đa khoa thị xã Phú Thọ	25002
329	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	107.100	16.740	16.830	18.090	18.270	18.540	18.630	283.922.100	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Phú Thọ	Trung tâm Y tế huyện Thanh Sơn	25010	Trung tâm y tế huyện Thanh Sơn	25010

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc CPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
330	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	228.330	35.970	36.000	38.370	38.970	39.420	39.600	605.302.830	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Phú Thọ	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Thọ	25044	Phòng khám đa khoa - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Thọ	25044
331	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	86.760	14.760	14.850	14.130	14.250	14.370	14.400	230.000.760	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Phú Thọ	Trung tâm y tế huyện Tân Sơn	25045	Trung tâm y tế huyện Tân Sơn	25045
332	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	180.660	24.360	25.200	29.760	31.530	34.350	35.460	478.929.660	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Phú Yên	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Yên	54117	Phòng khám Chuyên khoa HIV/AIDS và điều trị nghiện chất	54117
333	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	125.190	20.100	20.340	20.940	21.180	21.300	21.330	331.878.690	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Quảng Bình	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Quảng Bình	44417	PHÒNG KHÁM ĐA KHOA THUỘC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG BÌNH	44417
334	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	234.420	37.590	37.800	38.880	39.420	40.230	40.500	621.447.420	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Quảng Nam	Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam	49001	Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam	49001
335	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	3.390	510	540	540	540	630	630	8.956.890	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Quảng Nam	Bệnh viện phụ sản - Nhi Quảng Nam	49112	Bệnh viện Phụ sản - Nhi tỉnh Quảng Nam	49112
336	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	537.166	88.672	88.674	89.955	89.955	89.955	89.955	1.424.027.066	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Quảng Ninh	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh	22001	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh	22001
337	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	472.470	71.070	71.100	114.900	71.520	71.880	72.000	1.252.517.970	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Quảng Ninh	Bệnh viện Đa khoa Cẩm Phả	22007	Bệnh viện Đa khoa Cẩm Phả	22007
338	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	186.120	30.960	31.050	30.150	31.050	31.410	31.500	493.404.120	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Quảng Ninh	Trung tâm Y tế thị xã Đông Triều	22015	Trung tâm Y tế thị xã Đông Triều	22015
339	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	177.960	33.420	33.390	22.200	22.350	33.300	33.300	471.771.960	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Quảng Ninh	Trung tâm y tế thị xã Quảng Yên	22017	Trung tâm y tế thị xã Quảng Yên	22017
340	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	111.450	18.870	18.900	17.700	18.360	18.720	18.900	295.453.950	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Quảng Ninh	Bệnh viện Đa khoa Hạ Long	22020	Bệnh Viện Đa Khoa Hạ Long	22020
341	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	253.620	42.030	42.120	41.670	42.390	42.660	42.750	672.346.620	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Quảng Ninh	Trung tâm Y tế huyện Vân Đồn	22021	Trung tâm Y tế huyện Vân Đồn	22021
342	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	101.160	16.560	16.650	16.830	16.950	17.070	17.100	268.175.160	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Quảng Ninh	Trung tâm Y tế huyện Tiên Yên	22022	Trung tâm Y tế huyện Tiên Yên	22022

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Đường bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
343	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	197.640	33.030	30.060	34.110	33.480	33.480	33.480	525.943.640	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Quảng Ninh	Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái	22027	Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái	22027
344	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	164.610	26.910	27.000	27.450	27.540	27.810	27.900	436.383.110	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Quảng Ninh	Bệnh viện Việt Nam-Thụy Điển Uông Bí	22030	Bệnh viện Việt Nam-Thụy Điển Uông Bí	22030
345	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	246.830	39.960	40.050	42.350	41.370	41.520	41.580	654.346.330	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Quảng Ninh	Trung tâm Y tế thành phố Hạ Long	22031	Phòng khám đa khoa Trung tâm Y tế thành phố Hạ Long	22031
346	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	156.540	24.600	24.750	26.910	26.430	26.850	27.000	414.987.540	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Quảng Ninh	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cẩm Phả	22095	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cẩm Phả	22095
347	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	272.100	38.970	40.230	40.230	51.840	49.980	50.850	721.337.100	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Quảng Ngãi	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi	51224	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS	51224
348	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	30.330	4.140	4.320	4.680	5.310	5.850	6.030	80.404.830	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Quảng Trị	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	45092	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	45092
349	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	468.870	75.150	75.600	77.550	79.050	80.520	81.000	1.242.974.370	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng	94001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng	94001
350	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	135.180	21.330	21.510	22.320	22.860	23.490	23.670	358.362.180	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm Y tế huyện Mỹ Xuyên	94002	Trung tâm Y tế huyện Mỹ Xuyên	94002
351	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	34.770	5.250	5.400	5.670	5.940	6.210	6.300	92.175.270	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm Y tế huyện Mỹ Tú	94003	Trung tâm Y tế huyện Mỹ Tú	94003
352	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	29.850	4.440	4.500	5.010	5.160	5.340	5.400	79.132.350	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm Y tế huyện Long Phú	94004	Trung tâm Y tế huyện Long Phú	94004
353	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	108.000	16.020	16.200	17.820	18.630	19.530	19.800	286.308.000	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm y tế huyện Kế Sách	94005	Trung tâm Y tế huyện Kế Sách	94005
354	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	37.470	5.820	5.850	6.270	6.420	6.540	6.570	99.332.970	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm Y tế huyện Thạnh Trị	94006	Trung tâm Y tế huyện Thạnh Trị	94006
355	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	85.120	12.960	13.050	17.560	13.710	13.890	13.950	225.653.120	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm Y tế thị xã Vĩnh Châu	94007	Trung tâm Y tế thị xã Vĩnh Châu	94007

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
356	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	32.610	4.740	4.950	5.550	5.700	5.820	5.850	86.449.110	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm Y tế huyện Cù Lao Dung	94008	Trung tâm Y tế huyện Cù Lao Dung	94008
357	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	49.920	7.410	7.560	8.160	8.580	9.030	9.180	132.337.920	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm Y tế Thị xã Ngã Năm	94010	Trung tâm Y tế Thị xã Ngã Năm	94010
358	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	33.390	5.160	5.220	5.460	5.610	5.820	6.120	88.516.890	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	TTYT Châu Thành	94018	Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	94018
359	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	32.610	4.950	4.950	5.460	5.610	5.790	5.850	86.449.110	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm Y tế huyện Trần Đề	94020	Trung tâm Y tế huyện Trần Đề	94020
360	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	9.300	1.380	1.440	1.620	1.620	1.620	1.620	24.654.300	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	BV Chuyên khoa Sản Nhi tỉnh Sóc Trăng	94029	BV Chuyên khoa Sản Nhi tỉnh Sóc Trăng	94029
361	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	155.670	24.930	25.200	25.560	26.190	26.790	27.000	412.681.170	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm Y tế thành phố Sóc Trăng	94030	Trung tâm Y tế thành phố Sóc Trăng	94030
362	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	257.580	41.130	41.130	43.830	43.830	43.830	43.830	682.844.580	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sơn La	Bệnh Viện Đa Khoa tỉnh Sơn La	14001	Bệnh Viện Đa Khoa tỉnh Sơn La	14001
363	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	405.390	57.810	57.870	111.390	58.860	59.610	59.850	1.074.688.890	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sơn La	Bệnh viện đa khoa huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La	14002	Bệnh viện đa khoa huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La	14002
364	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil, fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	75.480	12.900	13.050	12.120	12.270	12.540	12.600	200.097.480	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sơn La	Bệnh viện đa khoa huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	14003	Bệnh viện đa khoa huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	14003
365	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	89.910	13.500	13.590	16.560	15.330	15.450	15.480	238.351.410	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sơn La	Bệnh viện đa khoa huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	14004	Bệnh viện đa khoa huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	14004
366	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	362.940	58.110	58.500	59.100	60.960	62.820	63.450	962.153.940	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sơn La	Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La	14005	Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La	14005
367	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	122.730	20.160	20.250	20.400	20.550	20.670	20.700	325.357.230	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sơn La	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	14006	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	14006
368	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	308.940	51.630	52.200	48.510	51.570	52.380	52.650	818.999.940	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sơn La	Bệnh viện đa khoa huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	14007	Bệnh viện đa khoa huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	14007

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
369	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	118.920	19.650	20.070	18.810	19.620	20.250	20.520	315.256.920	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sơn La	Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La	14008	Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La	14008
370	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	330.150	55.740	55.980	54.180	54.540	54.810	54.900	875.227.650	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sơn La	Bệnh viện đa khoa huyện Mường La, tỉnh Sơn La	14009	Bệnh viện đa khoa huyện Mường La, tỉnh Sơn La	14009
371	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	51.540	8.100	8.460	8.280	8.730	8.970	9.000	136.632.540	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sơn La	Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La	14010	Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La	14010
372	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	154.680	24.630	24.660	25.950	26.250	26.550	26.640	410.056.680	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sơn La	Bệnh viện đa khoa Thảo Nguyên huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	14011	Bệnh viện đa khoa Thảo Nguyên huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	14011
373	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	77.730	12.510	12.600	12.480	13.200	13.440	13.500	206.062.230	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sơn La	Bệnh viện đa khoa huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.	14015	Bệnh viện đa khoa huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.	14015
374	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	549.290	109.060	109.450	99.120	76.080	77.550	78.030	1.456.167.790	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Tây Ninh	Trung tâm Y tế Thị xã Hòa Thành	72002	Trung tâm Y tế Thị xã Hòa Thành	72002
375	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	300.010	56.510	57.200	44.460	46.080	47.610	48.150	795.326.510	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Tây Ninh	Trung tâm Y tế huyện Gò Dầu	72003	Trung tâm Y tế huyện Gò Dầu	72003
376	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	192.870	34.650	34.920	30.510	30.150	31.140	31.500	511.298.370	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Tây Ninh	Trung Tâm Y Tế Thị Xã Trảng Bàng	72004	Trung tâm Y tế Thị Xã Trảng Bàng	72004
377	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	55.100	10.660	11.740	7.530	7.500	8.130	9.540	146.070.100	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Tây Ninh	Trung tâm Y tế huyện Bến Cầu	72005	Trung tâm Y tế huyện Bến Cầu	72005
378	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	962.700	149.490	151.200	154.590	162.750	170.970	173.700	2.552.117.700	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Tây Ninh	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tây Ninh	72010	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tây Ninh	72010
379	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	134.010	20.670	21.510	22.440	22.980	23.190	23.220	355.260.510	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Tiền Giang	bệnh viện Đa khoa khu vực Gò Công	82002	BVĐKKV GÒ CÔNG	82002
380	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	169.530	26.610	27.450	27.900	28.980	29.250	29.340	449.424.030	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Tiền Giang	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy	82003	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy	82003
381	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.008.240	162.420	163.800	166.860	169.560	172.350	173.250	2.672.844.240	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Tiền Giang	TTKSBT tỉnh Tiền Giang	82215	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Tiền Giang	82215

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
382	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	157.590	21.600	21.690	44.700	22.920	23.280	23.400	417.771.090	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Tuyên Quang	BVĐK tỉnh Tuyên Quang	08101	BVĐK tỉnh Tuyên Quang	08101
383	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	7.710	1.170	1.170	1.350	1.350	1.350	1.350	20.519.710	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Tuyên Quang	TTYT huyện Lâm Bình	08118	TTYT huyện Lâm Bình	08118
384	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	132.840	17.640	18.000	38.250	19.440	19.710	19.800	352.158.840	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Tuyên Quang	TTYT huyện Yên Sơn	08204	TTYT huyện Yên Sơn	08204
385	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	141.630	23.460	23.580	24.480	23.070	23.460	23.580	375.461.130	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Tuyên Quang	TTYT huyện Sơn Dương	08303	TTYT huyện Sơn Dương	08303
386	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	62.430	8.430	8.550	17.550	9.090	9.360	9.450	165.501.930	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Tuyên Quang	TTYT huyện Hàm Yên	08401	TTYT huyện Hàm Yên	08401
387	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	53.010	7.110	7.200	14.850	7.740	8.010	8.100	140.529.510	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Tuyên Quang	TTYT huyện Chiêm Hóa	08501	TTYT huyện Chiêm Hóa	08501
388	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	12.540	2.220	2.250	1.440	2.160	2.220	2.250	33.243.540	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Tuyên Quang	Trung tâm y tế huyện Na Hang	08602	TTYT Huyện Na Hang	08602
389	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	17.340	2.610	2.760	4.470	2.460	2.520	2.520	45.968.340	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình	34001	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình	34001
390	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	144.750	30.000	23.490	0	33.000	33.000	25.260	383.732.250	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện đa khoa Thành phố Thái bình	34002	Bệnh viện Đa khoa Thành Phố Thái Bình	34002
391	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	72.060	10.680	10.890	15.300	11.640	11.760	11.790	191.031.060	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện Đa khoa huyện vũ thư	34003	Bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Thư	34003
392	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	81.090	11.190	11.430	0	19.500	19.500	19.470	214.969.590	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện Đa khoa huyện kiến xương	34004	Bệnh viện Đa khoa huyện Kiến Xương	34004
393	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	33.090	4.290	4.500	8.820	4.830	5.250	5.400	87.721.590	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện Đa khoa huyện Tiền Hải	34005	Bệnh viện Đa khoa huyện Tiền Hải	34005
394	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	104.220	13.800	13.920	27.690	16.230	16.290	16.290	276.287.220	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện đa khoa huyện Đông Hưng	34006	Bệnh viện Đa khoa huyện Đông Hưng	34006

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
395	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	30.990	5.160	5.190	4.950	5.070	5.220	5.400	82.154.490	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Phụ	34007	Bệnh viện Đa khoa huyện Quỳnh Phụ	34007
396	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	38.700	6.000	6.000	10.140	5.610	1.950	9.000	102.593.700	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện Đa khoa Hưng Hà	34008	Bệnh viện Đa khoa Hưng Hà	34008
397	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	50.070	9.000	9.240	7.470	8.040	8.130	8.190	132.735.570	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện Đa khoa Thái Thụy	34009	Bệnh viện Đa khoa Thái Thụy	34009
398	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	7.910	1.630	1.630	1.500	990	1.080	1.080	20.969.410	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện Nhi tỉnh	34321	Bệnh viện Nhi tỉnh	34321
399	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	299.340	34.740	69.600	35.880	52.950	53.070	53.100	793.550.340	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Nguyên	Trung tâm y tế thành phố Thái Nguyên	19001	Trung tâm y tế thành phố Thái Nguyên	19001
400	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	39.330	6.090	6.120	8.280	6.240	4.200	8.400	104.263.830	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Nguyên	Trung tâm Y tế Thành phố Sông Công	19002	Trung tâm Y tế Thành phố Sông Công	19002
401	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	50.280	8.070	8.100	8.580	8.460	8.520	8.550	133.292.280	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Nguyên	Bệnh viện đa khoa huyện Định Hóa	19003	Bệnh viện đa khoa huyện Định Hóa	19003
402	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	165.780	23.040	39.150	0	23.910	31.800	47.880	439.482.780	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Nguyên	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN PHÚ LƯƠNG	19004	TTYT Phú Lương	19004
403	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	222.330	36.840	36.900	36.840	37.110	37.290	37.350	589.396.830	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Nguyên	Trung tâm Y tế huyện Đồng Hỷ	19005	Trung tâm Y tế huyện Đồng Hỷ	19005
404	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	36.600	5.820	5.850	6.180	6.180	6.270	6.300	97.026.600	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Nguyên	Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai	19006	Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai	19006
405	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	209.225	41.000	41.235	1.740	41.610	41.790	41.850	554.655.675	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Nguyên	Bệnh viện Đa khoa huyện Đại Từ	19007	Bệnh viện Đa khoa huyện Đại Từ	19007
406	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	240.750	27.900	55.800	28.980	42.600	42.720	42.750	638.228.250	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Nguyên	Trung Tâm Y tế thành phố Phổ Yên	19008	Trung tâm Y tế Thành phố Phổ Yên	19008
407	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	170.970	27.870	27.900	28.980	28.650	28.770	28.800	453.241.470	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Nguyên	Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Bình	19009	Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Bình	19009

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
408	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	425.870	79.510	79.510	26.760	79.890	80.100	80.100	1.128.991.370	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Nguyên	Bệnh viện A Thái Nguyên	19012	Bệnh viện A Thái Nguyên	19012
409	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	290.670	44.700	45.000	61.170	46.320	46.680	46.800	770.566.170	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện Đa khoa thành phố Thanh Hoá	38010	Bệnh viện Đa khoa thành phố Thanh Hoá	38010
410	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	53.820	8.430	8.460	11.280	8.550	8.550	8.550	142.676.820	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa Thị Xã Bỉm Sơn	38020	Bệnh viện đa khoa Thị Xã Bỉm Sơn	38020
411	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	27.000	4.170	4.230	5.640	4.320	4.320	4.320	71.577.000	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa thành phố Sầm Sơn	38030	Bệnh viện đa khoa thành phố Sầm Sơn	38030
412	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	173.190	27.390	27.450	36.180	27.300	27.420	27.450	459.126.690	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN QUAN HÓA	38040	BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN QUAN HÓA	38040
413	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	52.350	8.100	8.100	11.040	8.370	8.370	8.370	138.779.850	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa Huyện Bá Thước	38050	Bệnh viện đa khoa Huyện Bá Thước	38050
414	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	40.680	6.300	6.300	8.640	6.480	6.480	6.480	107.842.680	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa huyện Thường Xuân	38060	Bệnh viện đa khoa huyện Thường Xuân	38060
415	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	32.700	4.770	4.770	7.050	5.310	5.400	5.400	86.687.700	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện Đa khoa Huyện Như Xuân	38070	Bệnh viện Đa khoa Huyện Như Xuân	38070
416	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	31.500	4.500	4.500	6.840	5.220	5.220	5.220	83.506.500	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Lang Chánh	38080	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Lang Chánh	38080
417	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	116.430	18.210	18.450	24.420	18.450	18.450	18.450	308.655.930	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc	38090	Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc	38090
418	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	29.160	4.500	4.500	6.120	4.680	4.680	4.680	77.303.160	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Thủy	38100	Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Thủy	38100
419	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	16.320	2.430	2.430	3.450	2.610	2.700	2.700	43.264.320	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành	38110	Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành	38110
420	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	59.730	9.450	9.450	12.480	9.450	9.450	9.450	158.344.230	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa Huyện Thọ Xuân	38120	Bệnh viện đa khoa Huyện Thọ Xuân	38120

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
421	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	22.110	2.580	2.700	3.780	4.140	4.410	4.500	58.613.610	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Lộc	38130	Bvđk Huyện Vĩnh Lộc	38130
422	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	21.360	3.330	3.330	4.440	3.420	3.420	3.420	56.625.360	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Định	38140	Bệnh viện đa khoa Huyện Yên Định	38140
423	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	18.900	3.150	3.150	3.150	3.150	3.150	3.150	50.103.900	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn	38150	Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn	38150
424	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	26.190	4.110	4.140	5.520	4.140	4.140	4.140	69.429.690	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa Huyện Nông cống tỉnh Thanh Hóa	38160	Bệnh viện đa khoa Huyện Nông Cống	38160
425	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	23.460	3.600	3.600	4.920	3.780	3.780	3.780	62.192.460	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa Huyện Đông Sơn	38170	Bệnh viện đa khoa Huyện Đông Sơn	38170
426	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	33.030	4.920	4.950	7.050	5.310	5.400	5.400	87.562.530	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện Đa khoa huyện Hà Trung	38180	Bệnh viện Đa khoa huyện Hà Trung	38180
427	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	32.400	4.950	4.950	6.840	5.220	5.220	5.220	85.892.400	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa Huyện Hoằng Hóa	38190	Bệnh viện đa khoa Huyện Hoằng Hóa	38190
428	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	17.760	2.700	2.700	3.720	2.880	2.880	2.880	47.081.760	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa huyện Nga Sơn	38200	Bệnh viện đa khoa huyện Nga Sơn	38200
429	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	39.420	6.120	6.120	8.280	6.300	6.300	6.300	104.502.420	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa huyện Hậu Lộc	38210	Bệnh viện đa khoa huyện Hậu Lộc	38210
430	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	56.550	8.790	9.000	11.850	8.910	9.000	9.000	149.914.050	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Quảng Xương	38220	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Quảng Xương	38220
431	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	50.640	7.830	7.830	10.680	8.100	8.100	8.100	134.246.640	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa khu vực Nghi Sơn	38230	Bệnh viện đa khoa khu vực Nghi Sơn	38230
432	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	9.780	1.440	1.440	2.040	1.620	1.620	1.620	25.926.780	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa Thiệu Hóa	38240	Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hóa	38240
433	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	26.700	4.050	4.050	5.640	4.320	4.320	4.320	70.781.700	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện Đa khoa huyện Như Thanh	38250	Bệnh viện Đa khoa huyện Như Thanh	38250

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
434	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	18.630	2.880	2.880	3.960	2.970	2.970	2.970	49.388.130	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa huyện Quan Sơn	38260	Bệnh viện đa khoa huyện Quan Sơn	38260
435	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	119.430	18.870	18.900	25.050	18.810	18.900	18.900	316.608.930	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa huyện Mường Lát	38270	Bệnh viện đa khoa huyện Mường Lát	38270
436	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	10.920	1.620	1.620	2.280	1.800	1.800	1.800	28.948.920	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa	38280	Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Thanh Hóa	38280
437	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	370.500	58.500	58.500	78.000	58.500	58.500	58.500	932.195.500	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa	38741	Phòng khám và điều trị HIV/AIDS thuộc trung tâm kiểm soát bệnh tật Thanh Hoá	38741
438	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	47.130	6.300	6.300	8.130	8.520	8.880	9.000	124.941.630	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Trung tâm y tế huyện Ngọc Lặc	38773	Trung tâm y tế huyện Ngọc Lặc	38773
439	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	37.260	6.660	6.660	5.580	6.120	6.120	6.120	98.736.260	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thừa Thiên Huế	Bệnh viện Trung ương Huế	46001	Bệnh viện Trung ương Huế	46001
440	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	168.680	29.500	30.100	23.250	27.090	29.040	29.700	447.170.680	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thừa Thiên Huế	Phòng khám chuyên khoa và điều trị nghiện chất - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thừa Thiên Huế	46211	Phòng khám chuyên khoa và điều trị nghiện chất - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thừa Thiên Huế	46211
441	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	175.440	26.910	27.000	29.400	31.170	30.360	30.600	465.091.440	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Trà Vinh	Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh	84-001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh	84001
442	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	126.330	19.500	19.800	21.000	21.450	22.170	22.410	334.900.830	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Trà Vinh	Trung tâm Y tế huyện Càng Long	84-002	Trung tâm Y tế huyện Càng Long	84002
443	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	102.420	16.020	16.200	17.010	17.370	17.820	18.000	271.515.420	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Trà Vinh	Trung tâm y tế châu thành	84-003	Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	84003
444	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	44.280	6.930	6.930	7.470	7.650	7.650	7.650	117.386.280	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Trà Vinh	Trung tâm Y tế huyện Cầu Kè	84-004	Trung tâm Y tế huyện Cầu Kè	84004
445	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	68.820	10.710	10.950	11.580	11.730	11.850	12.000	182.441.820	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Trà Vinh	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tiểu Cần	84005	Bệnh viện đa khoa khu vực huyện Tiểu Cần	84005
446	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	65.130	9.780	9.900	10.950	11.220	11.580	11.700	172.659.630	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Trà Vinh	Trung tâm Y tế huyện Trà Cú	84006	Trung tâm Y tế huyện Trà Cú	84006

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
447	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	78.300	11.970	12.060	15.300	12.780	13.050	13.140	207.573.300	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Trà Vinh	Bệnh viện đa khoa khu vực huyện Cầu Ngang	84-007	Bệnh viện đa khoa khu vực huyện Cầu Ngang	84007
448	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	70.500	10.650	10.800	11.850	12.120	12.480	12.600	186.895.500	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Trà Vinh	Trung tâm Y tế thị xã Duyên Hải	84-008	Trung tâm Y tế thị xã Duyên Hải	84008
449	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	639.650	113.170	114.010	94.080	103.750	106.810	107.830	1.695.712.150	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Vĩnh Long	Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Long	86001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Long	86001
450	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	224.130	35.040	35.100	34.350	38.700	40.440	40.500	594.168.030	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Vĩnh Long	TTYT TX. Bình Minh	86032	TTYT TX. Bình Minh	86032
451	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	159.540	30.810	31.080	21.000	25.500	25.950	25.200	422.940.540	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Vĩnh Long	Trung tâm Y tế huyện Tam Bình	86049	Trung tâm Y tế huyện Tam Bình	86049
452	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	92.870	16.120	18.230	13.490	14.330	15.200	15.500	246.198.370	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Vĩnh Long	Trung Tâm Y Tế huyện Trà Ôn	86066	TTYT H. Trà Ôn	86066
453	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	47.340	6.300	6.300	13.680	7.020	7.020	7.020	125.498.340	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Vĩnh Phúc	Trung tâm y tế huyện Lập Thạch	26002	Trung tâm Y tế huyện Lập Thạch	26002
454	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	121.650	16.200	16.200	35.250	18.000	18.000	18.000	322.494.150	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Vĩnh Phúc	Trung tâm y tế huyện Sông Lô	26003	Trung tâm Y tế huyện Sông Lô	26003
455	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	63.540	8.550	8.550	18.240	9.300	9.450	9.450	168.444.540	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Vĩnh Phúc	Trung tâm y tế huyện Tam Dương	26004	Trung tâm Y tế huyện Tam Dương	26004
456	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	57.810	8.910	9.000	12.030	9.150	9.300	9.420	153.254.310	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Vĩnh Phúc	Trung tâm y tế huyện Vĩnh Tường	26005	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Tường	26005
457	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	71.010	9.810	9.900	19.350	10.440	10.710	10.800	188.247.510	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Vĩnh Phúc	Trung tâm y tế huyện Yên Lạc	26006	Trung tâm Y tế huyện Yên Lạc	26006
458	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	63.450	8.550	8.550	18.180	9.300	9.420	9.450	168.205.950	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Vĩnh Phúc	Trung tâm Y tế huyện Bình Xuyên	26007	Trung tâm Y tế huyện Bình Xuyên	26007
459	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	162.240	23.130	23.130	45.420	23.310	23.580	23.670	430.098.240	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Vĩnh Phúc	Trung Tâm y tế TP Vĩnh Yên	26008	Trung tâm y tế thành phố Vĩnh Yên	26008

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
460	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	72.240	9.900	9.900	20.610	10.590	10.620	10.620	191.508.240	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Vĩnh Phúc	Trung tâm Y tế thành phố Phúc Yên	26025	Trung tâm Y tế thành phố Phúc Yên	26025
461	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	30.660	3.930	3.960	8.730	4.560	4.710	4.770	81.279.660	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Vĩnh Phúc	Trung tâm y tế huyện Tam Đảo	26026	Trung tâm Y tế huyện Tam Đảo	26026
462	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	8.640	1.440	1.440	1.440	1.440	1.440	1.440	22.904.640	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Yên Bái	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Yên Bái	15101	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Yên Bái	15101
463	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	128.760	20.910	20.970	21.510	21.660	21.840	21.870	341.342.760	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Yên Bái	Trung tâm y tế Thành phố Yên Bái	15104	Trung tâm y tế Thành phố Yên Bái	15104
464	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	50.760	8.460	8.460	8.460	8.460	8.460	8.460	134.564.760	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Yên Bái	Trung tâm y tế huyện Lục Yên	15201	Trung tâm y tế huyện Lục Yên	15201
465	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	19.440	3.060	3.060	3.330	3.330	3.330	3.330	51.535.440	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Yên Bái	Trung tâm Y tế huyện Văn Yên	15301	Trung tâm Y tế huyện Văn Yên	15301
466	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	66.360	11.010	11.070	11.070	11.070	11.070	11.070	175.920.360	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Yên Bái	Trung tâm Y tế huyện Yên Bình	15401	Trung tâm y tế huyện Yên Bình	15401
467	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	6.480	1.080	1.080	1.080	1.080	1.080	1.080	17.178.480	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Yên Bái	Trung tâm y tế huyện Mù Cang Chải	15501	Trung tâm y tế huyện Mù Cang Chải	15501
468	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	106.020	17.370	17.370	17.070	17.670	18.270	18.270	281.059.020	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Yên Bái	Trung tâm y tế huyện Văn Chấn	15601	Trung tâm y tế huyện Văn Chấn	15601
469	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	15.480	2.520	2.520	2.610	2.610	2.610	2.610	41.037.480	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Yên Bái	Trung tâm Y tế huyện Trấn Yên	15701	Phòng khám đa khoa khu vực Hưng Khánh	15702
470	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	78.210	12.690	12.780	13.140	13.140	13.230	13.230	207.334.710	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Yên Bái	Bệnh viện Đa khoa khu vực Nghĩa Lộ	15901	Bệnh viện Đa khoa khu vực Nghĩa Lộ	15901
471	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	86.850	43.110	43.740	0	0	0	0	230.239.350	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Khánh Hòa	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Khánh Hòa	56195	Phòng khám Chuyên khoa HIV/AIDS	56195

(*: Mỗi đợt tương ứng 03 tháng)

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẮM TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 3: PHẠM VI CUNG CẤP CHI TIẾT THEO TỪNG CƠ SỞ Y TẾ
GÓI THẦU CUNG CẤP THUỐC ARV NĂM 2024-2025 ĐỢT 3

(Ban hành kèm theo Quyết định số 46/QĐ-TTMS ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia)

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc CPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
1	**1**	**AN5**	**Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg**	**Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg**	**50mg, 300mg, 300mg**	**Viên nén bao phim, uống**	**Hộp 1 lọ HDPE 30 viên**	**Nhóm 5**	**24 tháng**	**890110445523**	**Hetero Labs Limited**	**Ấn Độ**	**Viên**	**2.651**	**2.297.420**	**353.360**	**371.090**	**422.275**	**368.955**	**385.075**	**397.565**	**6.090.460.420**	**NSNN**	**Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức**					
1	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.560	240	360	180	180	240	360	4.135.560	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	Trung tâm y tế thành phố Long Xuyên	89001	Trung tâm y tế thành phố Long Xuyên	89001
2	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	810	90	270	90	0	90	270	2.147.310	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	Trung tâm y tế huyện An Phú	89003	Trung tâm y tế huyện An Phú	89003
3	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.260	150	450	60	0	150	450	3.340.260	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	Bệnh viện đa khoa khu vực Tân Châu	89004	Bệnh viện đa khoa khu vực Tân Châu	89004
4	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	270	30	90	0	0	30	120	715.770	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	TTYT huyện Phú Tân	89005	TTYT huyện Phú Tân	89005
5	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.610	450	450	360	450	450	450	6.919.110	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	Trung tâm y tế thị xã Tịnh Biên	89006	Trung tâm y tế thị xã Tịnh Biên	89006
6	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	12.060	1.950	2.250	1.860	1.800	1.950	2.250	31.971.060	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	Trung tâm y tế huyện Châu Phú	89008	Trung tâm y tế huyện Châu Phú	89008
7	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	390	60	180	30	0	30	90	1.033.890	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	Trung tâm y tế huyện Chợ Mới	89009	Trung tâm y tế huyện Chợ Mới	89009
8	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	26.880	4.470	4.500	4.410	4.500	4.500	4.500	71.258.880	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	Trung tâm y tế huyện Thoại Sơn	89011	Trung tâm y tế huyện Thoại Sơn	89011
9	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	6.360	840	2.160	180	180	840	2.160	16.860.360	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	Bệnh viện Sản Nhi	89185	Bệnh viện Sản Nhi	89185
10	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	150	30	30	0	30	30	30	397.650	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bà Rịa - Vũng Tàu	Bệnh viện Vũng Tàu	77001	Bệnh viện Vũng Tàu	77001
11	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	3.960	540	720	540	720	720	720	10.497.960	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bà Rịa - Vũng Tàu	Bệnh viện Bà Rịa	77003	Bệnh viện Bà Rịa	77003

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
12	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	3.360	600	900	690	270	360	540	8.907.360	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trung tâm y tế Thành phố Vũng Tàu	77004	Trung tâm y tế Thành phố Vũng Tàu	77004
13	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	6.390	810	1.440	870	630	1.020	1.620	16.939.890	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trung tâm Y tế huyện Long Điền	77005	Trung tâm Y tế huyện Long Điền	77005
14	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.530	270	270	450	180	180	180	4.056.030	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trung tâm y tế huyện Xuyên Mộc	77006	Trung tâm y tế huyện Xuyên Mộc	77006
15	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	22.770	3.450	3.600	3.900	3.930	3.930	3.960	60.363.270	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trung tâm y tế thị xã Phú Mỹ	77007	Trung tâm y tế thị xã Phú Mỹ	77007
16	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	45.330	8.040	6.300	6.000	6.660	11.580	6.750	120.169.830	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trại giam Xuyên Mộc	77008	Trại giam Xuyên Mộc	77008
17	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	60	0	30	0	0	0	30	159.060	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Ninh	Trung tâm y tế huyện Gia Bình	27006	TTYT Huyện Gia Bình	27006
18	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	6.120	900	900	1.080	1.080	1.080	1.080	16.224.120	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Ninh	Trung tâm y tế Thị Xã Quế Võ	27008	TTYT Thị Xã Quế Võ	27008
19	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	150	0	0	150	0	0	0	397.650	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Ninh	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Ninh	27009	BVĐK Tỉnh Bắc Ninh	27009
20	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	90	0	0	0	90	0	0	238.590	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Ninh	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Ninh	27025	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Ninh	27025
21	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	3.240	540	540	540	540	540	540	8.589.240	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bến Tre	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	83009	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	83009
22	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	27.690	4.290	4.500	7.920	3.750	3.630	3.600	73.406.190	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bến Tre	Trại Giam Châu Bình		Trại Giam Châu Bình	
23	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	840	90	180	150	60	90	270	2.226.840	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương	74001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương	74001
24	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	30	0	0	30	0	0	0	79.530	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	Trung tâm y tế TP Thủ Dầu Một	74008	Phòng khám đa khoa - Nhà hộ sinh thuộc Trung tâm y tế thành phố Thủ Dầu Một	74008

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
25	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	240	0	0	0	0	60	180	636.240	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Dĩ An	74028	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Dĩ An	74028
26	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	300	0	0	150	150	0	0	795.300	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	Trung tâm Y tế Thành Phố Thuận An	74039	Trung tâm Y tế Thành Phố Thuận An	74039
27	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	150	0	0	150	0	0	0	397.650	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	Trung Tâm Y Tế Thị Xã Bến Cát	74050	Trung tâm y tế thị xã Bến Cát	74050
28	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	90	0	0	90	0	0	0	238.590	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	Trung Tâm Y Tế Thành phố Tân Uyên	74066	Trung tâm Y tế thành phố Tân Uyên	74066
29	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	5.250	1.050	1.080	600	750	870	900	13.917.750	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	Trung tâm y tế Huyện Phú Giáo	74089	Trung Tâm Y Tế Huyện Phú Giáo	74089
30	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	30	0	0	30	0	0	0	79.530	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	TTYT Huyện Dầu Tiếng	74102	TTYT Huyện Dầu Tiếng	74102
31	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	60	0	0	0	60	0	0	159.060	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	Trung tâm Y tế huyện Bắc Tân Uyên	74201	Trung tâm Y tế huyện Bắc Tân Uyên	74201
32	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	180	30	90	0	60	0	0	477.180	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	Trung tâm y tế huyện Bàu Bàng	74202	Trung tâm y tế huyện Bàu Bàng	74202
33	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	36.360	6.300	6.300	6.030	6.000	5.880	5.850	96.390.360	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	Trại giam An Phước		Trại giam An Phước	
34	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	20.190	3.000	3.150	3.300	3.450	3.600	3.690	53.523.690	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	Trại giam Phú Hòa		Trại giam Phú Hòa	
35	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	9.270	1.440	1.440	1.800	1.530	1.530	1.530	24.574.770	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Định	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định	52001	BVĐK tỉnh Bình Định	52001
36	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	3.180	540	540	240	600	630	630	8.430.180	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cao Bằng	TTYT Thành Phố Cao Bằng	04001	TTYT Thành Phố Cao Bằng	04001
37	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	12.310	2.150	2.420	1.290	2.010	2.170	2.270	32.633.810	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cao Bằng	Bệnh viện đa khoa tỉnh Cao Bằng	04014	BVĐK tỉnh Cao Bằng	04014

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
38	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120	30	30	30	0	0	30	318.120	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cần Thơ	Bệnh viện Quân Y 121	92002	Bệnh viện Quân Y 121	92002
39	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	150	30	30	0	30	30	30	397.650	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cần Thơ	Bệnh viện Nhi Đồng thành phố Cần Thơ	92003	Bệnh viện Nhi Đồng thành phố Cần Thơ	92003
40	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	3.240	540	540	540	540	540	540	8.589.240	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cần Thơ	Bệnh Viện Đa Khoa Thành Phố Cần Thơ	92004	Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ	92004
41	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	210	30	60	0	30	30	60	556.710	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cần Thơ	TTYT Quận Bình Thủy	92005	Trung tâm Y tế quận Bình Thủy	92005
42	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	9.240	1.290	1.350	1.470	1.590	1.740	1.800	24.495.240	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cần Thơ	Trung tâm Y tế quận Cái Răng	92006	Trung tâm Y tế quận Cái Răng	92006
43	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	180	30	30	30	30	30	30	477.180	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cần Thơ	Bệnh viện đa khoa quận Ô Môn	92007	Bệnh viện đa khoa quận Ô Môn	92007
44	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	450	90	90	30	60	60	120	1.192.950	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cần Thơ	Bệnh Viện Đa Khoa Quận Thốt Nốt	92010	Bệnh viện Đa Khoa quận Thốt Nốt	92010
45	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	540	90	180	0	0	90	180	1.431.540	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đà Nẵng	Trung tâm Y tế quận Thanh Khê	48004	Trung tâm Y tế quận Thanh Khê	48004
46	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.080	360	360	90	90	90	90	2.863.080	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đà Nẵng	Bệnh viện Da Liễu thành phố Đà Nẵng	48013	Bệnh viện Da Liễu thành phố Đà Nẵng	48013
47	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.740	90	90	480	360	360	360	4.612.740	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đà Nẵng	Bệnh viện Da Liễu thành phố Đà Nẵng	48013	Bệnh viện Da Liễu thành phố Đà Nẵng	48013
48	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.610	300	900	60	90	360	900	6.919.110	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đà Nẵng	BV Phụ sản - Nhi Đà Nẵng	48124	BV Phụ sản - Nhi Đà Nẵng	48124
49	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	480	60	180	0	0	60	180	1.272.480	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đà Nẵng	Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang	48128	Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang	48128
50	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	660	90	150	90	120	60	150	1.749.660	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đà Nẵng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đà Nẵng	48492	Trung tâm kiểm soát bệnh tật Tp. Đà Nẵng	48492

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
51	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	82.770	12.300	12.870	13.950	14.370	14.610	14.670	219.423.270	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đắk Lắk	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Lắk	66242	Phòng khám chuyên khoa HIV/AIDS	66242
52	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.620	360	360	360	180	180	180	4.294.620	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đắk Nông	Trung tâm Y tế huyện Đắk Glong	67001	Trung tâm Y tế H.Đắk Glong	67001
53	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.320	210	270	180	180	210	270	3.499.320	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đắk Nông	Trung tâm Y tế huyện Krông Nô	67009	Trung tâm Y tế H.Krông Nô	67009
54	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.230	210	270	90	180	210	270	3.260.730	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đắk Nông	Trung tâm Y tế huyện Cư Jút	67011	Trung tâm Y tế H.Cư Jút	67011
55	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	9.180	900	900	2.160	1.620	1.800	1.800	24.336.180	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đắk Nông	Trung tâm y tế huyện Đắk Mil	67012	Trung tâm Y tế H.Đắk Mil	67012
56	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.220	360	360	420	360	360	360	5.885.220	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đắk Nông	Trung tâm Y tế huyện Đắk R'lấp	67014	Trung tâm Y tế H.Đắk R'Lấp	67014
57	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.440	180	180	270	270	270	270	3.817.440	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đắk Nông	Trung tâm Y tế huyện Tuy Đức	67074	Trung tâm Y tế H.Tuy Đức	67074
58	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	4.380	720	720	870	630	720	720	11.611.380	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đắk Nông	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông	67093	Phòng khám Đa Khoa - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông	67093
59	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	12.870	1.710	1.800	3.540	1.890	1.950	1.980	34.118.370	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đắk Nông	Trại giam Đắk Plao		Trại giam Đắk Plao	
60	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	540	90	90	90	90	90	90	1.431.540	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Nai	Bệnh Viện Đa Khoa Đồng Nai	75001	Bệnh Viện Đa Khoa Đồng Nai	75001
61	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	540	90	90	90	90	90	90	1.431.540	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Nai	Bệnh Viện Đa Khoa Thống Nhất	75002	Bệnh Viện Đa Khoa Thống Nhất	75002
62	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	360	60	90	30	60	30	90	954.360	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Nai	Trung Tâm Y Tế Huyện Xuân Lộc	75013	Trung tâm y tế Huyện Xuân Lộc	75013
63	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	480	90	90	60	60	90	90	1.272.480	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Nai	Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai	75022	Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai	75022

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
64	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	540	90	90	90	90	90	90	1.431.540	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Nai	Bệnh Viện Da Liễu Tỉnh Đồng Nai	75234	Bệnh Viện Da Liễu Tỉnh Đồng Nai	75234
65	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	3.510	540	630	570	570	570	630	9.305.010	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Nai	Trung tâm Y tế huyện Long Thành	75299	Phòng khám đa khoa - Trung tâm y tế huyện Long Thành	75299
66	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	330	60	30	60	30	60	90	874.830	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Nai	Trung Tâm Y Tế Thành phố Long Khánh	75303	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS thuộc Trung Tâm Y Tế Thành phố Long Khánh	75303
67	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	540	90	90	90	90	90	90	1.431.540	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Nai	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai	75308	Phòng khám chuyên khoa HIV/AIDS thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai	75308
68	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	70.200	11.700	11.700	11.700	11.700	11.700	11.700	186.100.200	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Nai	Trại Giam Xuân Lộc		Trại Giam Xuân Lộc	
69	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.530	360	450	180	180	180	180	4.056.030	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Tháp	Trung tâm y tế huyện Tam Nông	87004	Trung tâm y tế huyện Tam Nông	87004
70	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.340	270	270	720	360	360	360	6.203.340	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Tháp	Trung tâm y tế huyện Lấp Vò	87005	Trung tâm y tế huyện Lấp Vò	87005
71	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	900	180	180	0	180	180	180	2.385.900	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Tháp	Trung tâm Y tế tế huyện Thanh Bình	87010	Trung tâm y tế Huyện Thanh Bình	87010
72	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	23.220	3.600	4.320	3.330	3.330	3.870	4.770	61.550.220	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Tháp	Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	87012	Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	87012
73	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	3.270	720	900	390	360	450	450	8.668.770	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Tháp	BVĐK Sa Đéc	87014	BVĐK Sa Đéc	87014
74	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	3.390	900	900	330	360	450	450	8.986.890	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Tháp	Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự	87015	Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự	87015
75	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	5.220	270	270	1.590	960	1.050	1.080	13.838.220	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Tháp	Trung tâm y tế huyện Tháp Mười	87183	Trung tâm y tế huyện Tháp Mười	87183
76	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	9.210	1.170	1.170	2.550	1.440	1.440	1.440	24.415.710	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Giang	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Giang	02001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Giang	02001

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
77	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	6.510	720	720	1.830	1.080	1.080	1.080	17.258.010	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Giang	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	02004	Bệnh Viện đa khoa khu vực Bắc Quang	02004
78	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	540	90	90	90	90	90	90	1.431.540	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Giang	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	02005	BVĐK Vị Xuyên	02005
79	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	180	90	90	0	0	0	0	477.180	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Giang	Bệnh viện đa khoa huyện bắc mê	02008	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Bắc Mê	02008
80	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	540	90	90	90	90	90	90	1.431.540	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Giang	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	02010	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	02010
81	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	90	0	30	30	0	0	30	238.590	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Giang	BVĐK huyện Mèo Vạc	02012	BVĐK huyện Mèo Vạc	02012
82	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.080	180	180	180	180	180	180	2.863.080	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Giang	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Quang Bình	02013	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Quang Bình	02013
83	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	94.470	14.850	15.120	15.870	15.900	16.260	16.470	250.439.970	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nam	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	35155	Khoa PC HIV - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	
84	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	27.510	4.680	4.530	4.560	4.530	4.680	4.530	72.929.010	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Tĩnh	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Tĩnh	42315	Phòng khám, Điều trị HIV/AIDS CDC Hà Tĩnh	42315
85	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	28.500	4.560	4.590	4.530	4.800	4.980	5.040	75.553.500	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Dương	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới tỉnh Hải Dương	30341	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới tỉnh Hải Dương	30341
86	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	86.670	12.570	12.600	21.450	13.140	13.410	13.500	229.762.170	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Dương	Trại giam Hoàng Tiến		Trại giam Hoàng Tiến	
87	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	17.100	2.610	3.330	1.770	2.550	3.060	3.780	45.332.100	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hòa Bình	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hòa Bình	17001	Bệnh Viện đa khoa tỉnh Hòa Bình	17001
88	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	6.240	870	900	1.770	900	900	900	16.542.240	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hòa Bình	Trung tâm Y tế huyện Mai Châu	17008	Trung tâm Y tế huyện Mai Châu	17008
89	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	11.010	1.530	1.530	3.090	1.620	1.620	1.620	29.187.510	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hòa Bình	Trung tâm y tế huyện Lạc sơn	17010	Trung tâm y tế huyện Lạc Sơn	17010

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
90	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	870	180	180	180	90	90	150	2.306.370	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hòa Bình	Trung tâm y tế huyện Kim Bôi	17012	Trung tâm y tế huyện Kim Bôi	17012
91	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.080	180	180	180	180	180	180	2.863.080	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Nhân dân Gia Định	79030	BVND Gia Định	79030
92	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.890	270	270	270	360	360	360	5.010.390	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Quân y 175	79034	Bệnh viện Quân y 175	79034
93	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	5.820	810	810	1.500	900	900	900	15.428.820	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	BỆNH VIỆN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC	79037	BỆNH VIỆN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC	79037
94	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	630	90	90	180	90	90	90	1.670.130	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Bệnh Viện ĐKKV Củ Chi	79039	BVĐKKV Củ Chi	79039
95	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	18.000	2.700	2.700	4.500	2.700	2.700	2.700	47.718.000	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	79394	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	79394
96	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.010	360	330	300	330	360	330	5.328.510	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Hùng Vương	79400	BV Hùng Vương	79400
97	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	240	30	60	30	30	30	60	636.240	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Nhi đồng 1	79405	Bệnh viện Nhi đồng 1	79405
98	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	180	0	0	30	30	60	60	477.180	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Nhi Đồng 2	79408	Bệnh viện Nhi Đồng 2	79408
99	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.800	360	360	90	270	360	360	4.771.800	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	BV Từ Dũ	79414	BV Từ Dũ	79414
100	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	540	90	90	90	90	90	90	1.431.540	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	79499	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	79499
101	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	9.930	1.530	1.530	2.550	1.440	1.440	1.440	26.324.430	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN 8	79582	PHÒNG KHÁM ĐA KHOA THUỘC TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN 8	79581
102	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.850	450	630	240	390	510	630	7.555.350	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Thành Phố Thủ Đức	79583	Trung tâm Y tế Thành Phố Thủ Đức	79583

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
103	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	600	300	300	0	0	0	0	1.590.600	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Quận 7	79590	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Y tế Quận 7	79584
104	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	5.460	780	1.800	180	180	720	1.800	14.474.460	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y Tế quận Bình Tân	79996	Trung tâm Y Tế quận Bình Tân - Cơ sở 3	79586
105	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	3.660	690	720	630	540	540	540	9.702.660	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế quận 10	79027	Trung tâm Y tế Quận 10 - Cơ sở 2	79591
106	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	6.210	1.200	570	1.200	1.200	1.200	840	16.462.710	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y tế Quận 11	79596	Phòng khám Đa khoa (Thuộc Trung Tâm Y Tế Quận 11)	79594
107	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	6.150	900	900	1.080	1.080	1.080	1.110	16.303.650	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN 3	79009	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN 3 - CƠ SỞ 4	79600
108	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.710	270	270	150	150	330	540	4.533.210	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Huyện Bình Chánh	79604	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Y tế Huyện Bình Chánh	79603
109	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	6.270	870	900	1.800	900	900	900	16.621.770	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Thành Phố Thủ Đức	79583	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Thủ Đức	79607
110	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	6.270	960	990	1.440	900	990	990	16.621.770	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế huyện Hóc Môn	79640	Trung tâm Y tế huyện Hóc Môn - Cơ sở 2	79609
111	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	570	90	90	120	90	90	90	1.511.070	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Quận 12	79612	Trung tâm Y tế Quận 12	79612
112	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	12.000	1.860	2.250	1.950	1.950	1.950	2.040	31.812.000	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Quận 5	79015	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm Y tế Quận 5	79613
113	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	3.000	450	450	750	450	450	450	7.953.000	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế huyện Củ Chi	79728	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS (Thuộc Trung Tâm Y tế huyện Củ Chi)	79617
114	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	3.930	720	810	960	540	450	450	10.418.430	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Quận 1	79610	Trung tâm Y tế Quận 1 - Cơ sở 2	79651
115	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.020	120	150	180	180	180	210	2.704.020	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Thành Phố Thủ Đức	79583	Trung tâm Y tế Thành Phố Thủ Đức - Cơ sở 2	79652

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
116	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	3.030	870	900	570	300	210	180	8.032.530	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Quận Gò Vấp	79580	Trung tâm Y tế Quận Gò Vấp - Cơ sở 2 (Phòng khám chuyên khoa Nội tổng hợp)	79653
117	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	6.690	1.230	1.440	1.350	900	870	900	17.735.190	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung Tâm y tế Quận Bình Thạnh	79579	Trung Tâm Y Tế quận Bình Thạnh - Cơ sở 2	79655
118	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.820	360	360	750	450	450	450	7.475.820	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y Tế Quận Phú Nhuận	79587	Trung tâm y tế Quận Phú Nhuận - Cơ sở 2	79656
119	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	4.500	900	0	900	900	900	900	11.929.500	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Quận 6	79599	Trung tâm Y tế Quận 6 - Cơ Sở 2	79657
120	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.080	90	90	225	225	225	225	2.863.080	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y tế Quận 4	79602	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN 4-CƠ SỞ 3	79662
121	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	8.280	1.200	1.350	1.350	1.350	1.350	1.680	21.950.280	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Quận Tân Bình	79574	Trung tâm y tế Quận Tân Bình - Cơ sở 2	79663
122	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	6.840	960	1.080	1.830	930	960	1.080	18.132.840	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Quận Tân Phú	79577	Trung tâm Y tế Quận Tân Phú- Cơ sở 2	79664
123	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	9.870	1.470	1.530	1.920	1.440	1.710	1.800	26.165.370	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Công an Thành phố Hồ Chí Minh		Trại tạm giam Chí Hòa	
124	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	263.370	36.210	36.270	47.700	47.700	47.700	47.790	698.193.870	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	BV Nhân Ái		BV Nhân Ái	
125	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	600	90	90	150	90	90	90	1.590.600	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang	91001	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang	91001
126	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	330	60	90	30	0	60	90	874.830	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên	91002	Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên	91002
127	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	300	30	90	30	30	30	90	795.300	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Trung tâm Y tế huyện Tân Hiệp	91004	Trung tâm Y tế huyện Tân Hiệp	91004
128	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120	0	30	30	30	0	30	318.120	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng	91006	Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng	91006

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
129	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	390	60	90	90	0	60	90	1.033.890	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Trung Tâm Y Tế Huyện Gò Quao	91007	Trung Tâm Y Tế Huyện Gò Quao	91007
130	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	330	60	90	30	0	60	90	874.830	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Trung Tâm Y Tế Huyện An Minh	91009	Trung Tâm Y tế huyện An Minh	91009
131	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	600	60	180	120	0	60	180	1.590.600	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thuận	91010	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thuận	91010
132	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	360	0	0	90	90	90	90	954.360	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Trung tâm Y tế Thành phố Phú Quốc	91011	Trung tâm Y tế Thành phố Phú Quốc	91011
133	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	270	0	0	90	30	60	90	715.770	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Trung tâm Y Tế Kiên Lương	91013	Trung tâm y tế huyện Kiên Lương	91013
134	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	27.570	4.470	4.680	4.650	4.590	4.590	4.590	73.088.070	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Trung tâm y tế Tp Rạch Giá Kiên Giang	91101	Trung tâm Y tế Tp Rạch Giá Kiên Giang	91101
135	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.740	330	270	270	270	330	270	4.612.740	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Bệnh viện Sản Nhi Kiên Giang	91917	Bệnh viện Sản Nhi Kiên Giang	91917
136	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.320	180	450	60	0	180	450	3.499.320	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lai Châu	Trung tâm Y tế huyện Tam Đường	12001	Trung tâm Y tế huyện Tam Đường	12001
137	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.350	150	450	150	0	150	450	3.578.850	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lai Châu	TTYT huyện Phong Thổ	12013	TTYT huyện Phong Thổ	12013
138	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.890	210	630	210	0	210	630	5.010.390	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lai Châu	TTYT huyện Sìn Hồ	12014	TTYT huyện Sìn Hồ	12014
139	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.200	150	450	120	0	120	360	3.181.200	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lai Châu	TTYT huyện Mường Tè	12015	TTYT huyện Mường Tè	12015
140	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	570	60	180	30	30	90	180	1.511.070	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lai Châu	TTYT huyện Than Uyên	12016	TTYT huyện Than Uyên	12016
141	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	420	30	90	60	0	60	180	1.113.420	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lai Châu	Trung tâm y tế huyện Tân Uyên	26065	TTYT huyện Tân Uyên	12101

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
142	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	690	60	180	90	0	90	270	1.829.190	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lai Châu	TTYT huyện Nậm Nhùn		TTYT huyện Nậm Nhùn	
143	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.100	150	450	300	0	300	900	5.567.100	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lai Châu	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lai Châu	12143	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Lai Châu	12143
144	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	7.290	1.170	1.800	600	750	1.170	1.800	19.325.790	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lào Cai	Bệnh viện đa khoa huyện Bảo Thắng	10003	Bệnh viện đa khoa huyện Bảo Thắng	10003
145	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	3.720	600	900	360	360	600	900	9.861.720	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lào Cai	Bệnh viện đa khoa huyện Bảo Yên	10004	Bệnh viện đa khoa huyện Bảo Yên	10004
146	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	3.180	510	810	270	270	510	810	8.430.180	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lào Cai	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Bát Xát - Tỉnh Lào Cai	10007	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Bát Xát - Tỉnh Lào Cai	10007
147	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	8.550	1.440	1.800	960	1.110	1.440	1.800	22.666.050	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lào Cai	Bệnh viện đa khoa huyện Văn Bàn	10008	Bệnh viện đa khoa huyện Văn Bàn	10008
148	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.490	420	720	180	270	360	540	6.600.990	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lào Cai	Bệnh Viện Đa Khoa Thị xã Sa Pa	10009	Bệnh Viện Đa Khoa Thị xã Sa Pa	10009
149	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	6.600	1.200	1.200	900	900	1.200	1.200	17.496.600	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lào Cai	Bệnh viện ĐK tỉnh Lào Cai	10061	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lào Cai	10061
150	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	3.840	510	540	630	720	720	720	10.179.840	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lâm Đồng	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng	68001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng	68001
151	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	5.280	870	900	810	900	900	900	13.997.280	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lâm Đồng	Trung tâm y tế huyện Đức Trọng	68440	Trung Tâm Y Tế Huyện Đức Trọng	68440
152	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	4.560	600	630	720	810	900	900	12.088.560	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lâm Đồng	BV II Lâm Đồng	68650	BV II Lâm Đồng	68650
153	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	19.110	3.000	3.150	3.090	3.240	3.300	3.330	50.660.610	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lâm Đồng	Trại Giam Đại Bình		Trại giam Đại Bình	
154	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	540	90	90	90	90	90	90	1.431.540	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nam Định	Trung tâm y tế huyện Trực Ninh	36011	Trung tâm y tế huyện Trực Ninh	36011

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
155	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.740	300	360	180	270	270	360	4.612.740	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nam Định	Bệnh viện đa khoa huyện Hải Hậu	36017	Bệnh viện đa khoa huyện Hải Hậu	36017
156	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	4.800	750	810	810	810	810	810	12.724.800	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nam Định	Trung tâm y tế huyện Xuân Trường	36022	Trung tâm y tế huyện Xuân Trường	36022
157	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.230	210	270	120	180	180	270	3.260.730	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nam Định	Trung tâm y tế huyện Giao Thủy	36025	Trung tâm y tế huyện Giao Thủy	36025
158	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.800	330	450	270	270	270	210	4.771.800	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nam Định	Trung tâm y tế huyện Nghĩa Hưng	36028	Trung tâm y tế huyện Nghĩa Hưng	36028
159	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.200	180	300	60	180	180	300	3.181.200	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nam Định	Trung tâm Y tế huyện Ý Yên	36032	Trung tâm Y tế huyện Ý Yên	36032
160	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	210	0	0	120	90	0	0	556.710	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nam Định	Bệnh viện Phụ sản tỉnh	36044	Bệnh viện Phụ sản tỉnh	36044
161	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	5.220	780	1.320	450	750	750	1.170	13.838.220	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nam Định	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nam Định	36060	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nam Định	36060
162	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	133.350	19.500	20.700	26.520	21.780	22.350	22.500	353.510.850	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Ninh Bình	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	37094	Phòng khám Chuyên khoa HIV/AIDS và điều trị nghiện chất	37094
163	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	15.060	2.220	2.280	2.400	2.550	2.730	2.880	39.924.060	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Ninh Bình	Trung tâm y tế thành phố Tam Điệp	37201	Trung tâm y tế Thành phố Tam Điệp	37201
164	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	30	0	0	0	30	0	0	79.530	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Ninh Bình	Trung tâm y tế huyện Gia Viễn	37401	Trung tâm y tế huyện Gia Viễn	37401
165	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	60	0	0	0	60	0	0	159.060	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Ninh Bình	Trung tâm y tế huyện Hoa Lư	37501	Trung tâm y tế huyện Hoa Lư	37501
166	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120	30	0	0	60	30	0	318.120	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Ninh Bình	Bệnh viện đa khoa huyện Kim Sơn	37701	Bệnh viện đa khoa huyện Kim Sơn	37701
167	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	30	0	0	0	30	0	0	79.530	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Ninh Bình	Trung tâm y tế huyện Yên Khánh	37801	Trung tâm y tế huyện Yên Khánh	37801

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
168	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	23.700	3.690	3.960	3.810	3.930	4.080	4.230	62.828.700	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Phú Yên	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Phú Yên	54117	Trại giam Xuân Phước	
169	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	3.480	270	270	1.350	900	420	270	9.225.480	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Quảng Ngãi	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi	51224	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS	51224
170	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 30mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	22.560	3.810	3.870	3.540	3.660	3.810	3.870	59.806.560	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Quảng Trị	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Trị	45092	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Trị	45092
171	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.700	450	450	450	450	450	450	7.157.700	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng	94001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng	94001
172	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.700	450	450	450	450	450	450	7.157.700	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm Y tế huyện Mỹ Xuyên	94002	Trung tâm Y tế huyện Mỹ Xuyên	94002
173	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.700	450	450	450	450	450	450	7.157.700	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm Y tế huyện Mỹ Tú	94003	Trung tâm Y tế huyện Mỹ Tú	94003
174	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	300	0	0	180	90	30	0	795.300	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm Y tế huyện Long Phú	94004	Trung tâm Y tế huyện Long Phú	94004
175	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.080	180	180	180	180	180	180	2.863.080	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm y tế huyện Kế Sách	94005	Trung tâm Y tế huyện Kế Sách	94005
176	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.080	180	180	180	180	180	180	2.863.080	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm Y tế huyện Thạnh Trị	94006	Trung tâm Y tế huyện Thạnh Trị	94006
177	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.700	450	450	450	450	450	450	7.157.700	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm Y tế thị xã Vĩnh Châu	94007	Trung tâm Y tế thị xã Vĩnh Châu	94007
178	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.700	450	450	450	450	450	450	7.157.700	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm Y tế huyện Cù Lao Dung	94008	Trung tâm Y tế huyện Cù Lao Dung	94008
179	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.700	450	450	450	450	450	450	7.157.700	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm Y tế Thị xã Ngã Năm	94010	Trung tâm Y tế Thị xã Ngã Năm	94010
180	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.700	450	450	450	450	450	450	7.157.700	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	TTYT Châu Thành	94018	Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	94018

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
181	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.700	450	450	450	450	450	450	7.157.700	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm Y tế huyện Trần Đề	94020	Trung tâm Y tế huyện Trần Đề	94020
182	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.080	180	180	180	180	180	180	2.863.080	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	BV Chuyên khoa Sản Nhi tỉnh Sóc Trăng	94029	BV Chuyên khoa Sản Nhi tỉnh Sóc Trăng	94029
183	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.700	450	450	450	450	450	450	7.157.700	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm Y tế thành phố Sóc Trăng	94030	Trung tâm Y tế thành phố Sóc Trăng	94030
184	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	8.580	1.290	1.350	1.980	1.260	1.350	1.350	22.745.580	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Sóc Trăng	94941	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Sóc Trăng	94941
185	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.620	450	450	370	450	450	450	6.945.620	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Tiền Giang	TTKSBT tỉnh Tiền Giang	82215	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Tiền Giang	82215
186	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	21.030	3.510	3.600	3.300	3.450	3.570	3.600	55.750.530	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Tiền Giang	Trại giam Mỹ Phước (thuộc Tổng cục 8 - Bộ Công an)		Trại giam Mỹ Phước (thuộc Tổng cục 8 - Bộ Công an)	
187	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	26.460	4.440	4.500	4.200	4.350	4.470	4.500	70.145.460	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Tiền Giang	Trại giam Phước Hòa (thuộc Tổng cục 8 – Bộ Công an)		Trại giam Phước Hòa (thuộc Tổng cục 8 – Bộ Công an)	
188	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.770	240	540	0	210	240	540	4.692.270	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình	34001	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình	34001
189	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.760	450	450	600	360	450	450	7.316.760	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện đa khoa Thành phố Thái bình	34002	Bệnh viện Đa khoa Thành Phố Thái Bình	34002
190	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.340	450	450	420	210	360	450	6.203.340	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện Đa khoa huyện vũ thư	34003	Bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Thư	34003
191	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	990	180	180	90	180	180	180	2.624.490	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện Đa khoa huyện kiến xương	34004	Bệnh viện Đa khoa huyện Kiến Xương	34004
192	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.920	390	450	180	150	300	450	5.089.920	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện Đa khoa huyện Tiền Hải	34005	Bệnh viện Đa khoa huyện Tiền Hải	34005
193	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	4.200	810	810	630	570	630	750	11.134.200	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện đa khoa huyện Đông Hưng	34006	Bệnh viện Đa khoa huyện Đông Hưng	34006

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
194	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.710	210	270	150	120	420	540	4.533.210	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Phụ	34007	Bệnh viện Đa khoa huyện Quỳnh Phụ	34007
195	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.230	180	180	330	180	180	180	3.260.730	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện Đa khoa Hưng Hà	34008	Bệnh viện Đa khoa Hưng Hà	34008
196	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	540	90	90	90	90	90	90	1.431.540	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện Đa khoa Thái Thụy	34009	Bệnh viện Đa khoa Thái Thụy	34009
197	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	240	30	60	0	60	30	60	636.240	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện Phụ sản Thái Bình	34017	BV Phụ sản tỉnh	34017
198	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	960	180	270	30	0	210	270	2.544.960	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện Nhi tỉnh	34321	Bệnh viện Nhi tỉnh	34321
199	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	16.080	2.580	2.700	2.700	2.700	2.700	2.700	42.628.080	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Nguyên	Trung tâm y tế thành phố Thái Nguyên	19001	Trung tâm y tế thành phố Thái Nguyên	19001
200	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120	30	30	0	0	30	30	318.120	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Nguyên	Trung tâm Y tế Thành phố Sông Công	19002	Trung tâm Y tế Thành phố Sông Công	19002
201	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	330	120	30	30	60	60	30	874.830	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Nguyên	Bệnh viện đa khoa huyện Định Hóa	19003	Bệnh viện đa khoa huyện Định Hóa	19003
202	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	137.610	23.010	23.040	21.780	22.920	23.370	23.490	364.804.110	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Nguyên	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN PHỔ LƯƠNG	19004	TTYT Phú Lương	19004
203	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	9.990	1.740	1.890	780	1.830	1.860	1.890	26.483.490	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Nguyên	Trung tâm Y tế huyện Đồng Hỷ	19005	Trung tâm Y tế huyện Đồng Hỷ	19005
204	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	150	30	30	0	30	30	30	397.650	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Nguyên	Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai	19006	Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai	19006
205	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	5.610	990	1.080	390	900	1.080	1.170	14.872.110	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Nguyên	Bệnh viện Đa khoa huyện Đại Từ	19007	Bệnh viện Đa khoa huyện Đại Từ	19007
206	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	600	0	90	90	180	150	90	1.590.600	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Nguyên	Trung Tâm Y tế thành phố Phổ Yên	19008	Trung tâm Y tế Thành phố Phổ Yên	19008

STT	STT trong 10NMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
207	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	360	0	90	0	90	90	90	954.360	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Nguyên	Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Bình	19009	Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Bình	19009
208	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	3.630	390	540	540	720	720	720	9.623.130	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Nguyên	Bệnh viện A Thái Nguyên	19012	Bệnh viện A Thái Nguyên	19012
209	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	240	0	90	90	0	0	60	636.240	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện Đa khoa thành phố Thanh Hoá	38010	Bệnh viện Đa khoa thành phố Thanh Hoá	38010
210	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	180	0	90	60	0	0	30	477.180	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa Thị Xã Bỉm Sơn	38020	Bệnh viện đa khoa Thị Xã Bỉm Sơn	38020
211	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	150	0	60	30	0	0	60	397.650	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa thành phố Sầm Sơn	38030	Bệnh viện đa khoa thành phố Sầm Sơn	38030
212	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	150	0	30	90	0	0	30	397.650	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN QUAN HÓA	38040	BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN QUAN HÓA	38040
213	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120	0	30	60	0	0	30	318.120	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa Huyện Bá Thước	38050	Bệnh viện đa khoa Huyện Bá Thước	38050
214	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	180	0	60	60	0	0	60	477.180	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa huyện Thường Xuân	38060	Bệnh viện đa khoa huyện Thường Xuân	38060
215	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120	0	30	60	0	0	30	318.120	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện Đa khoa Huyện Như Xuân	38070	Bệnh viện Đa khoa Huyện Như Xuân	38070
216	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120	0	30	60	0	0	30	318.120	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Lang Chánh	38080	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Lang Chánh	38080
217	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	150	0	30	90	0	0	30	397.650	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc	38090	Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc	38090
218	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120	0	30	60	0	0	30	318.120	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Thủy	38100	Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Thủy	38100
219	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	150	0	60	30	0	0	60	397.650	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành	38110	Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành	38110

ducdt.ttms_Dau Thanh Duc_15/08/2024 17:27:55

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
220	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120	0	30	60	0	0	30	318.120	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa Huyện Thọ Xuân	38120	Bệnh viện đa khoa Huyện Thọ Xuân	38120
221	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120	0	30	60	0	0	30	318.120	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn	38150	Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn	38150
222	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120	0	30	60	0	0	30	318.120	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa Huyện Nông cống tỉnh Thanh Hóa	38160	Bệnh viện đa khoa Huyện Nông Cống	38160
223	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120	0	30	60	0	0	30	318.120	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa Huyện Đông Sơn	38170	Bệnh viện đa khoa Huyện Đông Sơn	38170
224	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120	0	30	60	0	0	30	318.120	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện Đa khoa huyện Hà Trung	38180	Bệnh viện Đa khoa huyện Hà Trung	38180
225	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120	0	30	60	0	0	30	318.120	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa Huyện Hoằng Hóa	38190	Bệnh viện đa khoa Huyện Hoằng Hóa	38190
226	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120	0	30	60	0	0	30	318.120	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa huyện Nga Sơn	38200	Bệnh viện đa khoa huyện Nga Sơn	38200
227	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120	0	30	60	0	0	30	318.120	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa huyện Hậu Lộc	38210	Bệnh viện đa khoa huyện Hậu Lộc	38210
228	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120	0	30	60	0	0	30	318.120	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Quảng Xương	38220	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Quảng Xương	38220
229	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120	0	30	60	0	0	30	318.120	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa khu vực Nghi Sơn	38230	Bệnh viện đa khoa khu vực Nghi Sơn	38230
230	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120	0	30	60	0	0	30	318.120	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện Đa khoa huyện Như Thanh	38250	Bệnh viện Đa khoa huyện Như Thanh	38250
231	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	150	0	30	90	0	0	30	397.650	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa huyện Mường Lát	38270	Bệnh viện đa khoa huyện Mường Lát	38270
232	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	44.160	6.450	6.750	9.450	7.110	7.200	7.200	117.068.160	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa	38741	Phòng khám và điều trị HIV/AIDS thuộc trung tâm kiểm soát bệnh tật Thanh Hoá	38741

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
233	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	92.250	14.100	14.400	19.380	14.700	14.820	14.850	244.554.750	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Trại giam số 5		Trại giam số 5	
234	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	69.750	10.800	10.800	14.580	11.100	11.220	11.250	184.907.250	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Trại giam Thanh Cẩm		Trại giam Thanh Cẩm	
235	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	126.150	19.650	19.800	26.250	20.250	19.950	20.250	334.423.650	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Trại giam Thanh Lâm		Trại giam Thanh Lâm, thuộc Cục C10	
236	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	128.070	19.800	19.800	26.820	20.340	20.610	20.700	339.513.570	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Trại Giam Thanh Phong		Trại Giam Thanh Phong	
237	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	8.280	1.020	1.080	2.100	1.200	1.260	1.620	21.950.280	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Vĩnh Long	Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Long	86001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Long	86001
238	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	4.650	690	720	1.260	600	660	720	12.327.150	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Vĩnh Long	TTYT TX. Bình Minh	86032	TTYT TX. Bình Minh	86032
239	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.640	600	630	210	300	270	630	6.998.640	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Vĩnh Long	Trung tâm Y tế huyện Tam Bình	86049	Trung tâm Y tế huyện Tam Bình	86049
240	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.770	240	360	360	210	240	360	4.692.270	NSNN	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Vĩnh Long	Trung Tâm Y Tế huyện Trà Ôn	86066	TTYT H. Trà Ôn	86066
II	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	90.745.473	14.755.883	14.999.787	15.506.815	14.926.262	15.044.122	15.521.604	240.566.248.923	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức					
1	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	149.430	20.520	21.510	33.780	22.980	24.990	25.650	396.138.930	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Bệnh viện 09	01243	Bệnh viện 09	01243
2	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	336.990	69.090	70.260	45.660	49.890	50.880	51.210	893.360.490	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bà Rịa - Vũng Tàu	Bệnh viện Bà Rịa	77003	Bệnh viện Bà Rịa	77003
3	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	22.500	4.500	4.500	2.460	3.060	3.690	4.290	59.647.500	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Bệnh viện Bạch Mai	01929	Bệnh viện Bạch Mai	01929
4	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	336.900	51.390	51.660	70.500	53.820	54.630	54.900	893.121.900	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	79394	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	79394

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
5	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	738.810	111.210	111.600	154.560	119.070	120.870	121.500	1.958.585.310	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Dương	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới tỉnh Hải Dương	30341	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới tỉnh Hải Dương	30341
6	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	436.680	51.630	108.150	69.030	68.730	23.190	115.950	1.157.638.680	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hưng Yên	Bệnh viện bệnh nhiệt đới tỉnh Hưng Yên	33913	BV Bệnh nhiệt đới tỉnh Hưng Yên	33913
7	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	234.750	36.000	36.000	48.450	34.740	39.060	40.500	622.322.250	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung Ương	01924	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung Ương	01924
8	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	206.290	39.450	39.780	30.580	30.060	33.120	33.300	546.874.790	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cà Mau	bệnh viện đa khoa cà mau	96001	BVĐK tỉnh Cà Mau	96001
9	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	73.800	11.700	11.700	12.780	12.450	12.570	12.600	195.643.800	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cà Mau	Bệnh viện đa khoa Cái Nước	96019	BVĐK Cái Nước	96019
10	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	18.180	2.970	2.970	3.060	3.060	3.060	3.060	48.195.180	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Phòng	Bệnh viện đa khoa Đồn Lương	31014	Bệnh viện đa khoa Đồn Lương	31014
11	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	383.670	74.970	60.300	62.550	61.740	62.010	62.100	1.017.109.170	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Đống Đa	01004	Bệnh viện đa khoa Đống Đa	01004
12	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	144.540	23.310	23.400	24.030	24.390	24.660	24.750	383.175.540	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Nai	Bệnh Viện Đa Khoa Đồng Nai	75001	Bệnh Viện Đa Khoa Đồng Nai	75001
13	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	463.140	63.570	63.810	132.240	67.320	67.980	68.220	1.227.784.140	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Bệnh Viện Đa Khoa Hà Đông	01816	Bệnh viện đa khoa Hà Đông	01816
14	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	32.580	4.050	4.500	5.580	5.940	6.210	6.300	86.369.580	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	Bệnh viện Đa khoa Hạnh Phúc	89339	BVĐK Hạnh Phúc	89339
15	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	11.880	1.980	1.980	1.980	1.980	1.980	1.980	31.493.880	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Giang	bệnh viện đa khoa hoàng su phì	02006	BVĐK KV. Hoàng Su Phì	02006
16	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	107.820	17.460	17.550	17.910	18.090	18.360	18.450	285.830.820	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Phòng	Bệnh viện đa khoa huyện An Lão	31008	Bệnh viện đa khoa huyện An Lão	31008
17	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	223.200	36.780	36.900	36.900	37.170	37.650	37.800	591.703.200	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì	01822	Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì	01822

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
18	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	10.599	2.070	2.070	240	2.070	2.070	2.070	28.074.090	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Giang	Bệnh viện đa khoa huyện bắc mê	02008	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Bắc Mê	02008
19	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	140.730	22.500	22.500	23.430	23.820	24.180	24.300	373.075.230	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lào Cai	Bệnh viện đa khoa huyện Bảo Thắng	10003	Bệnh viện đa khoa huyện Bảo Thắng	10003
20	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	19.899	3.150	3.150	3.330	3.420	3.420	3.420	52.728.390	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lào Cai	bệnh viện đa khoa huyện bảo yên	10004	Bệnh viện đa khoa huyện Bảo Yên	10004
21	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	44.670	7.470	7.470	7.350	7.440	7.470	7.470	118.420.170	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lào Cai	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Bát Xát - Tỉnh Lào Cai	10007	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Bát Xát - Tỉnh Lào Cai	10007
22	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	7.830	1.260	1.260	1.260	1.350	1.350	1.350	20.757.330	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Giang	Bệnh Viện Đa khoa Huyện Đồng Văn	02011	BVĐK H. Đồng Văn	02011
23	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	4.950	720	720	810	900	900	900	13.122.450	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cao Bằng	Bệnh viện đa khoa huyện Hà Quảng	04004	Bệnh viện ĐK huyện Hà Quảng	04004
24	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	24.930	4.050	4.050	4.140	4.230	4.230	4.230	66.089.430	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Giang	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Quang Bình	02013	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Quang Bình	02013
25	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	9.180	1.440	1.440	1.530	1.530	1.620	1.620	24.336.180	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cao Bằng	Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Hòa	04009	Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Hòa	04009
26	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	330.060	53.820	54.000	55.230	55.500	55.710	55.800	874.989.060	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Phòng	Bệnh viện đa khoa huyện Thủy Nguyên	31006	Bệnh viện đa khoa huyện Thủy Nguyên	31006
27	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	138.900	21.570	21.600	23.430	23.820	24.180	24.300	368.223.900	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lào Cai	Bệnh viện đa khoa huyện Văn Bàn	10008	Bệnh viện đa khoa huyện Văn Bàn	10008
28	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	101.220	13.920	13.950	28.980	14.700	14.820	14.850	268.334.220	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Giang	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	02004	Bệnh Viện đa khoa khu vực Bắc Quang	02004
29	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.340	270	270	450	450	450	450	6.203.340	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bến Tre	Bệnh viện đa khoa khu vực Cù Lao Minh	83600	Bệnh viện đa khoa khu vực Cù Lao Minh	83600
30	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	189.960	26.610	27.000	31.830	33.210	35.310	36.000	503.583.960	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Long An	Bệnh Viện Đa Khoa Khu Vực Đồng Tháp Mười	80013	Bệnh Viện Đa Khoa Khu Vực Đồng Tháp Mười	80013

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
31	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	343.660	84.660	85.500	90.900	93.600	94.500	94.500	1.441.242.660	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Long An	BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC HẬU NGHĨA	80007	Bệnh viện đa khoa khu vực Hậu Nghĩa	80007
32	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	336.900	48.180	48.240	59.370	59.820	60.540	60.750	893.121.900	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Tháp	Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự	87015	Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự	87015
33	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	140.280	21.660	21.960	23.040	23.850	24.750	25.020	371.882.280	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	Bệnh viện đa khoa khu vực tân châu	89004	BVĐK Khu vực Tân Châu	89004
34	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	16.740	2.610	2.610	2.880	2.880	2.880	2.880	44.377.740	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Giang	Bệnh Viện Đa khoa khu vực yên minh	02010	Bệnh viện đa khoa khu vực yên minh	02010
35	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	470.640	73.980	74.700	77.460	79.680	82.020	82.800	1.247.666.640	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Long An	Bệnh viện đa khoa Long An	80001	Bệnh Viện Đa khoa Long An	80001
36	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	384.450	62.550	63.000	63.240	64.530	65.430	65.700	1.019.176.950	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Phòng	Bệnh viện đa khoa Ngô Quyền	31003	Bệnh viện đa khoa Ngô Quyền	31003
37	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	370.110	59.490	60.120	60.570	62.100	63.660	64.170	981.161.610	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cần Thơ	Bệnh viện đa khoa quận Ô Môn	92007	Bệnh viện đa khoa quận Ô Môn	92007
38	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	440.460	54.630	54.660	79.560	81.840	84.450	85.320	1.167.659.460	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cần Thơ	Bệnh Viện Đa Khoa Quận Thốt Nốt	92010	Bệnh viện Đa Khoa quận Thốt Nốt	92010
39	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	97.710	18.600	15.300	15.660	15.840	16.110	16.200	259.029.210	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Bệnh Viện Đa Khoa Sơn Tây	01831	Bệnh Viện Đa Khoa Sơn Tây	01831
40	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	689.700	110.550	111.780	112.950	115.830	118.800	119.790	1.828.394.700	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cần Thơ	Bệnh Viện Đa Khoa Thành Phố Cần Thơ	92004	Bệnh viện đa khoa thành phố Cần Thơ	92004
41	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	14.130	2.250	2.250	2.340	2.430	2.430	2.430	37.458.630	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lào Cai	Bệnh Viện Đa Khoa Thị xã Sa Pa	10009	Bệnh Viện Đa Khoa Thị xã Sa Pa	10009
42	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	65.850	9.900	9.900	11.700	11.100	11.550	11.700	174.568.350	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Nai	Bệnh Viện Đa Khoa Thống Nhất	75002	Bệnh Viện Đa Khoa Thống Nhất	75002
43	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	4.320	720	720	720	720	720	720	11.452.320	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nam Định	Bệnh viện đa khoa tỉnh	36001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	36001

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
44	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	3.960	540	540	720	720	720	720	10.497.960	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Kạn	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn	06001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	06001
45	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	291.090	47.700	47.700	48.330	48.960	49.500	49.500	773.270.190	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Ninh	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Ninh	27009	BVĐK Tỉnh Bắc Ninh	27009
46	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	332.640	50.130	51.030	56.070	56.790	58.950	59.670	881.828.640	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Định	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định	52001	BVĐK tỉnh Bình Định	52001
47	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	375.150	63.000	63.180	62.100	62.280	62.310	62.280	994.522.650	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương	74001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương	74001
48	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	209.820	32.760	32.760	36.750	35.010	36.090	36.450	556.232.820	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Gia Lai	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Gia Lai	64001	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Gia Lai	64001
49	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	132.570	21.600	21.600	22.050	22.350	22.470	22.500	351.443.070	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Giang	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Giang	02001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Giang	02001
50	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	239.910	38.880	39.240	35.370	41.130	42.450	42.840	636.001.410	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hòa Bình	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hòa Bình	17001	Bệnh Viện đa khoa tỉnh Hòa Bình	17001
51	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	292.920	41.070	41.400	73.770	45.090	45.690	45.900	776.580.920	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang	91001	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang	91001
52	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	27.060	4.710	4.680	3.630	4.680	4.680	4.680	71.736.060	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kon Tum	Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum	62001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum	62001
53	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	216.870	39.900	40.410	4.980	43.140	44.070	44.370	574.922.370	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lâm Đồng	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng	68001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng	68001
54	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	6.480	1.080	1.080	1.080	1.080	1.080	1.080	17.178.480	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lạng Sơn	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn	20003	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn	20003
55	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	723.600	115.200	117.000	119.400	121.500	124.500	126.000	1.918.263.600	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cà Mau	Bệnh viện đa khoa TP Cà Mau	96002	BVĐK TP Cà Mau	96002
56	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	37.560	5.790	5.850	6.120	6.390	6.660	6.750	99.571.560	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cà Mau	Bệnh viện đa khoa Trần Văn Thời	96014	BVĐK Trần Văn Thời	96014

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
57	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	397.800	65.220	68.310	59.370	64.380	69.420	71.100	1.054.567.800	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	Bệnh Viện Đa Khoa TT An Giang	89012	BVĐK Trung tâm An Giang	89012
58	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120.480	18.900	19.350	19.980	20.250	20.850	21.150	319.392.480	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Vân Đình	01817	Bệnh viện đa khoa Vân Đình	01817
59	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	42.840	6.840	6.840	7.290	7.290	7.290	7.290	113.568.840	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Giang	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	02005	BVĐK Vị Xuyên	02005
60	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	423.240	63.090	63.990	71.190	72.690	75.690	76.590	1.122.009.240	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đà Nẵng	Bệnh viện Da Liễu thành phố Đà Nẵng	48013	Bệnh viện Da Liễu thành phố Đà Nẵng	48013
61	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	235.170	38.400	38.700	38.220	39.180	40.170	40.500	623.435.670	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Nai	Bệnh Viện Da Liễu Tỉnh Đồng Nai	75234	Bệnh Viện Da Liễu Đồng Nai	75234
62	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	19.530		5.100	4.740	4.830	4.860		51.774.030	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	1934	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	01934
63	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	178.200	28.800	28.800	30.150	30.150	30.150	30.150	472.408.200	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lào Cai	Bệnh viện ĐK tỉnh Lào Cai	10061	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lào Cai	10061
64	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	174.060	28.260	28.350	28.950	29.220	29.580	29.700	461.433.060	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Phòng	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	31153	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	31153
65	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	664.470	119.250	119.280	106.470	106.470	106.470	106.530	1.761.509.970	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế huyện Củ Chi	79728	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS (Thuộc Trung Tâm Y tế huyện Củ Chi)	79617
66	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	128.700	20.700	18.720	24.480	21.600	21.600	21.600	341.103.700	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Phòng	Bệnh viện Kiến An	31031	Bệnh viện Kiến An	31031
67	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	403.260	58.800	59.280	71.280	71.280	71.280	71.340	1.069.042.260	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bến Tre	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	83009	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	83009
68	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	86.960	16.000	16.000	13.740	13.740	13.740	13.740	230.530.960	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG 1	79405	BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG 1	79405
69	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	27.150	5.040	5.040	4.260	4.260	4.260	4.290	71.974.650	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Bệnh viện NHI ĐỒNG 2	79408	Bệnh viện NHI ĐỒNG 2	79408

Sở Y tế thông báo Thanh Phúc - Thanh Phúc

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
70	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	60.870	9.750	9.900	10.260	10.260	10.350	10.350	161.366.370	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Nai	Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai	75022	Bệnh Viện Nhi Đồng Đồng Nai	75022
71	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	27.000	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	71.577.000	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cần Thơ	Bệnh viện Nhi Đồng thành phố Cần Thơ	92003	Bệnh viện Nhi Đồng thành phố Cần Thơ	92003
72	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	420.000	75.000	75.000	67.500	67.500	67.500	67.500	1.113.420.000	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	79499	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	79499
73	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	77.310	12.960	13.500	11.700	12.420	13.230	13.500	204.948.810	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Bệnh viện Phổi hà nội	01903	Bệnh viện Phổi Hà Nội	01903
74	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	11.250	1.530	1.530	3.150	1.620	1.710	1.710	29.823.750	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Bệnh viện Quân Y 103	01016	Bệnh viện Quân Y 103	01016
75	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	129.420	21.960	22.230	20.880	21.240	21.510	21.600	343.092.420	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cần Thơ	Bệnh viện Quân Y 121	92002	Bệnh viện Quân Y 121	92002
76	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	39.810	5.970	6.120	8.100	6.390	6.570	6.660	105.536.310	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Quân y 175	79034	Bệnh viện Quân y 175	79034
77	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	20.460	3.210	3.240	3.360	3.480	3.570	3.600	54.239.460	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	Bệnh viện Sản Nhi	89185	Bệnh viện Sản Nhi	89185
78	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	6.480	1.080	1.080	1.080	1.080	1.080	1.080	17.178.480	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Ninh	Bệnh viện Sản nhi Bắc ninh	27174	Bệnh Viện Sản Nhi Bắc Ninh	27174
79	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	10.260	1.710	1.710	1.530	1.710	1.800	1.800	27.199.260	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Bệnh viện Sản Nhi Kiên Giang	91917	Bệnh viện Sản Nhi Kiên Giang	91917
80	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.092.725	337.275	450.450	275.790	275.790	275.790	477.630	5.547.813.975	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	BỆNH VIỆN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC	79037	BỆNH VIỆN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC	79037
81	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	21.180	3.570	3.600	3.480	3.510	3.510	3.510	56.148.180	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Phòng	Bệnh viện Trẻ Em Hải Phòng	31032	Bệnh viện Trẻ Em Hải Phòng	31032
82	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	132.150	23.040	23.070	21.510	21.510	21.510	21.510	350.329.650	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bà Rịa - Vũng Tàu	Bệnh viện Vũng Tàu	77001	Bệnh Viện Vũng Tàu	77001

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
83	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	788.010	122.460	123.300	130.350	133.590	138.360	139.950	2.089.014.510	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Tháp	bv đa khoa đồng tháp	87012	Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	87012
84	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	102.660	15.990	16.380	16.890	17.520	17.880	18.000	272.151.660	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lâm Đồng	BV II Lâm Đồng	68650	BV II Lâm Đồng	68650
85	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	4.590	810	810	270	900	900	900	12.168.090	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Giang	BVĐK H. Xín Mần	02007	BVĐK H. Xín Mần	02007
86	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	7.470	1.170	1.170	1.350	1.260	1.260	1.260	19.802.970	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Giang	BVĐK huyện Mèo Vạc	02012	BVĐK H. Mèo Vạc	02012
87	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	573.780	78.120	78.750	142.500	89.730	91.980	92.700	1.521.090.780	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Tháp	BVĐK Sa Đéc	87014	BVĐK Sa Đéc	87014
88	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	353.010	45.120	45.360	90.540	56.340	57.600	58.050	935.829.510	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Phước	BVĐK tỉnh Bình Phước	70001	BVĐK tỉnh Bình Phước	70001
89	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	195.840	33.390	33.390	27.000	33.990	34.020	34.050	519.171.840	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cao Bằng	BVĐK tỉnh Cao Bằng	04014	BVĐK tỉnh Cao Bằng	04014
90	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	65.610	12.870	12.870	0	13.230	13.320	13.320	173.932.110	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đắk Lắk	BVĐK TP Buôn Ma Thuột	66003	BVĐK TP Buôn Ma Thuột	66003
91	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	43.230	7.140	7.380	10.980	5.730	5.970	6.030	114.602.730	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đắk Lắk	BVĐK vùng Tây Nguyên	66001	BVĐK Vùng Tây Nguyên	66001
92	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	111.300	18.000	18.000	18.600	18.900	18.900	18.900	295.056.300	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lai Châu	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lai Châu	12143	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Lai Châu	12143
93	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	907.980	155.370	156.210	173.850	136.440	142.110	144.000	2.407.054.980	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Phòng khám đa khoa (thuộc CN Công ty CP Greenbiz -PKĐK Galant)	79557	Phòng khám đa khoa (thuộc CN Công ty CP Greenbiz -PKĐK Galant)	79557
94	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	13.590	2.160	2.160	2.250	2.340	2.340	2.340	36.027.090	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cao Bằng	Sở Y tế	04007	TTYT huyện Nguyên Bình	04007
95	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	22.800	4.800	3.600	1.200	4.800	4.800	3.600	60.442.800	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Kạn	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Bắc Kạn	06207	TTKSBT tỉnh Bắc Kạn	06207

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
96	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	131.130	20.220	20.610	21.600	22.320	23.070	23.310	347.625.630	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nam	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hà Nam	35155	TTKSBT tỉnh Hà Nam	35155
97	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	33.810	5.370	5.400	4.500	6.030	6.210	6.300	89.630.310	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kon Tum	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	62152	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	62152
98	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	292.680	47.340	47.340	48.000	49.200	50.400	50.400	775.894.680	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Giang	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang	24280	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang	24280
99	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	404.700	63.150	63.450	66.780	68.640	70.950	71.730	1.072.859.700	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bạc Liêu	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bạc Liêu	95079	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bạc Liêu	95079
100	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	72.240	10.590	10.800	14.100	11.760	12.390	12.600	191.508.240	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Ninh	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Ninh	27025	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Ninh	27025
101	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	151.440	22.530	23.400	25.140	26.220	26.970	27.180	401.467.440	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Thuận	Trung Tâm Kiểm soát Bệnh Tật tỉnh Bình Thuận	60167	Trung Tâm Kiểm soát Bệnh Tật tỉnh Bình Thuận	60167
102	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	254.400	38.400	38.700	42.450	44.250	45.150	45.450	674.414.400	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đắk Lắk	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Lắk	66242	Phòng khám chuyên khoa HIV/AIDS	66242
103	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	70.650	11.070	11.070	14.850	11.160	11.250	11.250	187.293.150	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đắk Nông	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông	67093	Phòng khám Đa Khoa - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông	67093
104	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	127.890	20.370	20.430	23.010	21.270	21.390	21.420	339.036.390	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Điện Biên	TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH ĐIỆN BIÊN	11102	TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH ĐIỆN BIÊN	11102
105	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.272.930	192.930	194.400	230.850	213.840	219.510	221.400	3.374.537.430	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Nai	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai	75308	Phòng khám chuyên khoa HIV/AIDS thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai	75308
106	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	268.440	43.200	43.470	44.610	45.090	45.900	46.170	711.634.440	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Tĩnh	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Tĩnh	42315	Phòng khám, Điều trị HIV/AIDS CDC Hà Tĩnh	42315
107	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	308.010	45.450	47.250	48.960	53.550	56.100	56.700	816.534.510	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hậu Giang	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Hậu Giang	93105	Phòng khám Điều trị HIV/AIDS thuộc Khoa phòng chống HIV/AIDS, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hậu Giang	93105
108	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	197.580			46.620	48.690	50.790	51.480	523.784.580	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Khánh Hòa	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Khánh Hòa	56195	Phòng khám Chuyên khoa HIV/AIDS	56195

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
109	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	40.730	6.300	6.300	8.300	6.420	6.660	6.750	107.975.230	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nam	Trung tâm y tế huyện Lý Nhân	35064	Trung tâm y tế huyện Lý Nhân	35064
110	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	81.870	13.020	13.050	14.130	13.800	13.920	13.950	217.017.330	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lai Châu	Trung tâm Y tế huyện Tam Đường	12001	Trung tâm Y tế huyện Tam Đường	12001
111	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	542.400	104.100	104.100	83.550	83.550	83.550	83.550	1.437.902.400	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Thành Phố Thủ Đức	79583	Trung tâm Y tế Thành Phố Thủ Đức - Cơ sở 2	79652
112	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	19.800	2.430	2.430	3.330	3.600	3.960	4.050	52.489.800	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	Trung tâm Y tế huyện Bắc Tân Uyên	74201	Trung tâm Y tế huyện Bắc Tân Uyên	74201
113	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	329.250	51.300	52.200	53.400	55.950	57.900	58.500	872.841.750	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Long An	Trung Tâm Y Tế Cần Đước	80006	Trung tâm Y tế huyện Cần Đước	80006
114	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	172.560	28.260	28.260	28.710	29.040	29.130	29.160	452.456.560	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Điện Biên	trung tâm y tế điện biên đông	11032	Trung tâm y tế hyện Điện Biên Đông tỉnh Điện Biên	11032
115	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	268.290	44.610	44.820	44.760	44.280	44.820	45.000	711.236.790	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Trung tâm y tế Đông Anh	01811	Phòng khám đa khoa miền Đông (TTYT huyện Đông Anh)	01084
116	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	134.820	24.300	24.480	3.090	27.180	27.780	27.990	357.407.820	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lâm Đồng	Trung tâm y tế huyện Đức Trọng	68440	Trung Tâm Y Tế Huyện Đức Trọng	68440
117	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	20.160	2.400	2.400	4.650	3.510	3.600	3.600	53.444.160	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Thuận	Trung tâm Y tế Hàm Tân	60019	Trung tâm y tế Hàm Tân	60019
118	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	956.400	175.350	175.350	151.400	151.400	151.400	151.500	2.535.416.400	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế huyện Hóc Môn	79640	Trung tâm Y tế huyện Hóc Môn - Cơ sở 2	79609
119	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	133.710	19.350	19.440	33.900	20.340	20.340	20.340	354.465.210	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Phòng	Trung Tâm Y Tế Huyện An Dương	31007	Trung Tâm Y Tế Huyện An Dương	31007
120	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	262.500	32.550	36.900	43.860	47.340	49.650	52.200	695.887.500	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Trung Tâm Y Tế Huyện An Minh	91009	Trung Tâm Y tế huyện An Minh	91009
121	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	88.680	15.480	16.200	12.990	13.920	14.880	15.210	235.090.680	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	Trung Tâm Y Tế Huyện An Phú	89003	Trung Tâm Y tế huyện An Phú	89003

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
122	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445 523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	64.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	171.784.800	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Kạn	Trung tâm Y tế Huyện Bạch Thông	06003	Trung Tâm Y tế Huyện Bạch Thông	06003
123	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445 523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	16.200	2.700	2.700	2.700	2.730	2.670	2.700	42.946.200	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cao Bằng	Trung Tâm Y Tế huyện Bảo Lạc	04002	TTYT huyện Bảo Lạc	04002
124	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445 523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	40.470	5.310	5.400	6.540	7.230	7.890	8.100	107.285.970	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	Trung tâm y tế huyện Bàu Bàng	74202	Trung tâm y tế huyện Bàu Bàng	74202
125	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445 523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	377.430	56.850	56.880	65.910	65.910	65.910	65.970	1.000.566.930	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Long An	Trung Tâm Y tế Huyện Bến Lức	80004	Trung tâm y tế huyện Bến Lức	80004
126	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445 523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	946.020	155.910	164.400	36.000	199.560	199.560	190.590	2.507.899.020	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN BÌNH CHÁNH	79604	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh	79603
127	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445 523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	22.680	3.330	3.330	3.930	3.990	4.050	4.050	60.124.680	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nam	Trung tâm Y tế huyện Bình Lục	35046	Trung tâm Y tế huyện Bình Lục	35046
128	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445 523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	40.080	6.690	6.750	6.480	6.660	6.750	6.750	106.232.080	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Dương	Trung tâm Y tế Huyện Cẩm Giàng	30012	Trung tâm Y tế Huyện Cẩm Giàng	30012
129	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445 523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	8.070	1.200	1.260	1.350	1.380	1.440	1.440	21.393.570	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế huyện Cam Lâm	56158	Trung tâm Y tế huyện Cam Lâm	56158
130	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445 523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	74.700	11.430	11.670	12.900	12.900	12.900	12.900	198.029.700	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế huyện Cần Giờ	79042	Trung tâm y tế huyện Cần Giờ	79042
131	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445 523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	327.720	48.420	50.400	56.250	56.220	57.930	58.500	868.785.720	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lạng Sơn	Trung tâm y tế huyện Cao Lộc	20011	Trung tâm y tế huyện Cao Lộc	20011
132	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445 523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	40.050	5.880	5.940	9.960	6.030	6.120	6.120	106.172.550	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Phòng	Trung tâm Y tế huyện Cát Hải	31013	Trung tâm Y tế huyện Cát Hải	31013
133	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445 523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	299.430	49.110	51.300	44.820	48.510	52.230	53.460	793.788.930	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	Trung Tâm Y tế huyện Châu Phú	89008	TTYT H. Châu Phú	89008
134	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445 523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	148.050	21.870	22.500	24.480	25.560	26.640	27.000	392.480.550	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Long An	Trung tâm y tế huyện Châu Thành	80010	Trung tâm y tế huyện Châu Thành	80010

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Đường bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
135	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	42.690	9.090	7.020	0	9.900	9.030	7.650	113.171.190	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Kạn	Trung Tâm Y Tế Huyện Chợ Đồn	06004	Trung Tâm Y Tế Huyện Chợ Đồn	06004
136	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	233.880	38.070	39.600	35.670	38.220	40.740	41.580	620.015.880	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	Trung Tâm Y Tế huyện Chợ Mới	89009	TTYT huyện Chợ Mới	89009
137	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	55.170	8.160	10.500	9.030	9.120	9.180	9.180	146.255.670	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Kạn	Trung tâm Y tế huyện Chợ Mới	06007	TTYT H.Chợ Mới	06007
138	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	23.490	3.750	3.780	3.780	3.870	4.080	4.230	62.271.990	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đắk Nông	Trung tâm Y tế huyện Cư Jút	67011	Trung tâm Y tế H.Cư Jút	67011
139	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	3.330	360	360	810	540	630	630	8.827.830	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đắk Nông	Trung tâm Y tế huyện Đắk Glong	67001	Trung tâm Y tế H.Đắk Glong	67001
140	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	22.530	3.090	3.150	4.170	3.900	4.080	4.140	59.727.030	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đắk Nông	Trung tâm y tế huyện Đắk Mil	67012	Trung tâm Y tế H.Đắk Mil	67012
141	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	26.340	3.840	3.870	5.910	4.110	4.290	4.320	69.827.340	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đắk Nông	Trung tâm Y tế huyện Đắk R'lấp	67014	Trung tâm Y tế H.Đắk RLấp	67014
142	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	349.800	57.780	57.780	58.350	58.560	58.650	58.680	927.319.800	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Điện Biên	Trung tâm y tế huyện Điện Biên	11011	Trung tâm y tế huyện Điện Biên	11011
143	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	37.410	5.550	5.850	6.210	6.390	6.660	6.750	99.173.910	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế huyện Diên Khánh	56004	Trung tâm y tế huyện Diên Khánh	56004
144	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	44.400	7.050	7.200	5.730	7.560	8.310	8.550	117.704.400	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bạc Liêu	Trung tâm Y tế huyện Đông Hải	95007	Trung tâm Y tế huyện Đông Hải	95007
145	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	20.760	3.120	3.150	3.780	3.510	3.600	3.600	55.084.760	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Thuận	Trung tâm Y tế Huyện Đức Linh	60214	Trung tâm y tế huyện Đức Linh	60214
146	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	35.700	5.580	5.670	5.880	6.030	6.240	6.300	94.640.700	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Ninh	Trung tâm y tế huyện Gia Bình	27006	TTYT Huyện Gia Bình	27006
147	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	142.410	18.810	18.900	40.500	21.120	21.480	21.600	377.528.910	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng	91006	Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng	91006

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
148	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	83.370	12.990	13.050	14.160	14.250	14.430	14.490	221.013.870	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Trung Tâm Y Tế Huyện Gò Quao	91007	Trung Tâm Y Tế Huyện Gò Quao	91007
149	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	11.250	1.800	1.800	1.980	1.890	1.890	1.890	29.823.750	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cao Bằng	Trung tâm y tế huyện Hà Quảng	04003	Trung tâm y tế huyện Hà Quảng	04003
150	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	16.470	2.700	2.700	2.550	2.790	2.850	2.880	43.661.970	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cao Bằng	Trung tâm y tế huyện Hòa An	04008	Trung tâm y tế huyện Hòa An	04008
151	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	25.470	2.520	2.610	5.910	4.590	4.890	4.950	67.520.970	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bạc Liêu	Trung tâm Y tế huyện Hòa Bình	95003	Trung tâm Y tế huyện Hòa Bình	95003
152	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	120.300	16.890	17.550	17.190	21.300	23.340	24.030	318.915.300	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đà Nẵng	Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang	48128	Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang	48128
153	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	27.810	5.220	5.310	2.880	4.590	4.860	4.950	73.724.310	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bạc Liêu	Trung tâm y tế Huyện Hồng Dân	95005	Trung tâm y tế Huyện Hồng Dân	95005
154	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	39.030	6.000	6.120	6.660	6.750	6.750	6.750	103.468.530	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lạng Sơn	Trung tâm Y tế huyện Hữu Lũng	20016	Trung tâm Y tế huyện Hữu Lũng	20016
155	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	37.920	5.820	5.850	6.300	6.480	6.720	6.750	100.525.920	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Phòng	Trung tâm y tế Huyện Kiến Thụy thành phố Hải Phòng	31011	Trung tâm y tế huyện Kiến Thụy Thành Phố Hải Phòng	31011
156	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	29.340	5.850	5.850	1.440	4.770	5.580	5.850	77.740.340	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nam	Trung tâm y tế huyện Kim Bảng	35004	Trung tâm y tế huyện Kim Bảng	35004
157	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	29.610	5.580	5.850	1.830	4.890	5.610	5.850	78.496.110	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hòa Bình	Trung tâm y tế huyện Kim Bôi	17012	Trung tâm y tế huyện Kim Bôi	17012
158	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	57.150	8.910	9.000	9.840	9.660	9.840	9.900	151.504.650	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Dương	Trung tâm Y tế Huyện Kim Thành	30010	Trung tâm Y tế Huyện Kim Thành	30010
159	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	11.370	1.530	1.530	2.910	1.800	1.800	1.800	30.141.870	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đắk Nông	Trung tâm Y tế huyện Krông Nô	67009	Trung tâm Y tế H.Krông Nô	67009
160	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	.2.651	135.820	17.400	18.000	34.840	20.970	22.110	22.500	360.058.820	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hòa Bình	Trung tâm y tế huyện Lạc sơn	17010	Trung tâm y tế huyện Lạc Sơn	17010

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
161	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.790			630	720	720	720	7.396.290	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Giang	Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang	24008	Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang	24008
162	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	28.230	4.290	4.500	4.680	4.860	4.950	4.950	74.837.730	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Tháp	Trung tâm y tế huyện Lấp Vò	87005	Trung tâm y tế huyện Lấp Vò	87005
163	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	23.640	2.760	2.880	4.860	4.230	4.410	4.500	62.669.640	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lạng Sơn	Trung tâm y tế huyện Lộc Bình	20012	Trung tâm y tế huyện Lộc Bình	20012
164	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	58.730	8.730	9.000	1.520	12.690	13.290	13.500	155.693.230	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trung tâm Y tế huyện Long Điền	77005	Trung tâm Y tế huyện Long Điền	77005
165	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	440.160	71.820	72.000	73.260	73.890	74.490	74.700	1.166.864.160	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Nai	Trung tâm Y tế huyện Long Thành	75299	Phòng khám đa khoa - Trung tâm y tế huyện Long Thành	75299
166	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	31.770	5.580	5.850	3.870	4.980	5.640	5.850	84.222.270	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hòa Bình	Trung Tâm Y Tế Huyện Lương Sơn	17005	Trung tâm y tế huyện Lương Sơn	17005
167	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	35.820	5.940	6.210	5.310	5.850	6.210	6.300	94.958.820	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hòa Bình	Trung tâm Y tế huyện Mai Châu	17008	Trung tâm Y tế huyện Mai Châu	17008
168	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	201.660	33.030	33.030	33.720	33.870	33.990	34.020	534.600.660	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Điện Biên	Trung tâm y tế Huyện Mường Ảng Tỉnh Điện Biên	11082	Trung tâm y tế huyện Mường Ảng	11082
169	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	58.500	9.450	9.450	9.900	9.900	9.900	9.900	155.083.500	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Điện Biên	Trung tâm y tế Huyện Mường Chà	11048	Trung tâm y tế Huyện Mường Chà	11048
170	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	30.780	5.130	5.130	5.130	5.130	5.130	5.130	81.597.780	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Điện Biên	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN MƯỜNG NHÉ	11073	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN MƯỜNG NHÉ	11073
171	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	17.010	2.700	2.790	2.880	2.880	2.880	2.880	45.093.510	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Kạn	Trung tâm y tế Huyện Na Rì	06006	Trung tâm y tế Huyện Na Rì	06006
172	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	6.360	1.050	990	1.080	1.080	1.080	1.080	16.860.360	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Điện Biên	Trung tâm y tế huyện Nậm Pồ	11061	Trung tâm y tế huyện Nậm Pồ	11061
173	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	15.660	2.430	2.430	0	4.050	4.050	2.700	41.514.660	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Kạn	Trung tâm y tế huyện Ngân sơn	06002	TTYT Huyện Ngân Sơn	06002

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
174	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	235.670	41.080	41.080	38.377	38.377	38.377	38.379	624.761.170	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Huyện Nhà Bè	79729	Trung tâm Y tế Huyện Nhà Bè	79729
175	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	67.380	9.210	9.360	11.640	12.090	12.480	12.600	178.624.380	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	Trung tâm y tế Huyện Phú Giáo	74089	Trung Tâm Y Tế Huyện Phú Giáo	74089
176	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	40.650	6.090	6.210	7.080	6.930	7.140	7.200	107.763.150	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bạc Liêu	Trung tâm Y tế huyện Phước Long	95006	Trung tâm Y tế huyện Phước Long	95006
177	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	7.290	1.170	1.170	1.170	1.260	1.260	1.260	19.325.790	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cao Bằng	Trung tâm y tế huyện Quảng Hòa	04013	TTYT huyện Quảng Hòa	04013
178	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	71.100	11.250	11.250	12.150	12.150	12.150	12.150	188.486.100	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Ninh	Trung tâm y tế huyện Quế Võ	27008	TTYT huyện Quế Võ	27008
179	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	103.500	12.930	13.230	24.870	16.530	17.760	18.180	274.378.500	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Tháp	Trung tâm y tế huyện Tam Nông	87004	Trung tâm y tế huyện Tam Nông	87004
180	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	221.460	29.430	29.700	56.040	34.740	35.640	35.910	587.090.460	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	trung tâm Y tế huyện Tân Hiệp Kiên Giang	91004	Trung tâm Y tế Huyện Tân Hiệp	91004
181	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	83.910	13.620	13.680	13.860	14.040	14.310	14.400	222.445.410	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lai Châu	Trung tâm y tế huyện Tân Uyên	26065	TTYT huyện Tân Uyên	12101
182	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	75.180	12.540	12.600	12.330	12.510	12.600	12.600	199.302.180	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Giang	Trung tâm Y tế huyện Tân Yên	24006	Trung tâm Y tế huyện Tân Yên	24006
183	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	11.520	1.800	1.800	1.980	1.980	1.980	1.980	30.539.520	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cao Bằng	Trung tâm Y tế huyện Thạch An	04010	Trung tâm Y tế huyện Thạch An	04010
184	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	20.250	3.150	3.150	3.330	3.450	3.570	3.600	53.682.750	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nam	Trung tâm y tế huyện Thanh Liêm	35022	Trung tâm y tế huyện Thanh Liêm	35022
185	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	20.940	2.400	2.520	5.310	3.270	3.660	3.780	55.511.940	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Tháp	Trung tâm y tế huyện Tháp Mười	87183	Trung tâm y tế huyện Tháp Mười	87183
186	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	182.220	29.040	30.420	27.450	29.880	32.310	33.120	483.065.220	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	Trung tâm y tế huyện Thoại Sơn	89011	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN THOẠI SƠN	89011

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
187	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	112.530	16.740	17.100	18.120	19.470	20.400	20.700	298.317.030	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Long An	Trung tâm y tế huyện Thủ Thừa	80003	Trung tâm y tế huyện Thủ Thừa	80003
188	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	17.130	3.270	3.420	930	2.820	3.270	3.420	45.411.630	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lạng Sơn	Trung Tâm Y tế huyện Tràng Định	20006	Trung tâm y tế huyện Tràng Định	20006
189	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	24.390	3.780	3.780	4.140	4.230	4.230	4.230	64.657.890	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Điện Biên	Trung tâm Y tế huyện Tủa Chùa	11060	Trung tâm Y tế huyện Tủa Chùa	11060
190	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	248.250	40.590	40.590	41.550	41.700	41.880	41.940	658.110.750	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Điện Biên	Trung tâm y tế huyện Tuần Giáo	11080	Trung tâm y tế huyện Tuần Giáo tỉnh Điện Biên	11080
191	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	8.460	1.260	1.260	1.620	1.440	1.440	1.440	22.427.460	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đắk Nông	Trung tâm Y tế huyện Tuy Đức	67074	Trung tâm Y tế H.Tuy Đức	67074
192	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	17.280	2.880	2.880	2.880	2.880	2.880	2.880	45.809.280	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lạng Sơn	Trung tâm y tế huyện Văn Lãng	20008	Trung tâm y tế huyện Văn Lãng	20008
193	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	24.300	3.840	3.870	3.150	4.230	4.530	4.680	64.419.300	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bạc Liêu	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Lợi	95035	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Lợi	95035
194	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	24.600	3.540	3.600	4.140	4.350	4.470	4.500	65.214.600	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thuận	91010	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thuận	91010
195	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	140.850	22.500	22.590	23.400	23.760	24.210	24.390	373.393.350	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Nai	Trung Tâm Y Tế Huyện Xuân Lộc	75013	Trung tâm y tế Huyện Xuân Lộc	75013
196	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	68.850	15.990	10.350	8.610	10.110	11.640	12.150	182.521.350	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trung tâm y tế huyện Xuyên Mộc	77006	Trung tâm y tế huyện Xuyên Mộc	77006
197	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	123.330	17.310	17.370	31.050	18.990	19.260	19.350	326.947.830	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Trung tâm Y Tế Kiên Lương	91013	Trung tâm y tế huyện Kiên Lương	91013
198	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	16.170	2.670	2.700	2.700	2.700	2.700	2.700	42.866.670	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Giang	Trung Tâm Y tế Lục Ngạn	24017	Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn	24017
199	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.173.044	212.196	212.198	251.550	156.480	160.620	180.000	3.109.739.644	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN 1	79610	Trung Tâm Y Tế Quận 1 - Cơ sở 2	79651

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng, Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
200	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.311.810	238.350	238.410	208.740	208.740	208.740	208.830	3.477.608.310	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế quận 10	79027	Trung tâm Y tế Quận 10 - Cơ sở 2	79591
201	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.842.000	345.000	345.000	300.000	300.000	300.000	252.000	4.883.142.000	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y tế Quận 11	79596	Phòng khám Đa khoa (Thuộc Trung Tâm Y Tế Quận 11)	79594
202	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.839.000	312.000	312.000	303.750	303.750	303.750	303.750	4.875.189.000	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN 3	79009	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN 3 - CƠ SỞ 4	79600
203	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.066.500	168.750	168.750	182.250	182.250	182.250	182.250	2.827.291.500	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y tế Quận 4	79602	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN 4-CƠ SỞ 3	79662
204	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	721.800	129.000	129.000	115.950	115.950	115.950	115.950	1.913.491.800	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Quận 5	79015	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung Tâm Y Tế Quận 5	79613
205	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	840.350	150.000	150.000	138.800	132.000	134.550	135.000	2.227.767.850	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Quận 6	79599	Trung tâm y tế Quận 6 - Cơ Sở 2	79657
206	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	627.000	103.500	103.500	105.000	105.000	105.000	105.000	1.662.177.000	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y Tế Quận 7	79590	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm y tế quận 7	79584
207	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.333.200	240.000	240.000	213.300	213.300	213.300	213.300	3.534.313.200	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Quận 8	79582	Phòng khám, Điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm Y tế Quận 8	79720
208	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	140.970	22.050	22.050	28.920	22.230	22.770	22.950	373.711.470	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Trung tâm y tế quận Ba Đình	01801	Phòng khám đa khoa 50 Hàng Bún (TTYT Quận Ba Đình)	01059
209	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	24.480	3.570	3.600	4.110	4.260	4.440	4.500	64.896.480	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Trung tâm Y tế quận Bắc Từ Liêm	01217	Phòng khám đa khoa Chèm - Trung tâm Y tế quận Bắc Từ Liêm	01083
210	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	659.870	148.880	99.090	102.150	102.780	103.380	103.590	1.749.315.370	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y Tế quận Bình Tân	79996	Trung tâm Y Tế quận Bình Tân - Cơ sở 3	79586
211	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.302.810	225.000	248.310	207.000	207.000	207.000	208.500	3.453.749.310	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung Tâm y tế Quận Bình Thạnh	79579	Trung Tâm Y Tế quận Bình Thạnh - Cơ sở 2	79655
212	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	778.740	124.920	126.000	127.890	130.950	133.980	135.000	2.064.439.740	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cần Thơ	Trung tâm Y tế quận Cái Răng	92006	Trung tâm Y tế quận Cái Răng	92006

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
213	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	188.610	27.810	27.900	46.950	28.440	28.710	28.800	500.005.110	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Phòng	Trung tâm Y tế quận Đồ Sơn	31012	Trung tâm Y tế quận Đồ Sơn	31012
214	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	46.770	7.260	5.850	12.180	7.110	7.170	7.200	123.997.270	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Trung tâm y tế quận Đống Đa	01806	Phòng khám đa khoa số 3 trực thuộc trung tâm y tế quận Đống Đa	01021
215	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.643.820	298.470	269.160	399.570	221.880	226.590	228.150	4.357.766.820	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN GÒ VẤP	79580	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN GÒ VẤP - CƠ SỞ 2	79653
216	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	310.410	38.970	39.150	91.440	46.530	47.070	47.250	822.896.910	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Trung tâm y tế quận Hai Bà Trưng	01807	Phòng khám đa khoa Mai Hương (TTYT Hai Bà Trưng)	01070
217	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	607.560	97.740	98.100	100.950	102.450	103.920	104.400	1.610.641.560	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Hoàng Mai	01808	Phòng khám đa khoa Linh Đàm trực thuộc Trung tâm y tế quận Hoàng Mai	01045
218	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	441.480	70.680	71.010	73.410	74.250	75.720	76.410	1.170.363.480	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Phòng	Trung tâm Y tế quận Hồng Bàng	31002	Trung tâm Y tế quận Hồng Bàng	31002
219	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	371.610	55.110	55.350	92.700	55.980	56.220	56.250	945.134.110	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Phòng	Trung Tâm Y tế quận Lê Chân	31004	Trung Tâm Y tế quận Lê Chân	31004
220	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	159.339	23.940	24.120	33.780	25.200	26.010	26.280	422.383.330	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Long Biên	01804	Phòng khám Đa khoa Trung tâm (TTYT quận Long Biên)	01092
221	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	958.680	152.700	148.500	215.490	150.600	142.890	148.500	2.541.460.680	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Trung tâm Y tế quận Nam Từ Liêm	01813	Phòng khám đa khoa Cầu Diễn trực thuộc Trung tâm Y tế quận Nam Từ Liêm	01091
222	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	752.460	142.110	142.110	117.060	117.060	117.060	117.060	1.994.771.460	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y Tế Quận Phú Nhuận	79587	Trung tâm y tế Quận Phú Nhuận - Cơ sở 2	79656
223	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.202.470	360.000	370.670	360.000	370.000	370.000	371.800	5.838.747.970	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Quận Tân Bình	79574	Trung tâm y tế Quận Tân Bình - Cơ sở 2	79663
224	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	751.680	152.520	108.360	145.320	112.590	115.890	117.000	1.992.703.680	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN TÂN PHÚ	79577	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN TÂN PHÚ- CƠ SỞ 2	79664
225	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	246.900	40.950	41.040	41.010	41.160	41.340	41.400	654.531.900	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Trung tâm y tế quận Tây Hồ	01066	Phòng khám 695 Lạc Long Quân	01066

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
226	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	231.900	35.430	36.900	27.810	40.140	45.000	46.620	614.766.900	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đà Nẵng	Trung tâm Y tế quận Thanh Khê	48004	Trung tâm Y tế quận Thanh Khê	48004
227	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	251.580	36.000	36.000	62.850	38.580	39.000	39.150	666.938.580	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Thanh Xuân	01074	Phòng khám đa khoa trực thuộc Trung tâm Y tế quận Thanh Xuân	01074
228	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	68.370	10.770	10.800	11.880	11.550	11.670	11.700	181.248.870	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	Trung tâm y tế Sóc Sơn	01810	Phòng khám đa khoa Trung tâm (TTYT Sóc Sơn)	01033
229	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	4.050	840	870	240	780	540	780	10.736.550	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Thuận	Trung tâm Y tế Tánh Linh	60013	Trung tâm y tế Tánh linh	60013
230	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	52.560	7.380	7.560	8.730	9.270	9.720	9.900	139.336.560	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Tháp	Trung tâm Y tế tế huyện Thanh Bình	87010	Trung tâm y tế Huyện Thanh Bình	87010
231	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	123.960	20.160	20.160	20.460	20.790	21.150	21.240	328.617.960	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bạc Liêu	Trung tâm Y tế thành phố Bạc Liêu	95033	Trung tâm Y tế thành phố Bạc Liêu	95033
232	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	654.600	93.600	94.500	137.190	105.930	110.880	112.500	1.735.344.600	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Nai	Trung tâm Y tế thành phố Biên Hòa	75003	Trung tâm Y tế Thành phố Biên Hòa	75003
233	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	36.030	5.880	5.940	5.760	5.940	6.210	6.300	95.515.530	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế thành phố Cam Ranh	56005	Phòng khám ngoại trú - Trung tâm Y tế thành phố Cam Ranh	56192
234	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	193.410	30.420	30.690	31.950	32.760	33.660	33.930	512.729.910	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Châu Đốc	89002	TTYT TP. Châu Đốc	89002
235	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	127.800	19.800	19.800	23.850	21.240	21.510	21.600	338.797.800	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Dương	Trung tâm Y tế Thành phố Chí Linh	30003	Trung tâm Y tế Thành phố Chí Linh	30003
236	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	338.340	47.190	47.700	58.050	60.120	62.280	63.000	896.939.340	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Dĩ An	74028	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Dĩ An	74028
237	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	115.590	17.730	17.730	19.920	20.070	20.070	20.070	306.429.090	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Điện Biên	Trung tâm Y tế Thành phố Điện Biên Phủ	11002	Trung tâm Y tế Thành phố Điện Biên Phủ	11002
238	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	56.520	8.910	9.000	9.360	9.540	9.810	9.900	149.834.520	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên	91002	Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên	91002

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
239	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	296.676	48.690	48.780	49.320	49.830	50.010	50.040	786.472.170	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Đồng Nai	Trung Tâm Y Tế Thành phố Long Khánh	75303	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS thuộc Trung Tâm Y Tế Thành phố Long Khánh	75303
240	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	113.310	17.460	17.910	18.090	19.170	20.160	20.520	300.384.810	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Long Xuyên	89001	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Long Xuyên	89001
241	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	238.230	38.190	38.340	40.680	40.500	40.290	40.230	631.547.730	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế Thành phố Nha Trang	56162	Trung tâm Y tế Thành phố Nha Trang	56008
242	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	304.650	43.650	45.000	56.070	52.350	53.580	54.000	807.627.150	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Trung tâm Y tế Thành phố Phú Quốc	91011	Trung tâm Y tế Thành phố Phú Quốc	91011
243	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	671.940	113.970	113.970	111.000	111.000	111.000	111.000	1.781.312.940	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế thành phố thủ đức	79583	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Thủ Đức	79583
244	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.277.930	212.000	211.830	162.660	249.570	168.780	273.090	3.387.792.430	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC	79583	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Thủ Đức	79607
245	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	578.760	91.710	93.600	93.180	97.080	100.950	102.240	1.534.292.760	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	Trung tâm Y tế Thành Phố Thuận An	74039	Trung tâm Y tế Thành Phố Thuận An	74039
246	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	228.240	39.240	40.050	22.350	40.920	41.280	44.400	605.064.240	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trung tâm y tế Thành phố Vũng Tàu	77004	Trung tâm y tế Thành phố Vũng Tàu	77004
247	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	8.640	1.230	1.260	1.350	1.560	1.620	1.620	22.904.640	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Gia Lai	Trung tâm y tế thị xã An Khê	64250	TTYT TX An Khê	64250
248	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	333.600	49.050	51.300	55.350	57.900	59.700	60.300	884.373.600	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	Trung Tâm Y Tế Thị Xã Bến Cát	74050	Trung tâm y tế thị xã Bến Cát	74050
249	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	134.580	21.750	21.780	22.830	22.410	22.860	22.950	356.771.580	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Phước	Trung Tâm Y Tế Thị Xã Chơn Thành	70008	Trung Tâm Y Tế Thị Xã Chơn Thành	70008
250	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	13.500	2.070	2.070	2.340	2.340	2.340	2.340	35.788.500	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nam	Trung tâm y tế thị xã Duy Tiên	35036	TTYT thị xã Duy Tiên	35036
251	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	65.160	12.420	12.510	0	12.810	13.470	13.950	172.739.160	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bạc Liêu	Trung tâm Y tế thị xã Giá Rai	95004	Trung tâm Y tế thị xã Giá Rai	95004

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
252	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	80.640	12.990	13.050	14.280	13.350	13.470	13.500	213.776.640	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Dương	Trung tâm Y tế Thị xã Kinh Môn	30005	Trung tâm Y tế Thị xã Kinh Môn	30005
253	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	23.370	4.260	5.130	3.420	3.420	3.540	3.600	61.953.870	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Thuận	Trung tâm Y tế Thị xã La Gi	60170	Trung tâm y tế La Gi	60170
254	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	76.410	11.700	11.700	12.960	13.140	13.410	13.500	202.562.910	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Điện Biên	Trung tâm y tế thị xã Mường Lay	11045	Trung Tâm Y Tế Thị Xã Mường Lay	11045
255	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	89.580	13.950	14.040	14.790	15.390	15.660	15.750	237.476.580	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hòa	56003	Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hòa	56003
256	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	213.510	26.640	37.020	23.910	44.350	35.580	46.010	564.015.010	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trung tâm y tế thị xã Phú Mỹ	77007	Trung tâm y tế thị xã Phú Mỹ	77007
257	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	267.540	38.220	39.600	42.000	46.350	50.070	51.300	709.248.540	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	Trung Tâm Y Tế Thành phố Tân Uyên	74066	Trung tâm Y tế thành phố Tân Uyên	74066
258	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	573.900	88.260	88.740	100.710	97.590	99.060	99.540	1.521.408.900	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Kiên Giang	Trung tâm y tế Tp. Rạch Giá Kiên Giang	91101	Trung tâm Y tế Tp. Rạch Giá Kiên Giang	91101
259	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	280.440	35.820	36.000	49.680	51.570	53.370	54.000	743.446.440	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	Trung tâm y tế TP. Thủ Dầu Một	74008	Phòng khám đa khoa - Nhà hộ sinh thuộc Trung tâm y tế thành phố Thủ Dầu Một	74008
260	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	93.960	15.390	15.390	15.810	15.720	15.810	15.840	249.087.960	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lai Châu	TT huyện Sìn Hồ	12014	TTYT huyện Sìn Hồ	12014
261	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	52.620	8.640	8.640	8.970	8.730	8.820	8.820	139.495.620	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lai Châu	TT Mường Tè	12015	TTYT huyện Mường Tè	12015
262	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	68.990	10.860	10.980	11.690	11.730	11.850	11.880	182.892.490	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lai Châu	TT Than Uyên	12016	TTYT huyện Than Uyên	12016
263	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	29.150	5.620	5.620	0	5.970	5.970	5.970	77.276.650	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Kạn	TTYT H Ba Bể	06005	TTYT H Ba Bể	06005
264	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	17.390	3.340	3.340	0	3.570	3.570	3.570	46.100.890	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Kạn	TTYT H Pác Nặm	06031	TTYT H Pác Nặm	06031

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
265	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	64.200	9.570	9.900	10.170	10.890	11.700	11.970	170.194.200	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	Trung tâm y tế thị xã Tịnh Biên	89006	Trung tâm y tế thị xã Tịnh Biên	89006
266	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	12.720	1.980	1.980	2.070	2.190	2.250	2.250	33.720.720	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cao Bằng	TTYT huyện Bảo Lâm	04012	TTYT huyện Bảo Lâm	04012
267	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	63.690	9.660	9.900	10.530	10.980	11.280	11.340	168.842.190	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bình Dương	TTYT Huyện Dầu Tiếng	74102	TTYT Huyện Dầu Tiếng	74102
268	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	66.870	11.070	11.070	11.100	11.160	11.220	11.250	177.272.370	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hà Nội	TTYT huyện Gia Lâm	01812	Phòng khám đa khoa Trâu Quỳ (TTYT Gia Lâm)	01027
269	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	5.400	900	900	900	900	900	900	14.315.400	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cao Bằng	TTYT huyện Hạ Lang	04011	TTYT huyện Hạ Lang	04011
270	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	73.860	11.670	11.700	14.340	11.910	12.090	12.150	195.802.860	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lai Châu	TTYT huyện Nậm Nhùn	12135	TTYT huyện Nậm Nhùn	12135
271	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	49.100	7.200	7.200	13.100	7.200	7.200	7.200	130.164.100	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Lai Châu	TTYT huyện Phong Thổ	12013	TTYT huyện Phong Thổ	12013
272	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	10.470	1.620	1.620	1.830	1.800	1.800	1.800	27.755.970	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cao Bằng	TTYT huyện Trùng Khánh	04005	TTYT huyện Trùng Khánh	04005
273	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	34.920	5.370	5.400	5.700	5.940	6.210	6.300	92.572.920	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cao Bằng	TTYT huyện Trùng Khánh	04005	BVĐK huyện Trùng Khánh	04006
274	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	7.110	810	810	1.590	1.230	1.320	1.350	18.848.610	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Gia Lai	TTYT Phú Thiện	64041	TTYT huyện Phú Thiện	64041
275	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	511.110	82.500	82.500	86.550	86.520	86.520	86.520	1.354.952.610	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hồ Chí Minh	TTYT Quận 12	79612	TTYT Quận 12	79612
276	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	618.000	97.980	99.000	101.610	104.310	107.100	108.000	1.638.318.000	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cần Thơ	TTYT Quận Bình Thủy	92005	Trung tâm Y tế quận Bình Thủy	92005
277	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	301.680	49.140	49.410	50.130	50.670	51.120	51.210	799.753.680	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hải Phòng	TTYT Quận Hải An	31020	Trung tâm y tế quận Hải An	31020

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
278	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	49.620	8.370	8.100	7.680	8.370	8.550	8.550	131.542.620	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Cao Bằng	TTYT Thành Phố Cao Bằng	04001	TTYT Tp. Cao Bằng	04001
279	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	147.810	21.780	22.770	23.760	25.290	26.850	27.360	391.844.310	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Hậu Giang	TTYT Thành Phố Ngã Bảy	93108	TTYT Thành Phố Ngã Bảy	93108
280	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	89.100	14.850	14.850	4.950	19.800	19.800	14.850	236.204.100	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Bắc Kạn	TTYT TP Bắc Kạn	06033	TTYT TP Bắc Kạn	06033
281	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	148.200	22.620	22.950	24.360	25.320	26.310	26.640	392.878.200	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	An Giang	TTYT huyện Phú Tân	89005	TTYT huyện Phú Tân	89005
282	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	8.100	1.350	1.350	1.350	1.350	1.350	1.350	21.473.100	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nam Định	Trung tâm y tế huyện Trực Ninh	36011	Trung tâm y tế huyện Trực Ninh	36011
283	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	6.270	990	990	1.050	1.080	1.080	1.080	16.621.770	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nam Định	Trung tâm Y tế huyện Nam Trực	36016	Trung tâm Y tế huyện Nam Trực	36016
284	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	54.720	9.000	9.000	9.180	9.180	9.180	9.180	145.062.720	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nam Định	Bệnh viện đa khoa huyện Hải Hậu	36017	Bệnh viện đa khoa huyện Hải Hậu	36017
285	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	54.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	143.154.000	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nam Định	Trung tâm y tế huyện Xuân Trường	36022	Trung tâm y tế huyện Xuân Trường	36022
286	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	69.780	11.610	11.790	11.550	11.610	11.610	11.610	184.946.780	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nam Định	Trung tâm y tế huyện Giao Thủy	36025	Trung tâm y tế huyện Giao Thủy	36025
287	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	45.900	7.650	7.650	7.650	7.650	7.650	7.650	121.680.900	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nam Định	Trung tâm y tế huyện Nghĩa Hưng	36028	Trung tâm y tế huyện Nghĩa Hưng	36028
288	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	38.460	6.300	6.300	6.420	6.480	6.480	6.480	101.957.460	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nam Định	Trung tâm Y tế huyện Ý Yên	36032	Trung tâm Y tế huyện Ý Yên	36032
289	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	394.080	65.700	65.700	65.580	65.700	65.700	65.700	1.044.706.080	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nam Định	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nam Định	36060	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nam Định	36060
290	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	199.170	29.760	30.060	33.150	34.440	35.670	36.090	527.999.670	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Ninh Bình	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	37094	Phòng khám Chuyên khoa HIV/AIDS và điều trị nghiện chất	37094

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
291	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	77.220	12.840	12.870	12.150	12.840	13.200	13.320	204.710.220	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Ninh Bình	Trung tâm Y tế Thành phố Ninh Bình	37103	Trung tâm y tế Thành phố Ninh Bình	37103
292	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	25.260	4.020	4.050	3.990	4.260	4.440	4.500	66.964.260	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Ninh Bình	Trung tâm y tế thành phố Tam Điệp	37201	Trung tâm y tế Thành phố Tam Điệp	37201
293	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	128.610	20.340	20.430	21.600	21.870	22.140	22.230	340.945.110	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Ninh Bình	Bệnh viện đa khoa huyện Nho Quan	37301	Bệnh viện đa khoa huyện Nho Quan	37301
294	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	66.540	8.970	9.000	19.050	9.750	9.870	9.900	176.397.540	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Ninh Bình	Trung tâm y tế huyện Gia Viễn	37401	Trung tâm y tế huyện Gia Viễn	37401
295	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	105.150	16.680	16.740	17.910	17.730	18.000	18.090	278.752.650	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Ninh Bình	Trung tâm y tế huyện Hoa Lư	37501	Trung tâm y tế huyện Hoa Lư	37501
296	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	20.130	2.850	2.880	5.580	2.880	2.970	2.970	53.364.630	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Ninh Bình	Trung tâm y tế huyện Yên Mô	37601	Trung tâm y tế Yên Mô	37601
297	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	176.940	28.950	29.070	29.550	29.670	29.820	29.880	469.067.940	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Ninh Bình	bệnh viện đa khoa huyện Kim Sơn	37701	Bệnh viện đa khoa Kim Sơn	37701
298	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	20.970	3.330	3.330	3.510	3.600	3.600	3.600	55.591.470	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Ninh Bình	Trung tâm y tế huyện Yên Khánh	37801	Trung tâm y tế huyện Yên Khánh	37801
299	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	17.460	3.300	3.330	1.590	2.730	3.180	3.330	46.286.460	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Ninh Thuận	Trung Tâm y tế Huyện Ninh Phước	58002	Trung Tâm y tế Huyện Ninh Phước	58002
300	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	34.613	4.860	4.860	6.353	5.940	6.300	6.300	91.759.063	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Ninh Thuận	Trung tâm Y tế huyện Ninh Hải	58004	Trung tâm Y tế huyện Ninh Hải	58004
301	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	2.520	450	450	270	450	450	450	6.680.520	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Ninh Thuận	Trung tâm Y tế huyện Thuận Bắc	58012	Trung tâm Y tế huyện Thuận Bắc	58012
302	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	10.920	1.290	1.350	2.700	1.710	1.890	1.980	28.948.920	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Ninh Thuận	Trung tâm Y tế huyện Ninh Sơn	58082	Trung tâm Y tế Ninh Sơn	58082
303	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	57.480	7.530	7.560	11.160	10.110	10.500	10.620	152.379.480	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Ninh Thuận	Trung tâm Y tế thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	58083	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Y tế thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	58083

STT	STT trong BSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
304	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	299.130	49.410	49.500	49.590	49.950	50.280	50.400	792.993.630	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An	40001	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An	40001
305	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	28.260	4.440	4.500	4.650	4.800	4.920	4.950	74.917.260	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Trung tâm Y tế huyện Hưng Nguyên	40002	Trung tâm y tế huyện Hưng Nguyên	40002
306	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	18.180	2.970	2.970	3.060	3.060	3.060	3.060	48.195.180	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Trung tâm y tế huyện Nam Đàn	40003	Trung tâm y tế huyện Nam Đàn	40003
307	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	79.350	12.990	13.050	13.110	13.260	13.440	13.500	210.356.850	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Chương	40004	Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Chương	40004
308	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	65.100	10.530	10.620	10.770	10.920	11.100	11.160	172.580.100	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Bệnh viện đa khoa huyện Đô Lương	40005	Bệnh viện đa khoa huyện Đô Lương	40005
309	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	33.660	5.340	5.400	5.550	5.700	5.820	5.850	89.232.600	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành	40006	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành	40006
310	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	154.710	25.830	25.830	25.560	25.650	25.920	25.920	410.136.210	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Bệnh viện đa khoa Diễn Châu	40007	Bệnh viện đa khoa Diễn Châu	40007
311	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	31.050	4.950	4.950	5.130	5.250	5.370	5.400	82.313.550	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Lưu	40008	Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Lưu	40008
312	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	30.480	4.920	4.950	5.040	5.130	5.220	5.220	80.802.480	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Bệnh viện đa khoa huyện Nghi Lộc	40009	Bệnh viện đa khoa huyện Nghi Lộc	40009
313	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	26.250	4.110	4.140	4.410	4.440	4.560	4.590	69.588.750	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Trung tâm Y tế huyện Anh Sơn	40010	Trung tâm Y tế huyện Anh Sơn	40010
314	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	95.850	15.750	15.750	15.930	16.050	16.170	16.200	254.098.350	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Bệnh viện đa khoa Khu vực Tây Bắc Nghệ An	40011	Bệnh viện đa khoa Khu vực Tây Bắc Nghệ An	40011
315	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	57.480	8.940	9.000	9.840	9.780	9.930	9.990	152.379.480	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Trung tâm y tế huyện Tân Kỳ	40012	Trung tâm y tế huyện Tân Kỳ	40012
316	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	50.910	8.190	8.280	8.430	8.580	8.700	8.730	134.962.410	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nam Nghệ An	40013	Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nam Nghệ An	40013

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
317	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	160.620	26.580	26.640	26.730	26.760	26.910	27.000	425.803.620	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Trung Tâm Y Tế Huyện Tương Dương	40014	Trung Tâm Y Tế Huyện Tương Dương	40014
318	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	16.740	2.700	2.700	2.790	2.790	2.880	2.880	44.377.740	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Trung tâm Y tế huyện Kỳ Sơn	40015	Trung tâm Y tế huyện Kỳ Sơn	40015
319	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	94.200	15.630	15.750	15.480	15.690	15.810	15.840	249.724.200	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Trung tâm y tế huyện Quỳ Hợp	40016	Trung tâm Y tế huyện Quỳ Hợp	40016
320	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	308.910	49.050	50.400	51.390	52.110	52.860	53.100	818.920.410	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Trung tâm Y tế huyện Quỳ Châu	40017	Trung tâm Y tế huyện Quỳ Châu	40017
321	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	578.820	94.650	94.950	96.120	97.020	97.890	98.190	1.534.451.820	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Trung Tâm Y Tế Huyện Quế Phong	40018	Trung Tâm Y Tế Huyện Quế Phong	40018
322	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	221.190	37.620	37.800	39.570	35.190	35.460	35.550	586.374.690	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Bệnh Viện Đa Khoa Thành Phố Vinh	40019	Bệnh Viện Đa Khoa Thành Phố Vinh	40019
323	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	11.700	1.800	1.800	1.980	1.980	2.070	2.070	31.016.700	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Trung tâm Y tế Thị xã Cửa Lò - Nghệ An	40020	Trung tâm Y tế Thị xã Cửa Lò - Nghệ An	40020
324	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	6.450	900	900	900	1.110	1.290	1.350	17.098.950	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An	40021	Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An	40021
325	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	44.820	7.140	7.200	7.440	7.590	7.710	7.740	118.817.820	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Trung tâm Y tế huyện Nghĩa Đàn	40567	Trung tâm Y tế huyện Nghĩa Đàn	40567
326	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	14.940	2.430	2.430	2.520	2.520	2.520	2.520	39.605.940	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Nghệ An	Trung tâm y tế thị xã Hoàng Mai	40572	Trung tâm y tế thị xã Hoàng Mai	40572
327	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	253.980	38.040	38.160	63.390	38.070	38.160	38.160	673.300.980	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Phú Thọ	BVĐK tỉnh Phú Thọ	25001	BVĐK tỉnh Phú Thọ	25001
328	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	286.050	45.600	46.800	48.150	48.300	48.600	48.600	758.318.550	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Phú Thọ	bệnh viện đa khoa thị xã phú thọ	25002	Bệnh viện đa khoa thị xã Phú Thọ	25002
329	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	107.100	16.740	16.830	18.090	18.270	18.540	18.630	283.922.100	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Phú Thọ	Trung tâm Y tế huyện Thanh Sơn	25010	Trung tâm y tế huyện Thanh Sơn	25010

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
330	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	228.330	35.970	36.000	38.370	38.970	39.420	39.600	605.302.830	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Phú Thọ	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Thọ	25044	Phòng khám đa khoa - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Thọ	25044
331	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	86.760	14.760	14.850	14.130	14.250	14.370	14.400	230.009.760	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Phú Thọ	Trung tâm y tế huyện Tân Sơn	25045	Trung tâm y tế huyện Tân Sơn	25045
332	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	180.660	24.360	25.200	29.760	31.530	34.350	35.460	478.929.660	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Phú Yên	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Yên	54117	Phòng khám Chuyên khoa HIV/AIDS và điều trị nghiện chất	54117
333	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	125.490	20.100	20.340	20.940	21.180	21.300	21.330	331.878.690	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Quảng Bình	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Quảng Bình	44417	PHÒNG KHÁM ĐA KHOA THUỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG BÌNH	44417
334	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	234.420	37.590	37.800	38.880	39.420	40.230	40.500	621.447.420	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Quảng Nam	Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam	49001	Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam	49001
335	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	3.390	510	540	540	540	630	630	8.986.890	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Quảng Nam	Bệnh viện phụ sản - Nhi Quảng Nam	49112	Bệnh viện Phụ sản - Nhi tỉnh Quảng Nam	49112
336	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	537.166	88.672	88.674	89.955	89.955	89.955	89.955	1.424.027.666	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Quảng Ninh	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh	22001	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh	22001
337	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	472.470	71.070	71.100	114.900	71.520	71.880	72.000	1.252.517.970	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Quảng Ninh	Bệnh viện Đa khoa Cẩm Phả	22007	Bệnh viện Đa khoa Cẩm Phả	22007
338	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	186.120	30.960	31.050	30.150	31.050	31.410	31.500	493.404.120	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Quảng Ninh	Trung tâm Y tế thị xã Đông Triều	22015	Trung tâm Y tế thị xã Đông Triều	22015
339	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	177.960	33.420	33.390	22.200	22.350	33.300	33.300	471.771.960	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Quảng Ninh	Trung tâm y tế thị xã Quảng Yên	22017	Trung tâm y tế thị xã Quảng Yên	22017
340	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	111.450	18.870	18.900	17.700	18.360	18.720	18.900	295.453.950	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Quảng Ninh	Bệnh viện Đa khoa Hạ Long	22020	Bệnh Viện Đa Khoa Hạ Long	22020
341	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	253.620	42.030	42.120	41.670	42.390	42.660	42.750	672.346.620	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Quảng Ninh	Trung tâm Y tế huyện Vân Đồn	22021	Trung tâm Y tế huyện Vân Đồn	22021
342	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	101.160	16.560	16.650	16.830	16.950	17.070	17.100	268.175.160	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Quảng Ninh	Trung tâm Y tế huyện Tiên Yên	22022	Trung tâm Y tế huyện Tiên Yên	22022

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*) Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI	Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Mã thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
343	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	197.640	33.030	30.060	34.110	33.480	33.480	33.480	523.943.640	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Quảng Ninh	Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái	22027	Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái	22027
344	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	164.610	26.910	27.000	27.450	27.540	27.810	27.900	436.381.110	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Quảng Ninh	Bệnh viện Việt Nam-Thụy Điển Uông Bí	22030	Bệnh viện Việt Nam-Thụy Điển Uông Bí	22030
345	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	246.830	39.960	40.050	42.350	41.370	41.520	41.580	654.546.330	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Quảng Ninh	Trung tâm Y tế thành phố Hạ Long	22031	Phòng khám đa khoa Trung tâm Y tế thành phố Hạ Long	22031
346	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	156.540	24.600	24.750	26.910	26.430	26.850	27.000	414.987.540	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Quảng Ninh	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cẩm Phả	22095	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cẩm Phả	22095
347	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	272.100	38.970	40.230	40.230	51.840	49.980	50.850	721.337.100	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Quảng Ngãi	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi	51224	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS	51224
348	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	30.330	4.140	4.320	4.680	5.310	5.850	6.030	80.404.830	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Quảng Trị	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	45092	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	45092
349	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	468.870	75.150	75.600	77.550	79.050	80.520	81.000	1.242.974.370	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng	94001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng	94001
350	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	135.180	21.330	21.510	22.320	22.860	23.490	23.670	358.362.180	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm Y tế huyện Mỹ Xuyên	94002	Trung tâm Y tế huyện Mỹ Xuyên	94002
351	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	34.770	5.250	5.400	5.670	5.940	6.210	6.300	92.175.270	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm Y tế huyện Mỹ Tú	94003	Trung tâm Y tế huyện Mỹ Tú	94003
352	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	29.850	4.440	4.500	5.010	5.160	5.340	5.400	79.132.350	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm Y tế huyện Long Phú	94004	Trung tâm Y tế huyện Long Phú	94004
353	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	108.000	16.020	16.200	17.820	18.630	19.530	19.800	286.308.000	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm y tế huyện Kế Sách	94005	Trung tâm Y tế huyện Kế Sách	94005
354	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	37.470	5.820	5.850	6.270	6.420	6.540	6.570	99.332.970	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm Y tế huyện Thạnh Trị	94006	Trung tâm Y tế huyện Thạnh Trị	94006
355	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	85.120	12.960	13.050	17.560	13.710	13.890	13.950	225.653.120	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm Y tế thị xã Vĩnh Châu	94007	Trung tâm Y tế thị xã Vĩnh Châu	94007

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
356	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	32.610	4.740	4.950	5.550	5.700	5.820	5.850	86.449.110	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm Y tế huyện Cù Lao Dung	94008	Trung tâm Y tế huyện Cù Lao Dung	94008
357	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	49.920	7.410	7.560	8.160	8.580	9.030	9.180	132.337.920	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm Y tế Thị xã Ngã Năm	94010	Trung tâm Y tế Thị xã Ngã Năm	94010
358	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	33.390	5.160	5.220	5.460	5.610	5.820	6.120	88.516.890	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	TTYT Châu Thành	94018	Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	94018
359	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	32.610	4.950	4.950	5.460	5.610	5.790	5.850	86.449.110	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm Y tế huyện Trần Đề	94020	Trung tâm Y tế huyện Trần Đề	94020
360	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	9.300	1.380	1.440	1.620	1.620	1.620	1.620	24.654.300	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	BV Chuyên khoa Sản Nhi tỉnh Sóc Trăng	94029	BV Chuyên khoa Sản Nhi tỉnh Sóc Trăng	94029
361	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	155.670	24.930	25.200	25.560	26.190	26.790	27.000	412.681.170	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sóc Trăng	Trung tâm Y tế thành phố Sóc Trăng	94030	Trung tâm Y tế thành phố Sóc Trăng	94030
362	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	257.580	41.130	41.130	43.830	43.830	43.830	43.830	682.844.580	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sơn La	Bệnh Viện Đa Khoa tỉnh Sơn La	14001	Bệnh Viện Đa Khoa tỉnh Sơn La	14001
363	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	405.390	57.810	57.870	111.390	58.860	59.610	59.850	1.074.688.890	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sơn La	Bệnh viện đa khoa huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La	14002	Bệnh viện đa khoa huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La	14002
364	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	75.480	12.900	13.050	12.120	12.270	12.540	12.600	200.097.480	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sơn La	Bệnh viện đa khoa huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	14003	Bệnh viện đa khoa huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	14003
365	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	89.910	13.500	13.590	16.560	15.330	15.450	15.480	238.351.410	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sơn La	Bệnh viện đa khoa huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	14004	Bệnh viện đa khoa huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	14004
366	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	362.940	58.110	58.500	59.100	60.960	62.820	63.450	962.153.940	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sơn La	Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La	14005	Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La	14005
367	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	122.730	20.160	20.250	20.400	20.550	20.670	20.700	325.357.230	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sơn La	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	14006	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	14006
368	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	308.940	51.630	52.200	48.510	51.570	52.380	52.650	818.999.940	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sơn La	Bệnh viện đa khoa huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	14007	Bệnh viện đa khoa huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	14007

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
369	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	118.920	19.650	20.070	18.810	19.620	20.250	20.520	315.236.920	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sơn La	Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La	14008	Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La	14008
370	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	330.150	55.740	55.980	54.180	54.540	54.810	54.900	875.227.650	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sơn La	Bệnh viện đa khoa huyện Mường La, tỉnh Sơn La	14009	Bệnh viện đa khoa huyện Mường La, tỉnh Sơn La	14009
371	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	51.540	8.100	8.460	8.280	8.730	8.970	9.000	136.632.540	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sơn La	Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La	14010	Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La	14010
372	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	154.680	24.630	24.660	25.950	26.250	26.550	26.640	410.056.680	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sơn La	Bệnh viện đa khoa Thảo Nguyên huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	14011	Bệnh viện đa khoa Thảo Nguyên huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	14011
373	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	77.730	12.510	12.600	12.480	13.200	13.440	13.500	206.062.230	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Sơn La	Bệnh viện đa khoa huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.	14015	Bệnh viện đa khoa huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.	14015
374	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	549.290	109.060	109.450	99.120	76.080	77.550	78.030	1.456.167.790	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Tây Ninh	Trung tâm Y tế Thị xã Hòa Thành	72002	Trung tâm Y tế Thị xã Hòa Thành	72002
375	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	300.010	56.510	57.200	44.460	46.080	47.610	48.150	795.326.510	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Tây Ninh	Trung tâm Y tế huyện Gò Dầu	72003	Trung tâm Y tế huyện Gò Dầu	72003
376	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	192.870	34.650	34.920	30.510	30.150	31.140	31.500	511.298.370	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Tây Ninh	Trung Tâm Y Tế Thị Xã Trảng Bàng	72004	Trung tâm Y tế Thị Xã Trảng Bàng	72004
377	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	55.100	10.660	11.740	7.530	7.500	8.130	9.540	146.070.100	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Tây Ninh	Trung tâm Y tế huyện Bến Cầu	72005	Trung tâm Y tế huyện Bến Cầu	72005
378	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	962.700	149.490	151.200	154.590	162.750	170.970	173.700	2.552.117.700	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Tây Ninh	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tây Ninh	72010	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tây Ninh	72010
379	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	134.010	20.670	21.510	22.440	22.980	23.190	23.220	355.260.510	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Tiền Giang	bệnh viện Đa khoa khu vực Gò Công	82002	BVĐKKV GÒ CÔNG	82002
380	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	169.530	26.610	27.450	27.900	28.980	29.250	29.340	449.424.030	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Tiền Giang	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy	82003	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy	82003
381	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	1.008.240	162.420	163.800	166.860	169.560	172.350	173.250	2.672.844.240	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Tiền Giang	TTKSBT tỉnh Tiền Giang	82215	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Tiền Giang	82215

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
382	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	157.590	21.600	21.690	44.700	22.920	23.280	23.400	417.771.090	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Tuyên Quang	BVĐK tỉnh Tuyên Quang	08101	BVĐK tỉnh Tuyên Quang	08101
383	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	7.740	1.170	1.170	1.350	1.350	1.350	1.350	20.518.740	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Tuyên Quang	TTYT huyện Lâm Bình	08118	TTYT huyện Lâm Bình	08118
384	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	132.840	17.640	18.000	38.250	19.440	19.710	19.800	352.158.840	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Tuyên Quang	TTYT huyện Yên Sơn	08204	TTYT huyện Yên Sơn	08204
385	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg, Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	141.630	23.460	23.580	24.480	23.070	23.460	23.580	375.461.130	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Tuyên Quang	TTYT huyện Sơn Dương	08303	TTYT huyện Sơn Dương	08303
386	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	62.430	8.430	8.550	17.550	9.090	9.360	9.450	165.501.930	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Tuyên Quang	TTYT huyện Hàm Yên	08401	TTYT huyện Hàm Yên	08401
387	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	53.010	7.110	7.200	14.850	7.740	8.010	8.100	140.529.510	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Tuyên Quang	TTYT huyện Chiêm Hóa	08501	TTYT huyện Chiêm Hóa	08501
388	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	12.540	2.220	2.250	1.440	2.160	2.220	2.250	33.243.540	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Tuyên Quang	Trung tâm y tế huyện Na Hang	08602	TTYT Huyện Na Hang	08602
389	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg, Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	17.340	2.610	2.760	4.470	2.460	2.520	2.520	45.968.340	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình	34001	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình	34001
390	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg, Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	144.750	30.000	23.490	0	33.000	33.000	25.260	383.732.250	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện đa khoa Thành phố Thái bình	34002	Bệnh viện Đa khoa Thành Phố Thái Bình	34002
391	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	72.060	10.680	10.890	15.300	11.640	11.760	11.790	191.031.060	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện Đa khoa huyện vũ thư	34003	Bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Thư	34003
392	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	81.090	11.190	11.430	0	19.500	19.500	19.470	214.969.590	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện Đa khoa huyện kiến xương	34004	Bệnh viện Đa khoa huyện Kiến Xương	34004
393	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	33.090	4.290	4.500	8.820	4.830	5.250	5.400	87.721.590	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện Đa khoa huyện Tiền Hải	34005	Bệnh viện Đa khoa huyện Tiền Hải	34005
394	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	104.220	13.800	13.920	22.690	16.230	16.290	16.290	276.287.220	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện đa khoa huyện Đông Hưng	34006	Bệnh viện Đa khoa huyện Đông Hưng	34006

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VND)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
395	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	30.990	5.160	5.190	4.950	5.070	5.220	5.400	82.154.490	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Phụ	34007	Bệnh viện Đa khoa huyện Quỳnh Phụ	34007
396	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	38.700	6.000	6.000	10.140	5.610	1.950	9.000	102.593.700	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện Đa khoa Hưng Hà	34008	Bệnh viện Đa khoa Hưng Hà	34008
397	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	50.070	9.000	9.240	7.470	8.040	8.130	8.190	132.735.570	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện Đa khoa Thái Thụy	34009	Bệnh viện Đa khoa Thái Thụy	34009
398	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	7.910	1.630	1.630	1.500	990	1.080	1.080	20.969.410	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Bình	Bệnh viện Nhi tỉnh	34321	Bệnh viện Nhi tỉnh	34321
399	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	299.340	34.740	69.600	35.880	52.950	53.070	53.100	793.550.340	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Nguyên	Trung tâm y tế thành phố Thái Nguyên	19001	Trung tâm y tế thành phố Thái Nguyên	19001
400	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	39.330	6.090	6.120	8.280	6.240	4.200	8.400	104.263.830	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Nguyên	Trung tâm Y tế Thành phố Sông Công	19002	Trung tâm Y tế Thành phố Sông Công	19002
401	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	50.280	8.070	8.100	8.580	8.460	8.520	8.550	133.292.280	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Nguyên	Bệnh viện đa khoa huyện Định Hóa	19003	Bệnh viện đa khoa huyện Định Hóa	19003
402	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	165.780	23.040	39.150	0	23.910	31.800	47.880	439.482.780	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Nguyên	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN phÚ LƯƠNG	19004	TTYT Phú Lương	19004
403	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	222.330	36.840	36.900	36.840	37.110	37.290	37.350	589.396.830	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Nguyên	Trung tâm Y tế huyện Đồng Hỷ	19005	Trung tâm Y tế huyện Đồng Hỷ	19005
404	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	36.600	5.820	5.850	6.180	6.180	6.270	6.300	97.026.600	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Nguyên	Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai	19006	Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai	19006
405	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	209.225	41.000	41.235	1.740	41.610	41.790	41.850	554.655.475	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Nguyên	Bệnh viện Đa khoa huyện Đại Từ	19007	Bệnh viện Đa khoa huyện Đại Từ	19007
406	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	240.750	27.900	55.800	28.980	42.600	42.720	42.750	638.228.250	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Nguyên	Trung Tâm Y tế thành phố Phổ Yên	19008	Trung tâm Y tế Thành phố Phổ Yên	19008
407	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	170.970	27.870	27.900	28.980	28.650	28.770	28.800	453.241.470	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Nguyên	Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Bình	19009	Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Bình	19009

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng, Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*) Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI	Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
408	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	425.870	79.510	79.510	26.760	79.890	80.100	80.100	1.128.981.370	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thái Nguyên	Bệnh viện A Thái Nguyên	19012	Bệnh viện A Thái Nguyên	19012
409	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	290.670	44.700	45.000	61.170	46.320	46.680	46.800	770.566.170	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện Đa khoa thành phố Thanh Hoá	38010	Bệnh viện Đa khoa thành phố Thanh Hoá	38010
410	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	53.820	8.430	8.460	11.280	8.550	8.550	8.550	142.676.820	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa Thị Xã Bỉm Sơn	38020	Bệnh viện đa khoa Thị Xã Bỉm Sơn	38020
411	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	27.000	4.170	4.230	5.640	4.320	4.320	4.320	71.577.600	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa thành phố Sầm Sơn	38030	Bệnh viện đa khoa thành phố Sầm Sơn	38030
412	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	173.190	27.390	27.450	36.180	27.300	27.420	27.450	459.126.690	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN QUAN HÓA	38040	BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN QUAN HÓA	38040
413	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	52.350	8.100	8.100	11.040	8.370	8.370	8.370	138.779.850	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa Huyện Bá Thước	38050	Bệnh viện đa khoa Huyện Bá Thước	38050
414	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	40.680	6.300	6.300	8.640	6.480	6.480	6.480	107.842.680	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa huyện Thường Xuân	38060	Bệnh viện đa khoa huyện Thường Xuân	38060
415	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	32.700	4.770	4.770	7.050	5.310	5.400	5.400	86.687.700	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện Đa khoa Huyện Như Xuân	38070	Bệnh viện Đa khoa Huyện Như Xuân	38070
416	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	31.500	4.500	4.500	6.840	5.220	5.220	5.220	83.506.500	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Lang Chánh	38080	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Lang Chánh	38080
417	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	116.430	18.210	18.450	24.420	18.450	18.450	18.450	308.655.930	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc	38090	Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc	38090
418	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	29.160	4.500	4.500	6.120	4.680	4.680	4.680	77.303.160	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Thủy	38100	Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Thủy	38100
419	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	16.320	2.430	2.430	3.450	2.610	2.700	2.700	43.264.320	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành	38110	Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành	38110
420	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	59.730	9.450	9.450	12.480	9.450	9.450	9.450	158.344.230	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa Huyện Thọ Xuân	38120	Bệnh viện đa khoa Huyện Thọ Xuân	38120

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
421	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	22.110	2.580	2.700	3.780	4.140	4.410	4.500	58.613.610	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Lộc	38130	Bvđk Huyện Vĩnh Lộc	38130
422	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	21.360	3.330	3.330	4.440	3.420	3.420	3.420	56.625.360	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Định	38140	Bệnh viện đa khoa Huyện Yên Định	38140
423	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	18.900	3.150	3.150	3.150	3.150	3.150	3.150	50.103.900	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn	38150	Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn	38150
424	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	26.190	4.110	4.140	5.520	4.140	4.140	4.140	69.429.690	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa Huyện Nông cống tỉnh Thanh Hóa	38160	Bệnh viện đa khoa Huyện Nông Cống	38160
425	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	23.460	3.600	3.600	4.920	3.780	3.780	3.780	62.192.460	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa Huyện Đông Sơn	38170	Bệnh viện đa khoa Huyện Đông Sơn	38170
426	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	33.030	4.920	4.950	7.050	5.310	5.400	5.400	87.562.530	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện Đa khoa huyện Hà Trung	38180	Bệnh viện Đa khoa huyện Hà Trung	38180
427	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	32.400	4.950	4.950	6.840	5.220	5.220	5.220	85.892.400	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa Huyện Hoằng Hóa	38190	Bệnh viện đa khoa Huyện Hoằng Hóa	38190
428	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	17.760	2.700	2.700	3.720	2.880	2.880	2.880	47.081.760	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa huyện Nga Sơn	38200	Bệnh viện đa khoa huyện Nga Sơn	38200
429	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	39.420	6.120	6.120	8.280	6.300	6.300	6.300	104.502.420	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa huyện Hậu Lộc	38210	Bệnh viện đa khoa huyện Hậu Lộc	38210
430	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	56.550	8.790	9.000	11.850	8.910	9.000	9.000	149.914.050	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Quảng Xương	38220	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Quảng Xương	38220
431	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	50.640	7.830	7.830	10.680	8.100	8.100	8.100	134.246.640	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa khu vực Nghi Sơn	38230	Bệnh viện đa khoa khu vực Nghi Sơn	38230
432	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	9.720	1.440	1.440	2.040	1.620	1.620	1.620	25.926.720	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hóa	38240	Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hóa	38240
433	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	26.700	4.050	4.050	5.640	4.320	4.320	4.320	70.781.700	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện Đa khoa huyện Như Thanh	38250	Bệnh viện Đa khoa huyện Như Thanh	38250

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
434	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	18.630	2.880	2.880	3.960	2.970	2.970	2.970	49.388.130	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa huyện Quan Sơn	38260	Bệnh viện đa khoa huyện Quan Sơn	38260
435	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	119.430	18.870	18.900	25.050	18.810	18.900	18.900	316.608.930	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa huyện Mường Lát	38270	Bệnh viện đa khoa huyện Mường Lát	38270
436	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	10.920	1.620	1.620	2.280	1.800	1.800	1.800	28.948.920	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa	38280	Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Thanh Hóa	38280
437	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	370.500	58.500	58.500	78.000	58.500	58.500	58.500	982.195.500	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa	38741	Phòng khám và điều trị HIV/AIDS thuộc trung tâm kiểm soát bệnh tật Thanh Hoá	38741
438	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	47.130	6.300	6.300	8.130	8.520	8.880	9.000	124.941.630	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thanh Hóa	Trung tâm y tế huyện Ngọc Lặc	38773	Trung tâm y tế huyện Ngọc Lặc	38773
439	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	37.260	6.660	6.660	5.580	6.120	6.120	6.120	98.776.260	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thừa Thiên Huế	Bệnh viện Trung ương Huế	46001	Bệnh viện Trung ương Huế	46001
440	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	168.680	29.500	30.100	23.250	27.090	29.040	29.700	447.170.680	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Thừa Thiên Huế	Phòng khám chuyên khoa và điều trị nghiện chất - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thừa Thiên Huế	46211	Phòng khám chuyên khoa và điều trị nghiện chất - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thừa Thiên Huế	46211
441	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	175.440	26.910	27.000	29.400	31.170	30.360	30.600	465.091.440	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Trà Vinh	Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh	84-001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh	84001
442	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	126.330	19.500	19.800	21.000	21.450	22.170	22.410	334.900.830	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Trà Vinh	Trung tâm Y tế huyện Càng Long	84-002	Trung tâm Y tế huyện Càng Long	84002
443	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	102.420	16.020	16.200	17.010	17.370	17.820	18.000	271.515.420	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Trà Vinh	Trung tâm y tế châu thành	84-003	Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	84003
444	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	44.280	6.930	6.930	7.470	7.650	7.650	7.650	117.386.280	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Trà Vinh	Trung tâm Y tế huyện Cầu Kè	84-004	Trung tâm Y tế huyện Cầu Kè	84004
445	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	68.820	10.710	10.950	11.580	11.730	11.850	12.000	182.441.820	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Trà Vinh	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tiểu Cần	84005	Bệnh viện đa khoa khu vực huyện Tiểu Cần	84005
446	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	65.130	9.780	9.900	10.950	11.220	11.580	11.700	172.659.630	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Trà Vinh	Trung tâm Y tế huyện Trà Cú	84006	Trung tâm Y tế huyện Trà Cú	84006

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
447	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	78.300	11.970	12.060	15.300	12.780	13.050	13.140	207.573.300	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Trà Vinh	Bệnh viện đa khoa khu vực Cầu Ngang	84-007	Bệnh viện đa khoa khu vực huyện Cầu Ngang	84007
448	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	70.500	10.650	10.800	11.850	12.120	12.480	12.600	186.805.500	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Trà Vinh	Trung tâm Y tế thị xã Duyên Hải	84-008	Trung tâm Y tế thị xã Duyên Hải	84008
449	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	639.650	113.170	114.010	94.080	103.750	106.810	107.830	1.695.712.150	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Vĩnh Long	Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Long	86001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Long	86001
450	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	224.130	35.040	35.100	34.350	38.700	40.440	40.500	594.168.630	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Vĩnh Long	TTYT TX. Bình Minh	86032	TTYT TX. Bình Minh	86032
451	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	159.540	30.810	31.080	21.000	25.500	25.950	25.200	422.940.540	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Vĩnh Long	Trung tâm Y tế huyện Tam Bình	86049	Trung tâm Y tế huyện Tam Bình	86049
452	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	92.870	16.120	18.230	13.490	14.330	15.200	15.500	246.198.370	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Vĩnh Long	Trung Tâm Y Tế huyện Trà Ôn	86066	TTYT H. Trà Ôn	86066
453	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	47.340	6.300	6.300	13.680	7.020	7.020	7.020	125.498.340	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Vĩnh Phúc	Trung tâm y tế huyện Lập Thạch	26002	Trung tâm Y tế huyện Lập Thạch	26002
454	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	121.650	16.200	16.200	35.250	18.000	18.000	18.000	322.494.150	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Vĩnh Phúc	Trung tâm y tế huyện Sông Lô	26003	Trung tâm Y tế huyện Sông Lô	26003
455	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	63.540	8.550	8.550	18.240	9.300	9.450	9.450	168.444.540	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Vĩnh Phúc	Trung tâm y tế huyện Tam Dương	26004	Trung tâm Y tế huyện Tam Dương	26004
456	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	57.810	8.910	9.000	12.030	9.150	9.300	9.420	153.254.310	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Vĩnh Phúc	Trung tâm y tế huyện Vĩnh Tường	26005	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Tường	26005
457	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	71.010	9.810	9.900	19.350	10.440	10.710	10.800	188.247.510	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Vĩnh Phúc	Trung tâm y tế huyện Yên Lạc	26006	Trung tâm Y tế huyện Yên Lạc	26006
458	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	68.450	8.550	8.550	18.180	9.300	9.420	9.450	168.205.950	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Vĩnh Phúc	Trung tâm Y tế huyện Bình Xuyên	26007	Trung tâm Y tế huyện Bình Xuyên	26007
459	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	162.240	23.130	23.130	45.420	23.310	23.580	23.670	430.098.240	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Vĩnh Phúc	Trung Tâm y tế TP Vĩnh Yên	26008	Trung tâm y tế thành phố Vĩnh Yên	26008

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Tiến độ cung cấp (*)						Thành tiền (VNĐ)	Nguồn vốn	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc
																Đợt I	Đợt II	Đợt III	Đợt IV	Đợt V	Đợt VI								
460	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	72.240	9.900	9.900	20.610	10.590	10.620	10.620	191.508.240	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Vĩnh Phúc	Trung tâm y tế thành phố Phúc Yên	26025	Trung tâm Y tế thành phố Phúc Yên	26025
461	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	30.660	3.930	3.960	8.730	4.560	4.710	4.770	81.279.660	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Vĩnh Phúc	Trung tâm y tế huyện Tam Đảo	26026	Trung tâm Y tế huyện Tam Đảo	26026
462	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	8.640	1.440	1.440	1.440	1.440	1.440	1.440	22.904.640	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Yên Bái	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Yên Bái	15101	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Yên Bái	15101
463	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	128.760	20.910	20.970	21.510	21.660	21.840	21.870	341.342.760	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Yên Bái	Trung tâm y tế Thành phố Yên Bái	15104	Trung tâm y tế Thành phố Yên Bái	15104
464	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	50.760	8.460	8.460	8.460	8.460	8.460	8.460	134.564.760	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Yên Bái	Trung tâm y tế huyện Lục Yên	15201	Trung tâm y tế huyện Lục Yên	15201
465	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	19.440	3.060	3.060	3.330	3.330	3.330	3.330	51.535.440	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Yên Bái	Trung tâm Y tế huyện Văn Yên	15301	Trung tâm Y tế huyện Văn Yên	15301
466	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	66.360	11.010	11.070	11.070	11.070	11.070	11.070	175.920.360	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Yên Bái	Trung tâm Y tế huyện Yên Bình	15401	Trung tâm y tế huyện Yên Bình	15401
467	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	6.480	1.080	1.080	1.080	1.080	1.080	1.080	17.178.480	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Yên Bái	Trung tâm y tế huyện Mù Cang Chải	15501	Trung tâm y tế huyện Mù Cang Chải	15501
468	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	106.020	17.370	17.370	17.070	17.670	18.270	18.270	281.059.020	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Yên Bái	Trung tâm y tế huyện Văn Chấn	15601	Trung tâm y tế huyện Văn Chấn	15601
469	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	15.480	2.520	2.520	2.610	2.610	2.610	2.610	41.037.480	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Yên Bái	Trung tâm Y tế huyện Trấn Yên	15701	Phòng khám đa khoa khu vực Hưng Khánh	15702
470	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	78.210	12.690	12.780	13.140	13.140	13.230	13.230	207.334.710	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Yên Bái	Bệnh viện Đa khoa khu vực Nghĩa Lộ	15901	Bệnh viện Đa khoa khu vực Nghĩa Lộ	15901
471	1	AN5	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg	Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg	50mg, 300mg, 300mg	Viên nén bao phim, uống	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110445523	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	2.651	86.450	43.110	43.740	0	0	0	0	230.239.350	BHYT	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Khánh Hòa	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Khánh Hòa	56195	Phòng khám Chuyên khoa HIV/AIDS	56195

(*: Mỗi đợt tương ứng 03 tháng)